

THÍCH THÁI HÒA

MÂY GIÓ THÔNG DONG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – VĂN NGHỆ

MỤC LỤC

Nắm lấy vận mệnh	7
Sống có chủ quyền	8
Đừng bỏ lỡ cơ hội	9
Chỉ là phù phiếm	11
Bước chân tự do	13
Mặc áo ấm	14
Đường về của giọt nắng và sương	15
Ý thức tự do	17
Tôn giáo giúp bạn	19
Chim vẫn bay	20
Tạo dựng mùa xuân	22
Tình yêu từng mảnh	29
Sống và chết	31
Vượt nẻo u buồn	33
Chiến tranh tình ái	34
Tự trách	38
Người hành khát khôn ngoan	41
Ráng nắng hắt vào	43
Một khoảng sương mù	44
Tiếp nhận sự sống	45
Mây và gió	47
Chiếc lá và con sâu	48
Thẳng và cong	51

Từng tảng đá và dòng suối	54
Ở đây mà không có nơi nào.....	56
Biển xanh và sóng bạc.....	58
Thế tôn bây giờ và ở đây	61
Hạt đậu và bàn tay	63
Những giọt nước mắt.....	65
Bóng đêm và ngọn đèn.....	67
Lời nhắn.....	68
Đen và trắng	71
Không phải là đá	72
Quảng đá trên vai	74
Đi và đến	75
Đừng dài dòng.....	76
Tự kiêu và khùng bố.....	77
Lửa đom đóm	79
Trắc trở và trung kiên.....	80
Chân lý của người say	81
Thà nói với người điếc	82
Hành trang vào đời.....	83
Về với đại dương.....	86
Kẻ lữ hành không cô độc.....	88
Người quẹt diêm.....	89
Thành công trong tầm tay.....	90
Đừng nói mà hãy hành động	91
Đừng đấu tranh với đá.....	92
Đừng nói.....	93

Tươi	94
Hiệu năng pháp quy y	95
Người biết lịch sử	97
Cái gì dễ!	98
Lãnh đạo à!	100
Tai họa	101
Tướng cướp và minh triết	102
Kẻ giết người	103
Thiền tập	104
Sống chết và an lạc	105
Nhiễm và tịnh	108
Ta muốn gì	110
Sống trung đạo	113
Hãy nhìn	115
Một câu chuyện	116
Cha đẻ	118
Bất tử	119
Lời ca dao mẹ ru	121
Tự tung tự tác	126
Hai hòa thượng và chú tiểu	128
Hương vị cuộc sống	129
Hạnh cúng dường	130
Nghe pháp	132
Chà xát mấy vẫn còn	133
Bí quyết	134
Không nhọc công kiếm tìm bên đố	136

Vĩ đại ư!.....	139
Mất và được.....	140
Kiêu hãnh và thất bại.....	143
Khiêm nhẫn và thành công.....	144
Chấp nhận và chuyển hóa.....	145
Tự tịnh tâm ý	148
Buông xả tự ngã	149
Nuôi lớn chất liệu từ bi hỷ xả.....	150
Gốc của mọi sự yên bình.....	153
Những gì giá trị	154
Đồng hành	155
Điều không thể nói	156
Học cách phê bình	161
Chúng ta có mãi trong nhau	164
Tác bạch cúng dường an cư tại chùa Phước Duyên, TP. Huế.....	170
Lời huấn từ	176
Mùa Xuân trong mỗi chúng ta.....	186
Các phân khoa Phật giáo	193

Nắm lấy vận mệnh

Không có ai thờ thể cho bạn, bạn hãy tự thờ lấy để tạo ra sinh lực cho bạn.

Mặt trời, trái đất, sông ngòi, biển cả, núi rừng, không khí, cha mẹ, bạn bè, người yêu, tất cả sự hiện hữu ấy là để giúp cho bạn thờ.

Bạn có thờ thì bạn mới sống. Nhưng bạn muốn sống cho có an lạc và thanh thoi thì bạn hãy thờ cho có ý thức chánh niệm.

Và khi nào bạn thờ có ý thức chánh niệm, thì bạn mới có khả năng nắm lấy vận mệnh của bạn.

Bạn hãy thờ đi, để bạn đủ khả năng nắm lấy vận mệnh của bạn, bạn đừng có nhờ ai thờ giúp và không có một ai trên đời này có thể thờ giúp cho bạn mà sinh mệnh của bạn có thể tồn tại.

Bạn hãy tự thờ lấy và hãy tự nắm lấy vận mệnh của bạn ngay trong đời này và trong từng hơi thở của bạn.

Sống có chủ quyền

Bạn không nên sống như một kẻ nô lệ mà phải sống như một người có chủ quyền. Khi làm một công việc gì, bạn không nên làm theo mệnh lệnh của dục vọng hay của những tập khí sai lầm. Bạn không nên để cho những thế lực vô minh lôi kéo bạn đi, sai khiến bạn nói.

Bạn hãy nói và làm với tư cách của một người sống có chủ quyền. Người sống có chủ quyền là người có khả năng làm chủ thân tâm của họ. Và thân của họ luôn luôn được bảo hộ bằng tâm của họ. Họ luôn luôn an trú tâm ở nơi thân, để thân của họ đi, đứng, nằm, ngồi đều có sự an toàn, vững chãi và thanh thoi. Tâm của họ càng sâu lắng, thì thân của họ càng vững chãi; tâm của họ càng trong sáng bao nhiêu, thì thân của họ càng nhẹ nhàng thanh thoát bấy nhiêu.

Vậy, bạn hãy nắm lấy chủ quyền của sự sống từ nơi thân tâm của bạn.

Đừng bỏ lỡ cơ hội

Những gì cần làm là bạn hãy làm ngay, vì dịp may không đến với bạn hai lần.

Già, bệnh, tai nạn, chương ngại và sự chết sẽ đến với bạn bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu. Chỉ cần một nhịp tim mất bình thường là bao nhiêu rủi ro đến với bạn. Chỉ một cơn gió đông bất ngờ cũng có thể làm cho bạn ngã quỵ trên giường bệnh và rồi bao nhiêu khổ đau, lo lắng, sợ hãi, buồn chán diễn ra liên tục trên thân và tâm của bạn. Bấy giờ trước mắt của bạn chỉ là màu đen, bạn sẽ hốt hoảng, than thở và trách móc, không biết rằng mình sẽ đi về đâu.

Vậy, bây giờ bạn đang có đủ điều kiện để tạo ra năng lượng hạnh phúc cho bạn, thân còn khỏe, mắt còn sáng, tai còn thông, trí còn minh mẫn, tại sao bạn không nỗ lực để hướng tới một đời sống rộng lớn, cao viễn mà lại phí phạm thì giờ không có chút gì ích lợi cho thân tâm trong hiện tại, mai kia bất ngờ tai nạn xảy đến thì ăn năn làm sao kịp.

Vậy, bạn hãy cẩn thận đừng để lỡ cơ hội. Những gì tốt đẹp của bạn trong tương lai, tất cả đều đang có mặt trong giờ phút này và ở đây.

Giờ phút này và ở đây là giờ phút quý báu nhất, bạn đừng để mất cơ hội khiến ngàn sau ân hận!

Chỉ là phù phiếm

Sống chỉ là ảo ảnh của một cái chết, và chết chỉ là ảo ảnh của một cái sống. Sống và chết chỉ là phù phiếm, nó luôn luôn có mặt trong ta.

Cái phù phiếm của sống và chết đã làm cho nhiều người sợ hãi, họ sợ hãi đến nỗi họ chưa chết mà làm như kẻ đã chết, và họ đang sống nhưng họ đã vội vàng chấp giựt sự sống.

Ta chưa chết mà ta làm như một kẻ đã chết, thì cái chết đó là một ảo ảnh và ta đang sống mà ta vội vàng chấp giựt sự sống thì cái sống đó là một ảo ảnh.

Nếu ta thực sự sống hay thực sự chết, thì sự sống chết đối với ta không còn là một ảo ảnh, không còn là một sự sợ hãi. Ta biết sống và chết chỉ là một trò chơi đuổi bắt, nên ta không bị trò chơi ấy làm cho ta sợ hãi hay sầu muộn. Ta có thể mỉm cười, khi ta sống và ta cũng có thể mỉm cười khi ta chết.

Ta mỉm cười một cách hạnh phúc, vì ta đã biết sự

sống chết trong ta chỉ là phù phiếm! ta chưa bao giờ sinh và ta cũng chưa bao giờ diệt. Sinh và diệt chỉ là cái biểu hiện hay ẩn tàng từ cái không bao giờ sinh diệt trong ta.

Do đó, sinh và diệt, sống và chết chỉ là ảo ảnh, chỉ là phù phiếm của cái không hề sinh diệt.

Bởi vậy, sinh và diệt, sống và chết không còn đánh lừa được ta, không còn làm cho ta sợ hãi. Ta đã có bước chân đi của một con người có chủ quyền và có tự do.

Hạnh phúc của ta là trong mỗi bước chân, nụ cười và hơi thở.

Bước chân tự do

Bạn có thể nói và trình bày cho mọi người nghe về sự tự do, và ngay bạn có thể chủ trương về sự tự do, nhưng chính bản thân bạn chưa bao giờ có đời sống tự do.

Bạn nói rất nhiều về tự do, nhưng bạn sống như một kẻ nô lệ. Sự tự do đích thực chỉ xảy ra cho bạn, khi nào bạn sống và hành động không bị điều động bởi ý thức hữu ngã.

Chính ý thức hữu ngã đã trói buộc bạn, làm cho bạn mất hết thấy mọi sự tự do.

Vậy, bạn hãy bước đi mà không cần đề ý đến chủ thể đi, thì tức khắc bạn có bước chân tự do, sự an lạc sẽ phát sinh trong đời sống hằng ngày của bạn. Bây giờ, bạn không cần nghĩ đến tự do và không cần đi tìm kiếm tự do mà sự tự do đích thực vẫn tự nó hiển lộ ra trong đời sống của bạn.

Bạn nên biết! sự tự do đích thực là sự tự do không bị ràng buộc bởi ý thức hữu ngã.

Mặc áo ấm

Suốt mùa đông ta đang ngồi đan áo ấm, ta đi may áo ấm, nên cái ấm chưa bao giờ có với ta. Ta ngồi đan áo ấm mà ta vẫn lạnh, vì ta đang ngồi đan áo ấm chứ chưa phải là ta đang mặc áo ấm. Ta chỉ có ấm áp không phải ta biết đan áo ấm hay biết đi may áo ấm mà khi nào ta biết mặc áo ấm.

Ta không chịu mặc áo ấm mà ta chỉ ngồi đan hàng chục cái áo ấm thì trong ta vẫn lạnh buốt như thường.

Vậy, sống giữa mùa đông lạnh, bạn hãy mặc áo ấm đi!

Đường về của giọt nắng và sương

Sáng nay những giọt nắng ấm xuất hiện, sau những ngày dài đông lạnh. Những giọt nắng sáng nay, tuy nhìn nó thật mong manh, nhưng sự thật chúng chẳng mong manh chút nào! Chúng là hóa thân của mặt trời và có dòng dõi từ Đại Nhật Như Lai muôn thuở.

Và những hạt sương sáng nay cũng đẹp, cái đẹp của nó chính là mong manh. Cuộc đời mong manh là cuộc đời vĩnh cửu của sương. Sương là phải mong manh, nếu sương không mong manh thì sương không còn là sương nữa.

Sương rất thương mặt trời, mỗi khi mặt trời lên và ánh nắng xuất hiện là sương bắt đầu có điều kiện để trở về và hòa nhập với cội nguồn của nó là mặt trăng. Uyên nguyên của sương chính là mặt trăng. Và uyen nguyên của những giọt nắng chính là mặt trời.

Vậy, uyen nguyên của bạn là cái gì và ở đâu? Chẳng lẽ bạn không có cái uyen nguyên của bạn sao?

Nếu bạn không nhận ra được cái uyen nguyên của

bạn, thì khi bạn buông hơi thở cuối cùng, bạn sẽ không biết đường về, bạn thua cả giọt sương và giọt nắng!

Bạn biết không, cái vô minh trong bạn đã làm cho bạn quên hẳn đường về, làm cho bạn lạc loài và bơ vơ!

Trong lúc đó, quê hương và dòng họ của bạn, đẹp tuyệt vời và cao quý hơn cả hàng chục triệu lần quê hương và dòng họ của những giọt nắng và sương, điều đó đến bao giờ bạn mới nhận ra!

Ý thức tự do

Bạn sống trong tự do và bạn có ý thức về nó một cách rõ ràng trong mỗi phút giây thì sự hạnh phúc và niềm vui sống của bạn được tăng lên một cách mau nhiệm.

Nếu sống trong tự do, nhưng bạn không có ý thức về nó, thì tức khắc bạn tự đánh mất nó. Và bạn sống như một kẻ nô lệ.

Phần nhiều khi ta mất tự do, ta mới nghĩ tới nó, còn khi ta có tự do, thì ta lại bỏ quên nó. Và khi ta nhận ra rằng, ta đang mất tự do thì chuyện đã rồi!

Đó là một trong những nỗi bất hạnh lớn lao của con người.

Cũng vậy, một người con gái khi ở với cha mẹ, cô nghĩ rằng; “*cô không có tự do*” nên cô ta phải đi tìm một người yêu và để có tự do với người đó.

Nhưng, khi cô con gái đã tìm ra được một người để yêu và cha mẹ cô đã cho cô tự do sống với người đó. Nhưng, sau khi cô đã được sống với người đó thì cô lại than:

*“Bây giờ con đã lấy chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra!”*

“*Cá cắn câu*” là cá đi vào chỗ chết, chỉ vì cá lầm tưởng một miếng mồi! Và “*chim vào lồng*” là vào chốn ngục tù chung thân, chỉ vì chim đã mê tiếng gáy của một con chim ở trong lồng đã được huấn luyện bởi những hạt giống ái tình!

Bạn biết không, đi vào cửa ngõ của ái tình là đi vào cửa ngõ của ngục tù. Ái tình càng nặng, thì ở tù càng lâu!

Và như vậy, đối với người ở tù, tự do chỉ là những cảm giác hoang tưởng. Và sự tự do không bao giờ có thật với những ai đem thân làm nô lệ cho ngũ dục. Chất liệu tự do chỉ thật sự xảy ra cho ta, khi ta sống đời sống bằng ý thức tự giác, tự nguyện, tự trọng và tự tin. Nơi nào và người nào sống có bốn chất liệu này, nơi đó và người đó có tự do. Và bấy giờ cảm giác tự do không còn là một cảm giác hoang tưởng mà là một cảm giác có thật ở trong đời sống hàng ngày của chúng ta.

Sự tự do đích thực là sự tự do không bị ràng buộc bởi ngũ dục.

Tôn giáo giúp bạn

Đời sống có tín ngưỡng hay tôn giáo là đời sống của con người. Và cao hơn thế giới của con người.

Niềm tin và sự sinh hoạt của tôn giáo không bao giờ xảy ra cho những thế giới mà suy tư và hoạt động dưới mức sống của con người.

Nếu bạn từ chối niềm tin tôn giáo là tự bạn đánh mất đường về, bạn chỉ sinh hoạt theo bản năng và kết thúc đời sống như một thú vật.

Bạn có đau buồn chẳng, khi mình là con người mà sống và kết thúc một cuộc sống như một thú vật?

Tôn giáo có mặt là để giúp bạn sống có niềm tin và sự hiểu biết, nhưng khi bạn kết thúc sự sống thì tôn giáo giúp bạn kết thúc một cách có thú vị.

Chim vẫn bay

Đời sống của cá chỉ nghĩ đến rong rêu và chỉ tha hồ bơi lội ở trong nước. Nếu bạn thương và muốn tâm sự với cá, thì bạn nói cho nó về rong rêu và nói cho nó về cách bơi lội, chứ bạn không thể nói khác đi.

Nếu nói khác, cá sẽ không bao giờ hiểu mà nhiều khi cá ghét bạn nữa là khác.

Nhưng bạn ơi! Lắm lúc cũng có những con cá muốn làm anh hùng, nó muốn thống lãnh loài thủy tộc và nó muốn bắt các loài thủy tộc đều phải vâng lệnh nó: Nó muốn đi đâu là nó muốn các loài thủy tộc phải đi theo định hướng của nó. Và bản ngã của con cá anh hùng càng ngày càng tăng lên, nó nghĩ rằng, nó phải thống lĩnh đời sống của các loài chim ở trên trời. Nó ra lệnh cho chim phải bay như thế này và bay như thế kia!

Các loài chim từ chim nhỏ đến chim lớn khi nghe cá muốn lãnh đạo về đường bay của mình, nó mỉm cười và tự nhủ: “Cá chỉ thấy nước, trình độ chỉ là rong rêu, có khi nào thấy được mặt trăng, mặt trời, núi rừng, không

gian đâu mà lãnh đạo và vẽ đường bay cho mình!”

Nên từ chim nhỏ đến chim lớn, chẳng có con chim nào quan tâm đến sự định hướng và lãnh đạo của cá. Chim vẫn bay, vẫn hát ca và vẫn sống cuộc đời thênh thang của nó.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng cũng có những con chim bất hạnh, bị gãy cánh rơi xuống biển, bây giờ cá không còn ra lệnh cho chim ấy bay, mà cá nuốt sống chim ấy vào lòng để biến chim ấy thành cá. Trong lúc đó, những con chim lành lặn vẫn bay thênh thang giữa bầu trời tự do.

Tạo dựng mùa xuân

Mùa xuân của đất trời là do đất trời quan hệ với nhau mà tạo thành. Sự oi bức và rần rỏi của mùa hạ, sự mát dịu và thanh đậm của mùa thu, sự âm thầm và lạnh buốt của mùa đông đều đã góp phần cho sự có mặt của mùa xuân đầy sức sống và ấm áp để cho ngàn đóa hoa đua nở và để cho ngàn chim muông hát ca.

Nhìn xuân ta không nhìn bằng đôi mắt đơn điệu mà phải nhìn sâu để hiểu để thấy và để cảm nhận những gì mà xuân đang hiển tặc cho ta.

Ta thường quen nghĩ mùa xuân hoa mới nở, nhưng thực ra trong trời đất bốn mùa đều có hoa nở. Mùa xuân có hoa Lan nở, mùa hạ có hoa Sen nở, mùa thu có hoa Cúc nở và mùa đông có hoa Hải Đường hay hoa Trà Mi nở. Trong bốn mùa, mùa nào cũng có hoa nở, nhưng liệu ta có nhận ra điều đó để nuôi sống và tạo nên thiên đàng hạnh phúc cho ta hay không!

Có khi ta sống giữa mùa xuân, nhưng ta lại đi tìm kiếm xuân, và cũng có khi ta đang sống giữa mùa đông,

nhưng ta không lạnh lẽo, ta vẫn có chất liệu ấm áp của mùa xuân. Ta có mùa xuân trong cuộc sống của ta hay không là do khả năng quán chiếu và thực tập chánh niệm của ta. Ta thực tập chánh niệm càng nhuần và sâu, thì mùa xuân luôn có mặt trong ta.

Ta có chánh niệm là ta có khả năng lựa chọn những thức ăn thích hợp để nuôi thân và tâm ta.

Mùa xuân ta có thể ăn rau tía tô, mùa hạ ta có thể ăn rau diếp cá, xà lách, mùa thu ta có thể ăn măng và mùa đông ta có thể ăn giá, gỏi và gừng...

Thực phẩm hay rau trái của mỗi mùa, đều có tác dụng giúp cho thân thể ta tiêu thụ trong chiều hướng thuận hợp và khinh an, nếu ta biết chọn lựa.

Ta không có khả năng chọn lựa thực phẩm để nuôi dưỡng sự khinh an của thân là do ta sống không có chánh niệm. Ta sống không có chánh niệm thì ta không có khả năng tạo dựng mùa xuân cho ta và cho những người xung quanh ta.

Ta có thể tạo dựng mùa xuân cho ta bằng chất liệu Lắng Yên.

Lắng Yên là không lao xao, không vội vã, không bồn chồn. Nghĩa là khi ta nhìn, nghe, ngửi, nếm, tiếp

xúc và nghĩ đến một cái gì thì chỉ là cái đó và ta bám sâu về cái đó để thấy và để hiểu. Nhờ vậy mà tâm ta được yên lắng. Do tâm ta có yên lắng, nên ta có khả năng tạo dựng mùa xuân cho ta và cho những người chung quanh ta.

Ta cũng có thể tạo dựng mùa xuân cho ta và cho những người chung quanh ta bằng chất liệu Soi Sáng.

Soi Sáng là thấp sáng và soi chiếu. Nghĩa là ta thấp sáng tâm ta lên không để cho tâm ta bị ngủ vùi ở trong bóng tối. Và nếu ta không có khả năng thấp sáng tâm ta lên thì ta cũng không có khả năng soi chiếu.

Tâm ta thường bị ngủ vùi ở trong những cảm giác, những tri giác, những tập khí của chúng tử và những nhận thức sai lầm.

Ta thấp sáng tâm ta lên bằng ý thức chánh niệm và ta soi sáng vào các cảm giác, tri giác, tập khí chúng tử và những nhận thức sai lầm ấy thì tức khắc những sai lầm của cảm giác, tri giác, tập khí chúng tử và nhận thức của ta sẽ được chuyển hóa và chúng ta sẽ được thăng tiến trong một chiều hướng tốt đẹp. Và như vậy, ta đã tạo dựng được mùa xuân ngay từ nơi cảm giác, tri giác, chúng tử và nhận thức của ta. Ta đã có khả năng tạo dựng mùa xuân cho ta, thì ta mới có khả năng tạo

dựng mùa xuân cho những người chung quanh.

Ta cũng có thể tạo dựng mùa xuân cho ta và cho những người chung quanh bằng chất liệu cảm thông.

Cảm thông là cảm nhận được nỗi đau của người cũng có thể là nỗi đau của mình, nỗi khó khăn hoặc bất hạnh của người cũng có thể là nỗi khó khăn và bất hạnh của mình, do đó tâm ta khởi lên sự thông cảm, tha thứ và bao dung. Khi tâm ta có chất liệu cảm thông là đời sống của ta không còn bị đóng khung ở trong một ốc vỏ khô cứng nghèo nàn. Ta có sự cảm thông là đời sống của ta bắt đầu giàu có, mùa xuân trong đời sống của ta không còn là hồn nhiên mà là mùa xuân trưởng thành, ta có thể xây dựng mùa xuân cho ta bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào. Đối với bất cứ ai, ta cũng đều có thể giúp cho họ tạo dựng mùa xuân cho chính họ.

Ta cũng có thể tạo dựng mùa xuân cho ta và cho những người chung quanh ta bằng chất liệu NĂM LẤY TAY NHAU.

NĂM LẤY TAY NHAU là ta hiện hữu. Ta hiện hữu với những gì có mặt chung quanh ta.

Mặt trăng, mặt trời đã mỉm cười và nắm lấy địa cầu để soi sáng, địa cầu đã mỉm cười và nắm lấy mặt

trời, mặt trăng để chuyển động, bình minh và hoàng hôn đã nắm lấy tay nhau và giúp nhau có mặt, sông và núi đã giúp nhau và có mặt trong nhau và đã cùng nhau hiện hữu.

Ta không nắm lấy tay nhau là ta không còn hiện hữu. Ta không nắm lấy tay nhau là ta phản bội sự sống và ta phản bội chính ta.

Mùa **xuân** đã nắm lấy tay mùa **hạ** để đi và nắm tay mùa **đông** để về, và mùa **thu** nắm lấy tay mùa **đông** để đi và nắm tay mùa **hạ** để về, mùa **đông** đã nắm lấy tay mùa **xuân** để đi và nắm tay mùa **thu** để về, mùa **hạ** đã nắm lấy tay mùa **thu** để đi và nắm tay mùa **xuân** để về. Không những chúng nắm tay nhau để đi và về mà chúng còn hiện hữu ở trong nhau.

Ta cũng vậy, không những ta với mọi người, mọi loài hiện hữu bên nhau mà hiện hữu trong nhau; không có người thương, ta không sống nổi đã đành mà không có nước uống, không có không khí, mặt trời, mặt trăng, biển cả, núi rừng, dòng sông... thì ta cũng không tài nào sống nổi.

Ta không nắm lấy tay nhau thì ta không thể sống và không thể nào tạo dựng mùa xuân cho ta và cho những người chung quanh ta. Khi nào ta biết nắm lấy

tay nhau thì khi đó ta mới có khả năng tạo dựng mùa xuân cho nhau.

Ta cũng có thể tạo dựng mùa xuân cho ta và cho những người chung quanh bằng chất liệu CÙNG BƯỚC ĐI và CÙNG HÁT CA.

CÙNG BƯỚC ĐI và CÙNG HÁT CA, nghĩa là trong đời sống ta không thể dừng lại và vui một mình. Ta phải đi theo bước đi chung và ta phải vui trong niềm vui chung của mọi người.

Sống là gì? Đó là cùng đi và cùng chuyển động. Và chết là gì? Đó là dừng lại tách rời và hình hài tan rã.

Ta không cùng bước đi, thì ta không thể hát ca. Vì không có âm thanh nào tự nó vang lên mà không có sự tác động của cái khác. Tiếng đàn không thể tự nó ngân lên từ cây đàn; nếu không có tác động của bàn tay người đánh đàn.

Hơi thở của ta cùng bước đi với trái tim, mạch máu, buồng phổi, dạ dày, lá lách, gan, ruột... của ta, nó chưa hề đi một mình. Âm thanh của ta cũng vậy, nó chưa bao giờ tự phát ra một mình, nó cùng đi với cổ họng, miệng lưỡi, hơi thở, trái tim, mạch máu, khối óc... của ta.

Ta hãy cùng bước đi và cùng hát với nhau. Ta không thể đi một mình và hát một mình, vì ta đi một mình và hát một mình, ta sẽ không tạo được mùa xuân cho ta và cho những người chung quanh.

Ngày 19 tháng 11 năm 2000 vừa qua, chị Hà Thanh từ Hoa Kỳ về, đến chùa Từ Hiếu thăm tôi, chị đã cùng chúng tôi bước đi và hát bài hát “*Bên rừng nở rộ hoa mai*” của thiền sư Nhất Hạnh. Chị vừa đi vừa hát và hát rất hay. Chị đã hơn sáu mươi tuổi, nhưng giọng hát và nét mặt đang còn trẻ. Bằng nét mặt tâm hồn và giọng hát, chị đã tạo dựng một mùa xuân cho chính chị và cho những người chung quanh chị, mặc dù lúc đó thời tiết đang là mùa đông của Huế.

Thế kỷ 20, con người không chịu cùng đi và cùng hát ca với nhau, nên đã gây ra nhiều thảm họa và băng giá cho loài người.

Thế kỷ 21, nếu con người không biết nắm tay nhau, cùng bước đi và cùng ca hát, thì mùa xuân cũng không bao giờ có thực với chúng ta. Đất trời đã biết cùng đi với nhau để tạo dựng mùa xuân cho nhau và biết cho nhau mùa xuân, tại sao ta không biết cùng nắm tay nhau, cùng bước đi để tạo dựng mùa xuân cho nhau và cùng nhau hát ca nhỉ!

Tình yêu từng mảnh

Tình yêu đã đem lại cho ta rất nhiều hạnh phúc, nhưng tình yêu cũng đem lại cho ta rất nhiều sợ hãi, lo lắng mắc kẹt và thất vọng.

Tình yêu đem lại cho ta nhiều hạnh phúc là do khi ta yêu là ta chỉ yêu thôi, ta không có thèm khát, tìm cầu và săn đuổi. Người đẹp, cảnh đẹp đi qua đời ta cũng giống như vàng trắng đẹp đi qua và soi chiếu xuống đại dương bình lặng. Trăng không làm cho đại dương đau khổ và đại dương cũng chẳng làm cho trăng khổ đau, mặc dù trăng và đại dương đang soi chiếu và tiếp xúc với nhau. Cái đẹp thì không làm cho ai đau khổ, nhưng ta khổ đau là vì ta đam mê và đuổi bắt nó. Tình yêu nào có chất liệu của đam mê, săn đuổi, chiếm hữu thì tình yêu đó sẽ đưa tới sợ hãi, lo lắng, thất vọng, mắc kẹt và khổ đau.

Khi ta yêu ai mà ta tưởng tượng về người đó quá nhiều, thì chất liệu đam mê, mù quáng sẽ phát sinh trong ta và ta sẽ bị mắc kẹt bởi cái tưởng tượng đó và ta sẽ bị nó đánh lừa. Khi ta yêu ai mà ta có quá nhiều chất

liệu đam mê và tưởng tượng thì ta đứng ngồi không yên. Đứng ngồi không yên là do ta bị trói và đã bị mắc kẹt. Ta đã đánh mất ta.

Khi ta yêu thì ta chỉ biết yêu thôi là ta có sự tự do và hạnh phúc toàn diện, nhưng khi yêu ai mà trong ta có một chút đam mê và chiếm hữu, thì hạnh phúc của ta bị bề từng mảnh và tình yêu trở thành bóng đêm và chất độc.

Sống và chết

Bạn sợ chết lắm phải không? Nếu bạn sợ chết mà thoát khỏi được cái chết thì bạn nên sợ, còn nếu sợ cái chết mà cái chết vẫn đến với bạn thì bạn sợ nó làm gì cho mệt!

Bạn ơi! Điều đáng sợ cho chúng ta không phải là cái chết mà chính là cái sống. Nếu chúng ta sống mà mất cả khí tiết và linh hồn, thì cái chết đã có mặt trong ta chứ nào có đợi đến khi ta chết nó mới có.

Nếu ta chết mà còn giữ được khí tiết và linh hồn, thì cái chết ấy chỉ là chết giả. Nếu chúng ta chết ở trong trường hợp này, thì mọi sự chết đến với ta rất là vui. Vì chính cái chết đó tạo nên sự sống cao cả của ta.

Và nếu chúng ta sống mà không giữ được khí tiết cũng như linh hồn, thì cái sống đó chính là cái chết, một cái chết vĩnh viễn của sự sống. Một cái chết rất là buồn, vì chính cái chết đó không có khả năng tạo dựng một sự sống đáng yêu của ta trong tương lai.

Nếu bạn giữ được khí tiết và linh hồn, thì bạn

sống cũng vui mà bạn chết cũng vui, sống và chết không còn là nỗi lo âu và sợ hãi của bạn.

Và nếu bạn không giữ được khí tiết và linh hồn của bạn, thì khi sống đã buồn mà chết lại buồn thêm.

Vậy, bạn muốn sống chết kiểu nào? Bạn biết rằng, sống giữa đời không ai sống luôn đâu, xưa kia ông Bành Tổ sống đến tám trăm năm rồi ông cũng phải chết, có ai sống thiệt đâu!

Sống chẳng qua chỉ là tạm thời, thì chết cũng chỉ là tạm thời thôi. Sống đã giả thì làm gì có cái chết là thật? Sống đã giả thì chết cũng chỉ là giả thôi. Điều này chúng ta cần thực tập nhiều và thực tập một cách sâu sắc, để cho ta không còn vội vàng đối với cái sống và sợ hãi đối với cái chết, chúng ta có bước chân đi đích thực của con người tự do, và hạnh phúc đối với ta không còn là một ước mơ hay là một dự tưởng.

Vượt nẻo u buồn

Cơn mưa mùa đông càng lúc càng nặng hạt, mưa muốn trút nỗi u buồn của nó xuống lòng đất, xuống sông ngòi và biển cả, nhưng cuối cùng cơn mưa mùa đông vẫn không thoát khỏi nỗi u buồn của nó, vì nó chỉ là kết tinh của những giọt nước buồn từ mùa hạ và mùa thu đem lại.

Nếu xuân chưa về, thì mùa đông không thể thoát khỏi những cơn mưa u buồn của nó.

Ta cũng vậy, nếu ta không tạo được niềm vui cho chính ta trong từng bước đi và hơi thở, trong từng ánh mắt và nụ cười, trong từng ánh mắt suy tư và cách nhìn trần thế, thì trong ta vẫn còn đầy đủ cả bầu trời của mùa đông băng lạnh, ta không thể thoát khỏi nẻo u buồn.

Và ta chỉ vĩnh viễn thoát khỏi nẻo u buồn, khi nào trong tâm ta không còn một ý niệm: “Đây là ta và kia là cái không phải ta”. Trong khi ta tiếp xúc với mọi người hay mọi sự vật, ta thoát khỏi ý niệm “đây là ta và đây là của ta”, thì tức khắc ta vượt thoát nẻo u buồn.

Chiến tranh tình ái

Thế giới văn minh đã biết kêu gọi nhau giải trừ quân bị, giải trừ vũ khí hạt nhân, đó là những dấu hiệu tiến bộ của thế giới con người về hòa bình.

Nhưng, chúng ta thử nghĩ, giải trừ quân bị hay giải trừ vũ khí đã giúp cho con người thoát ly những sợ hãi chưa? và nó đã tạo ra được những hạnh phúc thật sự cho con người hay chưa?

Thật ra, giải trừ quân bị, hay giải trừ vũ khí hạt nhân là không quan trọng bằng chính mỗi chúng ta hãy tự nỗ lực giải trừ những thù hận với người khác, và mỗi quốc gia phải tự nỗ lực giải trừ sự thù hận ở nơi chính quốc gia mình với quốc gia khác.

Ta không thù hận thì miệng lưỡi chiến tranh trở thành miệng lưỡi hòa bình, ta không thù hận thì binh khí chiến tranh trở thành dụng cụ phát triển hòa bình. Ta không hận thù thì hành động chiến tranh trở thành hành động hòa bình.

Nhưng, chiến tranh do đâu mà có? Do từ thù hận.

Và thù hận do đâu mà có? Do từ tham vọng. Nếu ta muốn chiếm hữu tài sản của kẻ khác, nhưng không được, thì sự thù hận sẽ phát sinh trong ta. Nếu muốn chiếm dụng sắc đẹp của người khác, nhưng không chiếm dụng được, thì sự thù hận liền nảy sinh trong ta. Nếu ta muốn chiếm dụng địa vị của người khác để thỏa mãn những tham vọng quyền lực của ta, nhưng không chiếm dụng được thì hận thù phát sinh trong ta. Và nếu ta muốn hưởng thụ những yếu tố vật lý và sinh lý mà không thụ hưởng được, thì hận thù sẽ phát sinh trong ta.

Như vậy, rõ ràng hận thù có gốc rễ từ tham vọng, hễ có tham vọng là có hận thù, có hận thù thì trước sau gì cũng phải có chiến tranh.

Trong những cuộc chiến tranh dai dẳng và khốc liệt của thế giới con người không phải là chiến tranh vũ khí hạt nhân mà chính là chiến tranh tình ái.

Thế chiến thứ nhất và thế chiến thứ hai của loài người đã giải quyết xong, nhưng thử hỏi chiến tranh tình ái thì đến bao giờ thế giới con người mới giải quyết hết?

Sự khổ đau của loài người do chiến tranh của tình ái gây ra, nó thống não và giã giụa hơn cả triệu lần so với chiến tranh binh khí.

Cuối tháng tám năm hai ngàn, Liên Hiệp Quốc đã tổ chức Hội nghị hòa bình thế giới thiên niên kỷ của những Nhà lãnh đạo tinh thần thế giới để tìm kiếm con đường hòa bình thực sự cho thế giới loài người trong thiên niên kỷ thứ ba. Và ngày 01-12-2000 Hội Nghị Thượng Đỉnh về sida do tòa Bạch Ốc triệu tập tại Hoa Thịnh Đốn đã mời gần bảy mươi vị lãnh đạo tôn giáo có đời sống tâm linh cao đến trình bày phương pháp trị liệu bệnh sida, loại trừ vi khuẩn H-I-V để giúp cho chính phủ Hoa Kỳ ổn định xã hội.

Vi khuẩn H-I-V không phát sinh từ chiến tranh vũ khí hạt nhân mà từ chiến tranh tình ái. Nó có gốc rễ từ vô minh và tham dục. Môi trường để cho vô minh và tham dục sinh khởi là các phim ảnh khêu gợi dục vọng, các thứ quảng cáo rẻ tiền trên truyền hình, các sách báo đồi trụy, các nhà hàng đèn màu, các khách sạn và các khu vực giải trí không lành mạnh.

Muốn chấm dứt chiến tranh tình ái, trước hết là ta chấm dứt ngay môi trường sinh hoạt của nó. Không phải chỉ hạt giống tình ái mà bất cứ hạt giống nào, nếu không có môi trường tương tác thì tự nó sẽ khô héo dần và sẽ mất hiệu năng tác dụng. Và tiếp đến, ta phải có ý thức tự giác và tự trọng, và có trách nhiệm liên đới đối với những người chung quanh. Ta phải tự đánh thức ta,

phải tự cảnh giác ta, khiến ta không bị rơi vào cạm bẫy của tình ái. Vì rơi vào cạm bẫy này, ta không còn là ta nữa, ta sẽ trở thành vi khuẩn HIV. Bệnh Sida là do quá trình ăn chơi thiếu tự trọng của ta mà phát khởi.

Thiên niên kỷ thứ ba, không có nguy cơ cho cuộc chiến tranh vũ khí hạt nhân, nhưng nó có thể là nguy cơ cho một cuộc chiến tranh tình ái toàn cầu, nếu các vị lãnh đạo quốc gia không biết dừng lại và chấm dứt sự cổ vũ cho những khuynh hướng có tính trục vật.

Con người hơn con vật về lý trí, nhưng con người thua con vật về mặt bản năng. Nếu con người đem lý trí của mình để khai thác các cảm giác dục vọng, thì sự có mặt của con người ở trên thế giới này là một sự bất hạnh cho hết thảy mọi loài.

Và nếu con người biết sử dụng lý trí để giúp nhau, và giữ gìn tiết hạnh và cuộc sống cho nhau thì sự có mặt của con người trên thế giới này là một niềm hạnh phúc lớn cho tất cả muôn loài.

Chiến tranh tình ái đã sinh ra do con người đã sử dụng lý trí để khai thác các cảm thọ về dục vọng, thì chiến tranh ấy cũng sẽ được giải quyết bởi con người, khi họ biết sử dụng lý trí để tự giác, tự trọng nhằm bảo vệ họ và những người chung quanh họ.

Tự trách

Trước khi nhập thất tôi có một vị học trò đến thăm và thưa với tôi rằng: “con đã được thầy hướng dẫn tu tập đã lâu, nhưng tự con thấy rằng rất ít tiến bộ, và con cũng biết do tập khí phiền não nhiều đời đã làm trở ngại sự thăng tiến tu tập của con. Con đã nỗ lực giữ gìn chánh niệm, nhưng nhiều lúc con vẫn “thất niệm” đối với chồng, với con, đối với bạn bè, đối với cuộc sống và ngay cả đối với thầy nữa. Trước khi thầy nhập thất cho con được sám hối, để cho con có thêm năng lượng chánh niệm, nhằm tạo ra nhiều chất liệu hạnh phúc và an lạc.”

Qua lời thưa của vị học trò, tôi ngồi yên lắng theo dõi từng hơi thở “vào ra” thật sâu, rồi mỉm cười và sau đó, tôi chia sẻ với vị học trò một vài kinh nghiệm tu tập và nói một vài lời sách tấn.

Và sau khi đã nhập thất thì vào ngày 25 - 12 Canh Thìn tức ngày 19 - 01 - 2001, tôi lại nhận được một card chúc tết của hai người học trò có ghi câu: “Học trò đáng trách của thầy”. Đọc câu này, tôi thở và mỉm cười, rồi tự

nói mùa xuân đích thực đã có mặt! Hay quá, mùa xuân đích thực đã có mặt!

Thật vậy, mùa xuân chính là sự làm mới lại của mùa đông, hay mùa xuân là sự lật ngược lại của mùa đông. Nếu thời tiết vẫn như cũ, vẫn không có gì làm mới lại thì không phải là thời tiết của mùa xuân. Thời tiết của mùa xuân là thời tiết có khả năng làm mới lại những gì đã cũ.

Cũng vậy, trong cuộc sống ta không bỏ cái cũ để chạy theo cái mới mà chỉ làm mới lại cái cũ. Nếu nhận ra được điều này là ta có khả năng sáng tạo, sự sáng tạo được thiết lập trên những yếu tố" hiện thực, sự sáng tạo như thế có tác dụng và hữu ích lớn cho chính ta và cho cuộc sống. Và sự sáng tạo như thế có tính biện chứng trong quá trình tiến bộ của mọi sự hiện hữu. Không có cái "sẽ có" nào mà không được thiết lập từ những cái "đã có" và "đang có".

Người biết tự trách những tập khí sai lầm của mình, hoặc biết tự trách những cử chỉ không oai nghi, những lời nói không chất lượng, những hành xử vụng về là người đó đã bắt đầu có khả năng sáng tạo.

Sở dĩ, họ có khả năng sáng tạo, vì họ biết lật ngược lại vấn đề, họ biết lật úp lại những tập khí sai

lầm của mình, họ biết lật úp lại những cử chỉ vụng về, những lời nói không chất lượng, những hành xử thiếu chánh niệm, họ biết lật úp lại việc trách người, họ chỉ biết trách mình. Do đó, họ có khả năng làm mới và tiếp xúc với cái mới, họ đi trong cái mới, họ sống giữa cái mới và họ vui cười với cái mới, họ có khả năng tạo dựng được mùa xuân cho chính họ bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào.

Và trong mỗi chúng ta ai cũng biết lật úp lại những tập khí sai lầm của mình, những lời nói thiếu chất lượng của mình, những hành xử vụng về thiếu chánh niệm của mình, thì chúng ta đã tạo dựng được mùa xuân cho thế giới chúng ta. Và mùa xuân đích thực đã có mặt với chúng ta lâu rồi!

Lật úp những tập khí sai lầm của ta, chính là hành động tự trách vậy!

Người hành khát khôn ngoan

Một người hành khát khôn ngoan, người đó không tìm đến những người nghèo như mình hoặc nghèo hơn mình để xin, vì họ dư biết rằng, đến xin nơi những người đó, mình sẽ không bao giờ được thỏa mãn, dù là thỏa mãn chút ít thôi.

Cũng vậy, ở trong đời ta có thể là một kẻ hành khát, nhưng không phải là kẻ hành khát đi xin cơm áo, mà kẻ hành khát đi xin sự hiểu biết, đi xin sự thương yêu, đi xin nơi trú ngụ của đức tin, đi xin cầu sự tu tập, đi xin cầu sự tự do.

Nếu ta là người đi xin cơm áo, thì hãy đến gõ cửa người có cơm áo để xin; Nếu ta là người đi xin cầu sự hiểu biết thương yêu, thì hãy đến gõ cửa những người có hiểu biết thương yêu để xin; Nếu ta là người đi xin nơi trú ngụ của đức tin, thì hãy đến gõ cửa nơi người có sự trú ngụ này để xin; Nếu ta xin cầu sự tu tập, thì hãy đến gõ cửa những người có đức hạnh và những người có kinh nghiệm tu tập để xin được hướng dẫn; Và nếu chúng ta xin cầu tự do, thì hãy đến gõ cửa những người

có tự do để xin được chia sẻ.

Ta biết gõ cửa và gọi đúng tên người, thì cửa tự mở và người đó xuất hiện, để giúp ta những gì mà ta đang cần hỏi và họ đang có để có thể chia sẻ cho ta; Nếu ta đến gõ cửa của một nhà tù và xin những người đang có hệ lụy cho ta tự do, thì ta sẽ thất vọng, vì tiếng gọi của ta không bao giờ được đáp trả; Nếu ta đi xin nụ cười và sự sống ở nơi một con người robo chắc chắn không thể có, vì họ bị điều khiển mà.

Người hành khát khôn ngoan là người biết cách xin và biết đối tượng để xin.

Ráng nắng hắt vào

Chiều ba mươi tết Tân Ty, tôi vẫn đang ngồi yên ở trong thất lắng nghe và thỉnh thoảng thay đổi động tác ngồi bằng đi.

Tôi bước đi từng bước rất chậm ở nội thất, mỗi bước chân đi là mỗi bước chân chạm vào tâm thức tôi và tâm thức tôi lại chạm vào mỗi bước chân. Thế giới của tôi trong giờ phút ấy là bước chân và tâm thức. Từ bước chân tôi đi tìm về với tâm thức, và từ tâm thức tôi đi tìm về với bước chân, bước chân và tâm thức đều có mặt trong nhau, chúng đã làm nên sự vững chãi và thanh thoi của tôi trong từng giây phút ấy.

Sau một giờ, tôi trở lại bàn giấy tiếp tục công việc dịch thuật của mình, ngẩng đầu nhìn lên, thấy ráng nắng chiều của xuân hắt qua khe cửa, tôi mỉm cười và tự nhủ: “Dù kín đáo đến mấy, vẫn có chỗ hở để chút nắng hắt vào”.

Một khoảng sương mù

Tôi đứng bên này bạn đứng bên kia, ta đã gọi đúng tên nhau, ta đã nghe tiếng nói của nhau. Ta đã nói với nhau không phải bằng cái đầu lạnh ngắt mà bằng trái tim nóng hổi. Nhưng chúng ta đã không nhìn thấy nhau, vì trước mặt chúng ta là một khoảng sương mù.

Song, ta không hề thất vọng, vì ngày mai mặt trời tỏ rạng, sương mù sẽ hóa nắng và hai chúng ta vẫn nhìn thấy nhau, sẽ ôm nhau và mỉm cười.

Tiếp nhận sự sống

Bạn không phải chỉ tiếp nhận sự sống một phía mà từ mọi phía; Bạn không phải tiếp nhận sự sống chỉ một đời mà nhiều đời và bạn không phải tiếp nhận sự sống từng giai đoạn mà từng khoảnh khắc liên tục.

Nếu bạn chỉ tiếp nhận sự sống từ một phía, thì sự sống của bạn sẽ trở thành khuyết tật và bệnh hoạn; Nếu bạn chỉ tiếp nhận sự sống trong một đời, thì đời sống của bạn trở nên nghèo nàn lạc hậu và mất gốc; Cuộc sống của bạn sẽ trở nên bơ vơ, lạc lõng, vội vã và hốt hoảng; Nếu bạn chỉ tiếp nhận sự sống trong từng giai đoạn, thì đời sống của bạn chỉ là đời sống “vui đâu chơi đó” và hành xử của bạn chỉ là “ăn cháo đá bát”.

Bạn biết không! Người sống có đạo lý là người biết tiếp nhận sự sống từ mọi phía mà không phải từ một phía? do đó họ sống với không gian vô cùng, với tâm hồn mở rộng, nên mỗi cái nhìn, mỗi bước chân, mỗi hơi thở, mỗi nụ cười, mỗi động tác của họ đều chạm vào với “Đạo” và đều ở trong “Đạo”.

Bạn biết không! Người sống có đạo lý là người biết tiếp nhận sự sống không phải trong một giai đoạn hay trong một khoảnh khắc mà liên tục trong mọi khoảnh khắc, do đó họ sống với thời gian vô tận, mỗi khoảnh khắc họ tiếp nhận là mỗi khoảnh khắc vô tận của sự sống, do đó họ sống với tâm hồn bình lặng sáng soi trong từng giây từng phút và không có phút giây nào đối với họ không là “Đạo”.

Bạn ơi! Tiếp nhận sự sống của “Đạo” chính là tiếp nhận sự sống toàn diện, do đó người sống có “Đạo”, người đó sẽ không bị khuyết tật về sự sống, tức là không bị khuyết tật về thể xác và tâm hồn.

Bạn có muốn có một thể xác và một tâm hồn không bị khuyết tật không?

Mây và gió

Gió luôn luôn làm cho mây bị động và biến động, nhưng nếu đời không gió thì mây chẳng có ý nghĩa gì! Nếu không có gió, ai làm cho mây thông dong từ đỉnh núi này qua đỉnh núi khác và từ đại dương này đến đại dương kia.

Mây chỉ có thể thông dong là thông dong với gió, vì trong mây đã có gió.

Gió là lực và mây là nước và lửa, nước và lửa nếu không có gió thì làm sao có thể thành mây được nhỉ!

Vậy, mây ơi, mây đừng buồn khi bị gió đẩy, mây hãy mỉm cười với gió đi!

Mây hãy mỉm cười với gió đi, thì sự hiện hữu của mây cũng đẹp và sự hiện hữu của gió cũng đẹp, gió và mây đã tạo nên một bức tranh sống động cho đời!

Tôi xin cảm ơn gió và mây đã tạo nên cho cuộc đời một vẻ đẹp, một vẻ đẹp để sống và cảm nhận mà không phải để đuổi bắt.

Chiếc lá và con sâu

Sáng nay nhìn thấy bầu trời thật trong và xanh, vì những cụm mây đã theo gió đi về cố quận.

Và nhìn thấy con sâu nằm yên lành trong chiếc lá xanh. Sâu đã được chiếc lá che chở từ bao giờ không ai biết và chính ngay cả con sâu cũng không biết tại sao nó lại tới nằm trong chiếc lá xanh này nữa.

Sự vô tình của lá sự vô ý của sâu đã gặp nhau và tạo nên một sự bình an giả tạm của sự sống.

Sâu ơi! Sâu chỉ thực sự bình an khi sâu biết nằm yên và bảo vệ chiếc lá. Nếu sâu manh động mà bước ra và ăn hết chiếc lá xanh bao tháng ngày che chở cho sâu, thì sự bình an của sâu tức khắc bị đe dọa, và chính sâu đã tự phá hủy môi trường của mình.

Sâu ơi! khi môi trường của con bị con phá hủy thì mạng sống của con là gì con có biết không?

Chim chóc, mưa nắng, gió bão và ngay cả đồng loại của con nữa, nào đâu có tha sự sống cho con!

Nhưng sâu ơi! Sâu chỉ nằm yên và bảo vệ lá, thì

làm sao sâu có thể sống được?

Nằm yên không ăn lá, sâu cũng chết, sâu cựa mình dậy để ăn lá thì sâu lại càng chết sớm. Cái sống và cái chết thật cay nghiệt làm sao sâu nhỉ!

Sự cay nghiệt này không phải là sự cay nghiệt chỉ giành riêng cho loài sâu bọ mà là sự cay nghiệt này là chung cho cả thế giới phù hư.

Sự sống và sự chết của thế giới loài người còn cay nghiệt và bi đát hơn cả sự sống và sự chết của thế giới sâu bọ nữa.

Sống không phải là tham đắm, nhưng con người tham đắm vào sự sống, thì con người còn hèn hạ hơn sự sống của loài sâu bọ.

Sống không phải là tham đắm, nhưng con người tham đắm vào sự sống, thì cái sống và cái chết của con người còn bi đát, giầy giụa, nghiệt ngã và tàn khốc hơn cả cái sống và cái chết của các loài sâu bọ. Những bậc có trí trong đời, họ sống hết sức đơn giản, họ luôn luôn biết tiếp nhận và chia sẻ, họ không nắm bắt và đuổi bắt bất cứ một cái gì, nên họ đã vượt lên trên đỉnh cao của sự sống và sự chết, họ che chở được muôn loài, và họ “*hét dài một tiếng lạnh cả hư vô*”.

Và sự hiện hữu của họ không phải là sự hiện hữu để sống và chết như mọi người và mọi loài. Và sự biểu hiện của họ nơi cuộc đời chỉ là sự giao hợp giữa thời gian vô cùng, và không gian vô tận mà không phải là sự biểu hiện của sống và chết.

Thẳng và cong

Bạn thường nói với tôi là bạn luôn thẳng thắn, bạn không thích cong queo, nghe bạn nói, tôi chỉ mỉm cười và hết sức thương cảm cuộc sống của bạn, vì biết chắc bạn trước sau gì cũng sẽ gặp tai nạn!

Bạn hãy mở mắt to để nhìn có con đường nào giữa cuộc đời này là con đường thẳng không? con đường thẳng là con đường chỉ thuộc về thế giới của ý niệm hay là thế giới của mộng tưởng mà không bao giờ xuất hiện giữa thế giới thực tiễn, nghĩa là giữa thế giới của con người và con người. Thế giới của con người là thế giới của một con đường cong. Một con đường cong xoáy ốc.

Và một lần nữa hãy mở to đôi mắt để nhìn, bạn có thấy dòng sông nào là dòng sông thẳng không? không có dòng sông nào thẳng cả, dòng sông nào cũng phải uốn khúc, chính cái uốn khúc đã tạo nên cái thơ mộng và linh hoạt của con sông.

Và bạn hãy mở tầm nhìn ra để nhìn biên cả mệnh

mông, biển cả mênh mông mà vẫn có những khúc eo như thường.

Bạn biết không? chính những khúc eo đó đôi khi lại là nơi an toàn cho những người đi biển và tạo nên cái nét đẹp từ kỳ lạ đến thú vị của nó.

Vậy, bây giờ bạn thích thẳng hay cong? bạn thích cong chăng? đừng vội như thế!

Nếu bạn muốn làm một cột nhà hay một đòn đòn, thì cong là dụng ở chỗ nào?

Nên cái thẳng thật là quý báu vô cùng, nhưng có phải bạn khi nào cũng cần cột nhà và đòn đòn cả đâu!

Trong cuộc sống, đôi khi cái cong bị người ta lên án vứt bỏ đã đành mà cái thẳng cũng bị con người lên án và vứt bỏ nữa!

Do đó, bạn muốn sống có an toàn và hạnh phúc, thì bạn không phải thích thẳng hay thích cong mà thẳng hay cong bạn phải biết chúng có tác dụng gì trong cuộc sống, trong phong cách hành xử của bạn, thì cái thẳng hay cong của đường đời hay của cuộc sống không còn là cái gì để cho bạn bận tâm.

Bạn ơi, bạn đừng ảo tưởng để đuổi bắt về một con đường thẳng và bạn đừng bao giờ thất vọng bởi một

con đường cong. Bạn hãy đi con đường cong để thấy cái cong của con đường và bạn hãy đi trên con đường thẳng để thấy cái thẳng của con đường, rồi bạn hãy đi trên con đường thẳng để thấy cái cong của con đường và bạn hãy đi trên con đường cong để thấy cái thẳng của con đường. Thấy rõ sự thật của con đường là tức khắc bạn có hạnh phúc, bạn có sự an toàn, vì mọi sự sợ hãi, lo lắng, bồn chồn trong tâm hồn của bạn bỗng chợt tan đi, bấy giờ trên nét mặt của bạn chỉ còn lại nụ cười và từng bước chân thanh thoi, dù bạn đang có mặt trên con đường cong hay trên con đường thẳng nào.

Tùng tảng đá và dòng suối

Dòng suối vô tình, chảy lan qua từng tảng đá, đá và suối gặp nhau chưa bao giờ có sự hẹn hò, nhưng bất cứ ở đâu, hễ có suối là có đá. Đá và suối đã tạo nên tiếng hát ca bất tuyệt cho đời. Chiều nay, trời đất bỗng dung lên cơn bão tố, suối và đá không giao lưu êm đềm như ngày ấy. Dòng suối ngày hôm qua êm đềm thì ngày hôm nay bỗng dung trở thành thác đổ. Những hòn đá ngày hôm qua nằm im lặng vô tư, nay trở thành những ghềnh. Thác và ghềnh vô tình đã gài gù nhau tạo thành những âm thanh hùng tráng kinh dị của núi rừng.

Suối và đá mấy lâu suốt ngày chỉ chơi đùa với nhau một cách êm đềm, nay bỗng chốc trở thành thác và ghềnh, nó có thể cuốn trôi và nhấn chìm bao nhiêu lũ khách rong chơi vô ý, hay bao nhiêu thú rừng khát nước mà thiếu sự dẫn đo.

Núi càng cao thì thác ghềnh càng hiểm, nhưng tất cả những hiểm nguy của thác ghềnh chỉ là những hiểm nguy vô tình tạo nên sự kỳ thú và linh thiêng của núi rừng mà thôi.

Nhưng ở đây điều muốn nói là khi con người trực diện với những thác ghềnh ấy, ta đã cảm nhận được gì trong đời sống của chúng ta.

Ở đây mà không có nơi nào

Tôi và bạn hay tất cả chúng ta không khi nào là không mơ ước hạnh phúc, nhưng hạnh phúc không phải là để ước mơ và càng không phải là cái bên ngoài để ta dong ruổi tìm cầu.

Hạnh phúc là những gì có thật trong tâm ta, ở nơi thân thể ta và ở ngay trong cuộc sống quanh ta.

Tâm ta mà giận dữ nổi lên, nghi ngờ trời dậy thì thân ta là một hung thần hỏa ngục, và chung quanh ta là một sa mạc cát nắng hoang liêu.

Nếu tâm ta có định tĩnh, có sự hiểu biết, có thương yêu, có tha thứ bao dung, thì tâm ta là một dòng suối mát ngọt và lành, chúng hàng ngày tưới tắm lên thân thể của ta, làm cho thân thể của ta cái gì cũng dễ chịu. Từ những tế bào, làn da, mái tóc, nụ cười, bước chân, hơi thở và hành xử của ta đều hiển lộ sự tươi mát một cách thuần nhiên. Và bây giờ ta không nhìn đời bằng con mắt sâu thăm hay vô vọng. Cái gì đi qua đời ta cũng đều là màu nhiệm, cũng đều an toàn cho ta, ta không cần van

xin ai cho ta hạnh phúc mà hạnh phúc trong ta tràn đầy. Ta không cần tìm kiếm hạnh phúc mà hạnh phúc vẫn luôn luôn có mặt trong ta. Hạnh phúc, sự an lạc và thanh thoi chỉ thực sự có mặt ở nơi tâm ta mà không phải ở nơi nào.

Biển xanh và sóng bạc

Trời mùa hè nóng bức, ta muốn đi về biển để thở không khí trong lành và nhìn sóng bạc. Ta chỉ nhìn thấy biển và sóng, đẹp và thú vị khi ta ngồi yên lặng trên bờ hay trên những mỏm đá. Ta chỉ cần ngồi yên nhìn biển xanh sóng bạc và thở, và sự thanh thoát thoải mái nó lại được khởi lên trong ta.

Như vậy ta an lạc hay là biển an lạc? Biển xanh chỉ là nước và là những sóng bạc vô tình, nó chỉ là những điều kiện mà không phải là tác nhân của an lạc.

Tác nhân của an lạc chính là ở nơi tâm ta khi ta biết ngồi yên để thở, để nhìn, để tiếp nhận và buông xả, thì những điều kiện vốn có của biển sẽ đi vào trong thân và trong tâm ta càng lúc càng dễ chịu, càng lúc càng an lạc thêm lên.

Biển không phải là nguồn hạnh phúc, vì hạnh phúc là thuộc về cảm nhận mà không phải là vô tri. biển là vô tri mà không phải là cảm nhận. Tri giác và cảm nhận đều là những thuộc tính của con người mà

không phải là thuộc tính của biển, thuộc tính của biển chỉ là sóng và nước, rộng lớn và thâm uyên.

Cảm nhận sóng và nước, cảm nhận cái mênh mông và sâu thẳm của biển là thuộc về con người.

Bởi vậy, có những người suốt ngày sống với biển, nhưng họ chẳng cảm nhận được những gì nơi biển đã hiến tặng cho họ trong cuộc sống hàng ngày. Họ sống vô tình đến vô trí đối với biển.

Khi thân ta an lạc, tâm ta sâu lắng, ta cất lên tiếng gọi: “Này hỡi những đợt sóng, người đích thị là sóng hay là nước”, nhưng sóng và nước vẫn vô tình chẳng bận chi đến câu hỏi của ta. Nhưng chính khi ta hỏi là ta đã nhận ra ngay, sóng chính là nước, sóng càng nỗ lực gầm lên và vươn mình lên cao mấy cũng không thể vượt qua khỏi bờ.

Sau những đợt sóng lên cao, thì tức khắc sóng sẽ tan để trở về lại với nước. Sóng chỉ là hiện tượng của nước. Sóng càng lên cao là do những trận cuồng phong cuộn lên từ lòng của biển, gió mà động thì nước là sóng, gió yên thì sóng là nước. Khi trời thanh gió lặng thì biển lại xanh, là niềm tin, là hy vọng, vì giữa lòng biển khơi có vô số ngọc ngà và châu báu, nhưng khi trời không thanh gió không lặng nước nổi ba đào, những làn sóng

bạc và những âm thanh của nó đã làm kinh dị bao người.

Cũng vậy, khi ta nhìn biển xanh và sóng bạc với một tâm hồn định tĩnh và quán chiếu, biển là tâm ta, thức là những làn sóng của biển tâm, và tánh là thể của tâm. Tánh và thức của ta đều được bao hàm ở trong tâm ta. Khi những nhận thức của ta không bị những trận cuồng phong của đời làm lay động, thì tánh của ta lắng yên, bao nhiêu châu báu của tuệ giác trong tâm ta hiện ra, ta tha hồ mà sử dụng. Thân thể của ta chỉ là những làn sóng bạc của tâm thức ta và bây giờ ta có thể cưỡi lên trên những làn sóng bạc của tâm thức để đi mà không bị nhận chìm.

Bởi vậy, giông bão trong đời ta chỉ là những làn sóng bạc, nhưng biển xanh vẫn ngàn đời còn đó!

Thế tôn bây giờ và ở đây

Thế Tôn ơi, sáng nay trời đẹp quá! Mắt con sâu vì con đã dong ruỗi tìm cầu. Nhưng con chưa bao giờ tìm cầu danh vọng, mà con đã tìm cầu Thế Tôn trong từng trang sách dày cộm.

Và con cũng đã tìm cầu Thế Tôn bằng những ý tưởng mộng lung? mờ ảo trên những chặng đường sương tuyết.

Con cũng đã tìm cầu Thế Tôn trong những ngôi chùa tháp cổ rêu phong hay trên những cung điện nguy nga, với những chạm trổ tinh uyên, với những sơn son thiếp vàng diễm lệ.

Nhưng tất cả chỉ là sự tướng âm u, là vách đá ngăn cản lối về, là thác ghềnh tạo nên đông bão.

Thế Tôn ơi, sáng nay con dừng lại hết mọi ý tưởng truy cầu. Thế Tôn bỗng hiện ra ngồi yên lặng và mỉm cười với những con sâu trong chiếc lá.

Thế Tôn là sự sống và thương yêu, là bước đi như thật giữa cuộc đời không cần một ai tô điểm sơn phết,

Thế Tôn chỉ là Thế Tôn thôi.

Hạnh phúc quá, sáng nay con đã gặp Thế Tôn trong từng phút giây của sự sống.

Thế Tôn đã có mặt ở đây và bây giờ. Nhìn Thế Tôn con mỉm cười và sung sướng.

Hạt đậu và bàn tay

Người nông dân đưa bàn tay gieo những hạt đậu xuống ruộng đồng hay những luống vườn, nếu không bằng bàn tay chánh niệm thì hạt đậu chỉ là hạt đậu thôi.

Nhưng khi người nông dân gieo những hạt đậu xuống vườn bằng đôi tay chánh niệm thì những hạt đậu không phải chỉ là hạt đậu mà còn là cả trời trăng mây gió, là niềm tin và hy vọng.

Hạt đậu không phải chỉ cho ta tinh bột, mà còn cho ta sự tỉnh giác của sự sống.

Hạt đậu được bao bọc bởi những lớp vỏ. Đối với người không có chánh niệm thì hạt đậu đi qua tay họ chỉ là hạt đậu thôi, nhưng đối với người có chánh niệm thì hạt đậu đi qua bàn tay họ, hạt đậu không phải chỉ là hạt đậu mà còn là một đối tượng thiền quán để khám phá thực tại nhiệm mầu.

Vỏ đậu có thể là ngục tù, để giam hãm những hạt đậu mà cũng có thể là nơi an toàn để bảo vệ cho những hạt đậu không hư. Nếu những hạt đậu chỉ bằng lòng

hoặc chỉ an toàn trong vỏ cứng, thì sự hiện hữu của hạt đậu không có nghĩa gì.

Những hạt đậu hóa thành màu xanh chỉ khi nào những hạt đậu ấy biết tiếp nhận nhân duyên, đập vỡ những vỏ đậu mà bung ra, để sống với đời sống giữa không gian vô cùng.

Cũng vậy, trong tâm thức ta có rất nhiều hạt giống tốt, nhưng nó đã bị giam cầm bởi ý thức chấp ngã của ta. Do đó, những hạt giống ấy không giúp được gì cho sự bình an của ta trong cuộc sống. Thiền quán là đưa ý thức chánh niệm trở về, để tiếp xúc và đâm thủng thành trì cố chấp về một bản ngã sai lầm, để cho những hạt giống tuệ giác và bình an lưu hiện ra trên mặt ý thức và trên đời sống hàng ngày của chúng ta qua những sự đi, đứng, nằm, ngồi, làm việc và nói cười.

Do đó, hạt đậu khi đi qua bàn tay của người nông dân có thực tập chánh niệm, thì hạt đậu không còn là hạt đậu và người nông dân không còn là người nông dân. Người nông dân đã thành hành giả thiền quán và hạt đậu trở thành đối tượng tư duy và sự hiện hữu của hạt đậu cũng như của người nông dân đều trở thành nhiệm màu.

Những giọt nước mắt

Ở trong đời ai cũng một lần khóc khi sinh ra, và đã nhiều lần khóc khi lớn lên, khóc có khi là sự biểu hiện của khổ đau âm ỉ và tột cùng, và trái lại khóc có khi biểu lộ của sự sung sướng vô song.

Cái khóc ban đầu của đời ta là cái khóc hồn nhiên bở ngỡ từ nơi vô thức để cho ý thức khởi sinh. Khi gặp chuyện bất trắc thì ta khóc là vì ý thức của ta đã chạm vào những hạt giống ích kỷ ở trong tâm thức ta, và khi lớn lên trái tim ta trải rộng, sự hiểu biết của ta rộng sâu, thấy cuộc đời đáng yêu và đáng kính. Sự sống, đi qua đời ta từng giây từng phút là sự sống nhiệm màu mà bao người lãng quên, ta thương cảm họ và khóc, trong dòng nước mắt của sự khóc ấy nó không mang một chút nào của ích kỷ tầm thường.

Và khi ta khám phá ra được sự thật của cuộc sống, hay ta tiếp xúc được với một con người lý tưởng làm ta cảm động, sự cảm động ấy cũng làm cho nước mắt tuôn chảy. Dòng nước mắt ấy không phải là dòng nước mắt khổ đau hay vô vọng mà là dòng nước mắt

của niềm tin và hy vọng. Có khi có những niềm khổ đau, dòng nước mắt không chảy ra ngoài mà chảy vào trong lòng ta, chảy vào trong đời sống của ta làm cho đời sống của ta trở nên khô héo úa tàn. Và có những niềm vui sướng hạnh phúc, ta tự cảm nhận được từ cuộc sống và ta cũng không thể nói được với ai, lâu ngày nó cũng tạo thành dòng nước mắt chảy vào trong tâm thức ta, nuôi dưỡng ý thức ta và nuôi dưỡng đời sống hạnh phúc của ta trong từng giây từng phút.

Trên mặt thực tế, dòng nước mắt của ta có tác dụng làm sạch môi trường của mắt, khi vui hay buồn dòng nước mắt ta chảy, ta nhắm mắt lại, ta theo dõi hơi thở, ta đưa ý thức chánh niệm trở về và chẳng bao lâu dòng nước mắt ta khô ráo, để lại cho ta đôi mắt thanh trong, ta hãy đưa đôi mắt ấy mà nhìn cuộc đời.

Ta xin cảm ơn dòng nước mắt đã từng chia sẻ với ta những niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống. Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn, nhưng những giọt nước mắt mới tạo nên dòng sống của tâm hồn. Đó là một tặng phẩm quý báu nên khi cần khóc thì ta cứ khóc để cho dòng sống tâm hồn chảy ra làm êm dịu cuộc đời.

Bóng đêm và ngọn đèn

Bầy gà có thể đòi hỏi công lý nơi bầy điều hâu được chăng? Bầy sâu bọ có thể đòi hỏi công lý nơi những bầy chim được chăng? Hoặc bầy gà có thể đứng yên lặng để nghe bầy điều hâu nói về công lý và bình đẳng chăng? Và bầy sâu bọ có thể nằm yên để nghe bầy chim diễn giảng về công lý và bình đẳng ư?

Cũng vậy, người dân lành có thể đòi hỏi công lý và bình đẳng từ những nhà đam mê nắm quyền lực hoặc ngồi yên để đợi những nhà đam mê quyền lực thực thi công lý và bình đẳng chăng? Không thể. Tất cả chỉ là bóng đêm ngả dài trên công lý!

Ta chẳng cần đòi hỏi ai cho ta công lý và chẳng thèm ngồi nghe ai nói về công lý, vì khi ta đòi và nói về nó là nó đã lẫn vào trong bóng đêm.

Muốn xua tan bóng đêm, ta không cần đòi hỏi, không cần đánh đuổi và không cần tranh cãi mà chỉ cần bật ngọn đèn lên!

Lời nhắn

Vợ chồng anh Hà Vĩnh Thọ là hai người trưởng thành trên đất nước Thụy Sĩ, họ giàu lòng nhân ái và đã làm từ thiện lâu năm. Họ có nhiều dự án từ thiện giúp các trẻ em nghèo trên thế giới.

Gần đây họ đề tâm giúp đỡ đất nước Việt Nam về mặt từ thiện. Vào ngày xuân Tân Tỵ (2001), anh chị đã đến chùa Từ Hiếu, xin gặp tôi và nhờ tôi giúp đỡ cho hai anh chị thực hiện một vài dự án từ thiện tại Huế.

Sau một vài phút trò chuyện, anh chị nói: Chúng con có nhiều dự án ở Huế, do đó chúng con muốn ở Huế một thời gian khá lâu để điều hành và theo dõi dự án. Xin Thầy giúp cho con ý kiến.

Tôi nói: Trước hết là tôi rất vui mừng, vì ở Huế có thêm những người làm từ thiện, các trẻ em tàn tật mồ côi cũng sẽ bớt đi những nỗi đau phiền. Tuy nhiên tôi cũng muốn lưu ý những điểm như sau:

1. Ở Việt Nam làm từ thiện cũng phải xin phép chính quyền, nếu chính quyền không cho phép, thì ta

không được phép làm.

2. Từ thiện mà tham những thì đối với mọi tội ác không có tội ác nào hơn.

3. Có nhiều người đã lợi dụng lòng tốt của những nhà từ thiện để kinh doanh từ thiện.

4. Người làm từ thiện lời nói lúc nào cũng êm dịu, ngọt ngào, nhưng người kinh doanh từ thiện, thì lời nói và dáng dấp của họ còn ngọt ngào dễ nghe hơn những người làm từ thiện chân chính nữa, tại sao? Vì họ là người kinh doanh mà!

Anh chị Hà Vĩnh Thọ nói: Chúng con làm từ thiện hơn mười năm nay, may mắn gặp toàn là những người tốt cả. Nhưng dù sao chúng con vẫn cảnh giác.

Tôi nói: Anh chị phải biết rằng, vấn đề không phải là mười năm hay hai mươi năm. Trong lịch sử có những vấn đề khi khám phá ra sự thật thì vấn đề ấy đã trải qua cả một trăm năm rồi.

Cho nên, những người làm từ thiện có thủ thuật, họ rất khôn khéo, họ có thể đóng kịch đạo đức rất giỏi, họ đóng kịch gần như suốt cả cuộc đời. Nếu các bạn không có cái nhìn tinh tế khó mà khám phá ra được sự thật ở nơi họ.

Làm từ thiện mà phải kiểm soát thì việc làm từ thiện ấy không còn là từ thiện nữa rồi. Người làm từ thiện chân chính là lương tâm kiểm soát ý thức, chứ không phải dùng hành chánh để kiểm soát lương tâm.

Làm từ thiện ta không phải chỉ làm bằng đầu óc mà làm bằng tất cả tấm lòng. Có như vậy, phước đức của ta mới tăng trưởng. Nếu trái lại, thì càng làm từ thiện lại càng đọa vào địa ngục.

Làm từ thiện không phải chỉ giúp cho người ta tặng phẩm mà còn phải giúp cho người ta tiêu thụ tặng phẩm một cách hợp lý. Nếu không như vậy, thì làm từ thiện sẽ tạo ra những bất ổn cho xã hội.

Đó là những điều chân tình mà tôi gửi đến anh chị nói riêng và cũng chung cho những ai đang thực hành từ thiện.

Anh chị Hà Vĩnh Thọ cảm ơn tôi ra về, tôi chấp tay mỉm cười, và trước sân chùa còn mãi một đóa hoa.

Đen và trắng

Khi tiếp xúc với mọi người, bạn không nên hy vọng và cũng không nên thất vọng. Bởi vì giữa đời không có ai bị nhuộm đen hoàn toàn và cũng không có một ai được gọi là trắng tinh .

Đen và trắng là hai mặt của một tâm hồn và nó là hai mặt của cuộc sống con người. Bạn chỉ cần bật ngọn đèn nơi tâm hồn của bạn lên, thì bóng đen trong đời sống của bạn tức khắc tan biến.

Không phải là đá

Bạn không phải là tảng đá để rồi vĩnh viễn làm lì và vô tri. Bạn đang có những nỗi đau và biết đồng cảm với những nỗi đau của người khác. Bạn đang đi tìm kiếm niềm vui và đang đi tìm niềm vui với người khác.

Nhưng trong khi bạn đang vui, thì cũng có rất nhiều người bị khổ bởi niềm vui của bạn. Và trong khi bạn đang chịu đựng những nỗi đau, thì cũng có nhiều người đang đùa vui trên những nỗi đau của bạn..

Mỗi khi bạn vui, bạn hãy quán chiếu niềm vui của mình và sau niềm vui này không có bất cứ nỗi đau nào xuất hiện, thì bạn cứ vui, vì đó là niềm vui chân thật. Và khi nỗi đau có mặt, bạn hãy quán chiếu sâu vào nỗi đau đó và biết rất rõ, sau nỗi đau này không có nỗi đau nào xuất hiện cho mình và cho bất cứ ai, thì bạn hãy đón nhận nỗi đau ấy, bằng một nụ cười có nội dung của kiên nhẫn và niềm tin.

Nỗi đau ấy sẽ không làm cho bạn đau thêm mà sau nỗi đau là cả một sự bình an lâu dài xuất hiện.

Tôi biết bạn không phải là tảng đá vô tri, bạn là một con người có rất nhiều niềm vui và nỗi buồn, và cũng có rất nhiều nghị lực để sà lọc những niềm vui và nỗi buồn ấy !

Quảng đá trên vai

Bạn muốn sống an lạc và thanh thoi, nhưng bạn lại có quá nhiều tham vọng và ước muốn, như vậy chẳng khác nào, một con người muốn vượt ra khỏi con đường lầy và lún, mà trên hai vai của họ lại khiêng hai tảng đá thật nặng.

Vậy, bạn muốn sống an lạc và thanh thoi thì bạn hãy buông bỏ mọi tham vọng và ước muốn của mình, vì nó đích thực là một gánh nặng trong đời sống của bạn, bạn đừng khiêng nó đi theo thì lúc nào và ở đâu bạn cũng thoải mái và an lạc. Vậy, bạn hãy là nơi nương tựa cho chính bạn trước khi là nơi nương tựa cho những người khác. Bạn hãy đi đến với chính bạn trước khi đi đến với người khác.

Đi và đến

Do một cơn gió lốc, bạn bị chặn lại bên này con đường, bởi những tảng đá lăn xuống từ sườn núi. Bạn đã bị khựng lại và không thể nào vượt qua, bạn có thể bỏ lỡ cuộc hành trình.

Nhưng với ý chí, nghị lực và sự thông minh, bạn có thể mở ra một con đường mới hoặc một con đường mòn để bạn có thể tiếp tục con đường của bạn, vì bên kia đường là cả một quê hương an toàn. Không những an toàn về phương diện sống mà còn an toàn về những chất liệu sống nữa. Vậy, bạn không cần phải chiến đấu với những tảng đá chặn đường làm lý vô tri ấy. Tự bạn hãy mở ra một con đường để đi, dù là một con đường mòn mà sau khi bạn đã đề ra công phu chiêm nghiệm và định hướng. Dù là con đường lớn hay là con đường mòn thì tác dụng của con đường là để mà đi. Nếu bạn không đi thì không bao giờ đến đích, mặc dù bạn đang đứng ở nơi con đường lớn và mỗi ngày ngợi ca con đường ấy.

Vậy, bạn hãy đi và nếu có thể mở ra con đường để tự đi, vì không đi thì bạn không bao giờ đến.

Dừng dài dòng

Nếu có một người sống trong bóng tối hỏi về Đông hay Tây, bạn có thể chỉ ra Đông hay Tây cho họ thấy được chăng? Không thể - Và nếu có người chuyên sống trong bóng tối, bạn có thể giải thích ánh sáng cho họ hiểu được chăng? Không thể.

Vậy, bạn làm gì giúp họ? Trước hết bạn phải biết chân lý của họ là bóng tối. Và bạn không cần giải thích phương hướng và ánh sáng với họ trong bóng tối, mà bạn chỉ cần bật ngọn đèn lên, hay đưa họ ra khỏi bóng tối để nhìn trăng, tức khắc người ta sẽ hiểu ánh sáng là gì và biết ngay đâu là Đông và Tây mà không cần bạn phải lý giải dài dòng và khô cổ.

Tự kiêu và khủng bố

Tính tự kiêu luôn luôn đi kèm với tính khủng bố. Vì do tính tự kiêu người ta đã buộc bạn phải làm theo mệnh lệnh của họ, và vì do một hoàn cảnh nào đó mà bạn không thể thực hiện được, thì tức khắc bạn sẽ bị khủng bố bạn sẽ bị khủng bố là cắt lương, giảm lương hoặc bị đuổi việc làm, hoặc bị gián chức hay bị đuổi ra khỏi niềm tin Tôn giáo, hoặc bị đuổi ra khỏi gia đình hoặc địa vị mà mình đang có.

Tính tự kiêu về trí thức, họ sẽ dùng trí thức để khủng bố bạn. Người có tính tự kiêu về đạo đức, họ sẽ dùng đạo đức để khủng bố bạn. Người có tính tự kiêu về Tôn giáo, họ sẽ dùng Tôn giáo để khủng bố bạn. Người có tính tự kiêu về quyền lực, họ sẽ dùng quyền lực để khủng bố bạn. Và nếu người có tự kiêu về kinh tế, họ sẽ dùng kinh tế để khủng bố bạn.

Do đó, bạn biết không? khủng bố là con đẻ của tự kiêu. Vậy bạn không có tính tự kiêu thì bạn sẽ không bao giờ có tính khủng bố. Và bạn giúp người khác từ bỏ tính khủng bố chính là giúp họ từ bỏ tính tự kiêu nơi họ.

Tự kiêu là một trong những thuộc tính của Vô minh. Do đó, bạn muốn giúp người khác loại trừ tính tự kiêu là phải giúp họ loại trừ Vô minh. Vì do Vô minh mà nhận lầm về một “cái tôi”, và từ đó họ sẽ bị “cái tôi” sai sử, tính tự kiêu và tính ưa khùng bỏ người khác có gốc rễ từ đó.

Bạn có biết không? Một người giàu có mà không có tính tự kiêu và không có tính khùng bỏ đối với người nghèo nàn, đó là một vị Thánh trong sự giàu có. Một người có trí thức mà không tự kiêu và không có tính khùng bỏ đối với người kém hiểu biết, đó là một vị Thánh triết trong sự hiểu biết. Một người có quyền lực mà không có tính tự kiêu và không có tính khùng bỏ đối với thuộc cấp, đó là một vị Thánh triết ở trong quyền lực.

Bởi vậy, tính tự kiêu và khùng bỏ có mặt ở nơi người nào, thì làm cho người đó trở nên tối tăm; có mặt ở nơi gia đình nào, thì làm cho gia đình đó trở nên tối tăm, và có mặt ở nơi quốc gia nào thì làm cho quốc gia đó trở nên tối tăm. Điều này không phải là suy luận mà nó là một thực tế của cuộc sống.

Tính tự kiêu và tính khùng bỏ là bóng đêm của tâm thức, và cũng là bóng đêm của cuộc sống, nếu có tính tự kiêu là ta đang đi trong bóng tối vậy.

Lửa đom đóm

Bạn muốn ăn cơm, nhưng dùng lửa đom đóm để nấu, chắc chắn bạn sẽ ăn gạo sống vậy. Bạn muốn uống nước chín để khỏi đau bụng, nhưng bạn lại đun nước bằng lửa đom đóm, thì chắc chắn bạn sẽ bị uống nước nhiễm trùng và sẽ đau bụng.

Cũng vậy, bạn muốn người khác sống và nói lời chân thật với bạn mà bạn thì luôn luôn sống và nói lời giả dối với họ, điều đó chẳng khác nào một người muốn ăn cơm mà lại nấu cơm bằng lửa đom đóm.

Cái hồng của bạn, cái hồng của gia đình bạn và cái hồng của quốc gia bạn là ở chỗ đó, ở chỗ muốn ăn cơm mà nấu cơm bằng lửa đom đóm!

Trắc trở và trung kiên

Bạn biết không? Ai cũng có thể là người trung kiên, nhưng sự trung kiên không phải ai cũng có thể thực hiện.

Bạn hãy nhìn kỹ vào những trắc trở của bản thân, của gia đình và xã hội, bạn sẽ biết ai là người trung kiên.

Người trung kiên là người còn lại sau những chặng đường liên tiếp trắc trở.

Do đó, sự trắc trở là thước đo chính xác về sự trung kiên vậy.

Chân lý của người say

Bạn biết không? Ngôn ngữ và hành động của người say là ngôn ngữ và hành động quay ngược, nếu bạn không quay ngược, thì bạn không bao giờ đối thoại được với người say.

Chân lý của người say là mọi sự đều quay ngược, nhưng chân lý của người tỉnh thì mọi sự đều quay xuôi.

Và bạn biết không? Chân lý của người say thì mọi vật có trong tay họ đều là thường, nhưng chân lý của người tỉnh thì mọi vật đều sẽ vượt ra khỏi tầm tay.

Vậy, bạn muốn làm người say hay người tỉnh là tùy bạn!

Thà nói với người điếc

Bạn có những nỗi đau nên bạn cần phải có người để tâm sự nhằm vơi bớt những nỗi đau ấy, nhưng thật rủi ro cho bạn là đã tâm sự với một người điếc.

Bạn biết không? Đối với người điếc dù bạn có hết lời hoan hô hay cực lực đá đảo, thì cũng chẳng có tác dụng gì đối với họ huống nữa là tâm sự!

Bạn tâm sự với người điếc, chẳng khác nào người say tâm sự với đá. Do đó, bạn biết rằng không nghe là chân lý của người điếc, và nói mà không làm là chân lý của người dối trá.

Nhưng bạn ơi, thà nói với người điếc còn hơn nói với người dối trá!

Hành trang vào đời

Một người vợ hiền và một nàng dâu đẹp, người ấy có tám chất liệu sau đây:

1. Không nói xấu chồng và ông bà gia cho người ngoài, cũng không đem chuyện thị phi từ ngoài vào trong gia đình mình.

2. Những vật dụng trong nhà chỉ biết cho những người ngoài nào mượn mà biết trả, còn người nào mượn mà không biết trả là không cho.

3. Biết giúp đỡ người nghèo khó trong thân quyến, khi họ mượn vật dụng dù họ trả hay không trả.

4. Phải ngồi đúng vị trí và phải đứng dậy khi thấy ông bà gia đi đến.

5. Trước khi ăn cơm, phải xem xét thức ăn vật dụng trong bữa ăn cho chồng và ông bà gia, cũng như những người giúp việc.

6. Trước khi đi ngủ, phải kiểm tra lại cửa ngõ, phải ngủ sau và dậy trước mẹ chồng.

7. Phải thận trọng lời ăn tiếng nói đối với chồng, ông bà gia như sự thận trọng khi dùng lửa.

8. Phải tôn trọng cha mẹ chồng như những vị trời trong gia đình.

Và thế nào là một người rể quý và một người chồng xinh?

Người rể quý và người chồng xinh, người ấy có các chất liệu sau đây:

1. Không nói xấu vợ và không nói xấu ông bà gia cho người ngoài.

2. Biết hướng dẫn và thực hành những điều tốt đẹp như là sự hiếu kính bình đẳng đối với cha mẹ của hai bên.

3. Biết giúp đỡ những người nghèo khó trong thân quyến của hai phía.

4. Không cưỡng bức và thực hiện theo ý riêng của mình. Và không hành xử với vợ cũng như ông bà gia như một người thi hành pháp luật.

5. Không xem vợ là sở hữu riêng mà phải xem vợ như người bạn đường và luôn kính trọng ông bà gia như cha mẹ ruột của mình.

6. Phải biết ngồi sau và dậy sau ông bà gia của mình. Phải biết pha nước mời ông bà gia sau khi ăn cơm xong.

7. Trước khi đi ngủ nhắc nhở vợ kiểm tra lại cửa ngõ ở trong nhà.

8. Biết tôn trọng và lịch sự đối với bạn bè của vợ cũng như bạn bè của ông bà gia.

9. Biết vạch hướng đạo đức cho con cái sống và hướng dẫn nghề nghiệp cho con cái học tập và sinh sống.

10. Không hút thuốc, không rượu chè, cờ bạc và nghiện ngập.

Người con gái và người con trai nào vào đời với những hành trang thư thế, họ sống ở đâu cũng vững mạnh và đi đến đâu cũng an toàn, chính họ là người đẹp ở trong đời.

Về với đại dương

Người ta không ai muốn chết cả thể mà cái chết vẫn xảy ra với mọi người bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, thật nghiệt ngã cho cõi người ta!

Cái chết xảy ra với con người không phải từ trên trời cao rớt xuống, không phải từ dưới đất vọt lên và cũng không phải từ ngoài đi vào mà nó từ trong trái tim, hơi thở của cuộc sống con người mà đi ra.

Cái chết là người bạn chân tình của con người không làm quen mà lại rất thân, không hề ai gọi mời mà sẵn sàng tự đến.

Nhưng bạn biết không? Cái chết đến với con người như bọt nước trở về với đại dương. Và cái sống đối với con người như bọt nước nổi lên từ đại dương, bọt nước sinh khởi từ sóng, sóng sinh khởi từ nước, nước ở đại dương nổi sóng từ gió. Nếu gió yên lặng thì sóng không sinh, sóng không sinh thì bọt nước không khởi, bọt nước không khởi sinh thì lấy gì để hủy diệt.

Do đó, bọt nước hủy diệt là trở về với đại dương bình lặng.

Cũng vậy, bạn có chết là vì bạn có sinh, bạn sinh ra từ nơi tâm thức duyên cảnh. Cảnh đó chính là gió nghiệp, do gió nghiệp thổi vào biển tâm, khiến từ nơi biển tâm mà khởi lên sóng thức, từ sóng thức mà có thân ngũ uẩn. Thân ngũ uẩn là bọt nước nổi lên từ biển tâm chuyển động.

Vậy, chết là gì mà nghiệp ngã? Chết là thân ngũ uẩn trở về lại với biển tâm trong khoảnh khắc đó nghiệp bình lặng, cũng như bọt nước trở về với đại dương trong một khoảnh khắc của gió dừng và sóng lặng vậy.

Nếu ta biết như vậy thì sống không phải là còn mà chết không phải là hết. Và như vậy, cái chết không còn là cái nghiệp ngã với chúng ta, vì chết là thân ngũ uẩn trở về với biển tâm như bọt nước trở về với đại dương vậy.

Kẻ lữ hành không cô độc

Bạn nói chiều nay bạn đi một mình trên bờ hồ Thủy Tiên, bạn cảm thấy thích thú hoặc bạn cảm thấy cô đơn, nhưng thật ra bạn chưa bao giờ và không bao giờ bạn đi một mình.

Thật tế là bạn đang đi với những gì bạn đã có, đang có và sẽ có. Bước chân quá khứ đang có nơi bạn và những bước chân tương lai cũng đang có nơi bạn. Và bạn đang đi với những nỗi buồn hay với một niềm vui.

Như vậy, mỗi bước chân của bạn trong hiện tại là những bước chân đầy cả quá khứ và tương lai. Mỗi bước chân hiện tại của bạn liên hệ mật thiết đến những bước chân của cha mẹ và Tổ tiên trong quá khứ và mỗi bước chân hiện tại của bạn liên hệ đến những bước chân những thế hệ tương lai.

Vậy, bạn nói bạn đi một mình và chỉ một mình thôi, đó là cách nói lệ thuộc vô minh mà không phải là cách nói thiền quán. Cách nói của thiền quán là: “Tôi đi một mình, nhưng không phải một mình tôi đang đi, mà mọi người đang đi với tôi và đang cùng tôi hiện hữu. Trong mỗi bước chân đi, tôi chưa bao giờ là kẻ lữ hành cô độc”.

Người quẹt diêm

Trong đêm tối bạn đánh mất một que diêm, bạn lại quẹt một que diêm khác để loáy hoáy tìm kiếm, tìm hoài không thấy, bạn lại quẹt thêm một que diêm nữa để tìm, nhưng vẫn tìm không ra, bạn lại tiếp quẹt thêm một que diêm nữa để tìm, như vậy bạn mất ba que diêm để tìm ra một que diêm.

Khi tìm ra một que diêm, bạn tự hào và mừng, bạn nói tôi thật may mắn!

Nhưng, cái may mắn của bạn là cái may mắn không biết buông bỏ, nên cái may mắn trở thành cái rủi ro; cái được của bạn chính là cái mất mát rất lớn của bạn, vì cái được đó liên hệ đến vô minh, nên cái được không bù nổi lại với cái mất.

Thật thương thay cho cái mà bạn đang được và đang tự hào về nó!

Thành công trong tầm tay

Không có sự thành công nào mà không dựa vào thực tế. Thiếu thực tế, sự thành công của ta chỉ là mây mưa. Thực tế của bạn là gì bạn hãy dựa vào đó để khai thác và phát triển, thành công sẽ đến với bạn trong tầm tay.

Đừng nói mà hãy hành động

Đừng nói nhiều về cái đúng mà hãy hành động đúng với cái đúng thì tự thân của cái đúng sẽ xuất hiện cho ta.

Khi cái hiểu đã sai, ta nỗ lực làm cho đúng, thì lại càng sai. Càng sai ta càng nỗ lực làm cho đúng, thì nó lại càng sai nốt. Tại sao? Vì gốc đã sai. Nên, càng làm là càng sai. Vậy làm sao? Nhổ gốc sai ấy vứt đi!

Đừng đấu tranh với đá

Bạn là người, tại sao bạn lại đấu tranh với đá?
Bạn đừng đưa đầu của mình chọi vào đá mà hãy lấy
búa để gõ vào đá cho đá vỡ chứ!

Dừng nói

Bạn đừng nói nhiều về đạo đức và đừng sử dụng bất cứ loại ngôn ngữ nào để diễn tả về đạo đức, ngay cả ngôn ngữ đạo đức. Bạn hãy sống với tâm đạo đức và mọi hành vi đạo đức từ nơi tâm ấy mà biểu hiện.

Tươi

Bạn đừng nói nhiều về bố thí mà bạn hãy múc một gáo nước mát, tưới vào một thân cây đang khô ở trước mặt bạn!

Hiệu năng pháp quy y

Bạn đừng quy y Phật Pháp Tăng ngoài cửa miệng. Khi quy y thì tâm bạn với Phật là một. Bạn đừng quên sống với tâm tỉnh giác, sống với tâm tỉnh giác, chính là quy y Phật vậy.

Khi quy y thì tâm bạn với Pháp là một. Bạn đừng quên mọi an lạc đều là do tâm không còn phiền não đem lại. Quy y với tâm không phiền não là quy y Pháp vậy.

Khi quy y thì tâm bạn với Tăng là một. Bạn đừng quên sống với tâm an tịnh và mọi sự an tịnh đều do tâm bạn tạo ra và mọi sự hòa hợp đều được chế tác ra từ tâm vô ngã nơi bạn. Quy y với tâm an tịnh, hòa hợp và vô ngã, chính là quy y Tăng vậy.

Khi quy y thì bạn và pháp quy y là một. Bạn quy y là bạn đứng vào hàng ngũ Phật Pháp Tăng và phát triển hàng ngũ ấy ngay ở nơi tâm của bạn đến chỗ cùng tột, bạn sẽ có hạnh phúc trong mọi không gian và trong mọi thời gian. Hạt giống sợ hãi trong tâm bạn không còn, bấy giờ bạn là con người có tự do giữa

sống và chết.

Hành trì với pháp quy y như vậy, bạn sẽ thành tựu niềm tin bất hoại đối với Phật Pháp Tăng ngay ở trong đời sống này. Trí bạn sẽ không còn vô minh; Tâm bạn sẽ không còn phiền não và hành hoạt của bạn sẽ không còn nhiễm ô. Bạn có khả năng chấm dứt mọi nhân duyên sinh tử ngay trong đời này. Mọi oán kết trong đời sống của bạn tự đứt rã. Bạn không còn là kẻ nô lệ của nghiệp. Bạn có khả năng đi đứng nằm ngồi, sống chết ở trong sự tự do.

Gia tài lớn nhất của bạn là gia tài sống chết giữa tự do. Bạn muốn sống thì sống ở trong tự do và bạn muốn chết là chết ở trong tự do. Sống chết tự do là tặng phẩm cao nhất và có giá trị nhất trong lý tưởng tìm cầu đời sống tự do của bạn.

Lý tưởng ấy, bạn có thể thực tập và chứng nghiệm ngay nơi tâm tỉnh giác của bạn, chứ không phải nơi nào khác!

Người biết lịch sử

Những gì xảy ra cho cả một đời người hay cho cả một dân tộc hay cho cả một xã hội con người thì quá nhiều, nhiều hơn cát bụi của cả một trái đất nghiền nát ra, nhưng những gì tri thức con người hiểu về lịch sử và ghi chép về lịch sử thì quá ít ỏi. Ít ỏi đến nỗi những gì tri thức con người biết về lịch sử và ghi chép lịch sử chẳng khác nào ta xúc được một ít bụi của cả quả đất nghiền nát chứa vào trong một chén nho nhỏ.

Vậy, khi nói về lịch sử, ta chỉ nói một cách thận trọng hơn là nói một cách quả quyết.

Cái gì dễ!

Sống giữa đời không có cái gì dễ cả, ngay cả cái thở vào và thở ra của ta mỗi ngày. Nếu lá phổi của ta bị thương tích, bao tử của ta bị loét hay tim của ta bị hở van hoặc không khí ngột ngạt, khiến cho cái thở vào và thở ra của ta không phải dễ dàng như ta tưởng.

Ăn và nói cũng không phải dễ dàng, nếu miệng lưỡi, răng nướu của ta bị viêm. Vậy, sống theo ý của ta không dễ dàng, thì chết theo ý của ta lại càng không dễ dàng chút nào.

Sống dễ dàng, vì ta có phước báo đầy đủ của sự sống và chết dễ dàng, vì ta có đầy đủ phước báo của sự chết. Sống thiếu phước báo, sự sống không xảy ra cho ta một cách dễ dàng và chết thiếu phước báo, sự chết cũng không xảy ra cho ta một cách dễ dàng đâu nhé.

Ở trong đời, ai có phước báo về sống, người ấy sống dễ dàng và ai có phước báo về chết, người ấy chết dễ dàng. Có nhiều người có phước báo sống, nhưng không có phước báo chết và có những người có phước

báo chết, nhưng không có phước báo sống. Phước báo do đâu mà có? Do sống có lòng từ bi với mọi người và muôn vật mà có; Do biết tôn trọng và bảo vệ tài sản của người khác và của loài khác mà có; Do sống với tâm và hạnh đoan chánh mà có; Do sống biết tôn trọng sự thật và yêu mến sự thật mà có; Do biết bảo vệ nguồn gốc đạo đức và tôn trọng sự nghiệp trí tuệ của mình và của mọi người có.

Ở trong đời, ai sống với tâm và hạnh như vậy, người ấy sống dễ và chết cũng dễ.

Lãnh đạo à!

Bạn muốn trở thành người lãnh đạo ư? Không dễ, nếu bạn không từ bỏ tính ích kỷ và cố chấp nơi bạn.

Ồ trên đời này có ai thềm nghe bạn và làm theo mệnh lệnh của bạn, nếu bạn là người ích kỷ. Nếu bạn sống với tâm ích kỷ, dù bạn có tài năng đến mấy, thì kẻ ngu nhất trên đời cũng lánh xa bạn. Vậy, bạn là người lãnh đạo à!

Tai họa

Mọi truyền thống đạo đức đều dạy cho con người không nên ích kỷ, vì sao? Vì người nào sống ích kỷ, người ấy tự tạo ra tai họa cho chính họ trong hiện tại và cả tương lai.

Tướng cướp và minh triết

Một tên cướp được đồng bọn vinh thăng tướng cướp, hẳn nhiên nó phải giỏi mách lới và hành động ăn cướp hơn đồng bọn của nó. Nhưng, nếu tướng cướp không nghĩ đến những mách lới và thủ đoạn để cướp mất tài sản của người khác mà quay lại, nghĩ ra những phương pháp để cướp mất những hạt giống xấu ác ở nơi tâm, thì tức khắc vị tướng cướp trở thành bậc minh triết giữa đời.

Kẻ giết người

Giết người là do tâm sân hận, thù oán hay do lòng tham lam và tâm mù quáng mà xảy ra. Người nào sân hận và thù oán đến cực độ, thì hành động giết của họ sẽ xảy ra; người nào sống với tâm tham lam đến cực độ, thì hành động giết của họ sẽ xảy ra; người nào sống với tâm mù quáng đến cực độ, thì hành động giết của họ sẽ xảy ra. Nhưng, người nào với nhiệt tâm tu hành từ bi và hỷ xả đến cực độ, người ấy có khả năng giết sạch hết những hạt giống tham, sân, si, kiêu mạn và nghi ngờ ở nơi tâm của họ.

Giết hại người và vật bằng tâm tham lam, thù oán, si mê, kiêu ngạo sẽ dẫn sinh ra quả báo khổ đau đời đời. Nhưng nếu ta nỗ lực giết sạch hết những hạt giống tham lam, sân hận, si mê, chấp ngã nơi tâm ta, ta sẽ đạt tới hạnh phúc đời đời.

Thiền tập

Thiền tập không phải là để đối phó với những hạt giống tiêu cực trong tâm mà để bật lên ngọn đèn tuệ giác ở nơi tâm, khiến ngọn đèn ấy tỏa sáng ra. Những hạt giống tiêu cực nơi tâm, chỉ vận hành thích ứng trong môi trường của vô minh, mà nó hoàn toàn không có khả năng vận hành ở trong môi trường của tuệ giác.

Nên, thiền tập không phải là để đối phó với những hạt giống tiêu cực nơi tâm, mà chỉ là những điều kiện tác động, khiến ngọn đèn tuệ giác vốn có nơi tâm tự bật lên, mà từ lâu nó bị môi trường vô minh che phủ.

Nên, thiền tập là tập sống với tâm tĩnh lặng, chính nơi tâm ấy ngọn đèn tuệ giác và an bình tự tỏa ra.

Sống chết và an lạc

Sống chết còn gọi là sinh tử hay sinh diệt. An lạc còn gọi là diệt độ hay Niết bàn. Sống chết do đâu mà có? Do duyên vào tham dục mà có. Tham dục do đâu mà có? Do duyên vào vô minh mà có. Vô minh là gì? Vô minh là không sáng suốt, không có tỉnh giác, ví như người mù không thấy được ánh sáng, nên không nhận ra được sự thật về bản chất, hình tướng, tác dụng, nhân duyên, quả và báo, gốc rễ và ngọn ngành của muôn sự, muôn vật, nên sống quờ quạng trong bóng đêm.

Vô minh do đâu mà có? Do duyên vào sự không tỉnh giác mà có. Không tỉnh giác do đâu mà có? Do khi tiếp xúc với muôn sự, muôn vật, tâm khởi lên sự phân biệt, kỳ thị giữa mình và người, giữa mình với muôn sự, muôn vật mà có.

Nên, tham dục, vô minh, không tỉnh giác là tập khởi để sinh tử khởi sinh hay khổ đau có mặt.

An lạc còn gọi là diệt độ hay Niết bàn. Niết bàn là phiền não nơi tâm hoàn toàn chấm dứt, không còn khởi

hiện. Nên, Niết bàn cũng gọi là vô sanh, nghĩa là trạng thái tâm linh hoàn toàn thanh tịnh, phiền não hoàn toàn không còn khởi sanh. Niết bàn cũng còn gọi là vô vi, vì các chủng tử liên hệ đến sống chết, liên hệ đến các nhân duyên và nghiệp dụng của sống chết hoàn toàn ngưng lắng, không còn hoạt khởi và vận hành ở nơi tâm. Tâm không còn các chủng tử phiền não khởi vận và hiện hành, tâm ấy gọi là tâm vô vi. Tâm vô vi là tâm an lạc tuyệt đối.

Vì sao? Vì tâm hoàn toàn yên lặng, tỉnh giác và trong sáng, không còn bị các loại phiền não hoạt khởi và vận hành làm cho ô nhiễm. Nên, tâm ấy gọi là Niết bàn, diệt độ hay vô vi.

Nên, sanh tử và khổ đau là do tâm bị xáo động và bị kích động bởi vô minh. An lạc và hạnh phúc là do vô minh nơi tâm tan biến, phiền não không còn, khổ đau do sống chết đem lại hoàn toàn chấm dứt, vượt qua mọi sanh tử. Vì vậy, Niết bàn cũng gọi là vô vi mà cũng gọi là diệt độ.

Sống với tâm tỉnh giác, gốc rễ của sanh tử là vô minh tự tan rã, ngã chấp không còn, sanh tử tự chấm dứt, ấy là hạnh phúc tối thượng.

Tỉnh giác là gì? Ta làm bất cứ công việc gì, ta biết

rõ ta đang làm công việc đó và nuôi dưỡng việc làm đó ở trong sự tỉnh giác của tâm, để tâm luôn luôn ở trong trạng thái tỉnh giác thuần tịnh.

Người nào sống với tâm tỉnh giác, thuần tịnh thì người ấy có khả năng chuyển hóa nghiệp và không còn tác nghiệp. Không còn nghiệp và không còn tác nghiệp thì các quả báo sanh tử do nghiệp đem lại hoàn toàn chấm dứt. Cánh cửa vô sanh bất diệt tự động mở ra. Người ấy có đời sống tự do giữa đôi dòng sanh diệt hay giữa đôi bờ sống chết.

Nhiễm và tịnh

Trong kinh A Hàm và Nikàya đức Phật dạy: “Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác”. Tôi tin Tịnh độ, vì tôi tin lời đức Phật Thích Ca dạy về tâm ô nhiễm và tâm thanh tịnh. Tâm ô nhiễm tạo ra thế giới ô nhiễm. Tâm thanh tịnh tạo ra thế giới thanh tịnh.

Tâm của chúng ta hàm chứa đủ cả hai loại hạt giống. Hạt giống thiện và hạt giống bất thiện. Hạt giống thiện tạo ra thế giới hạnh phúc, an lạc cho chúng ta; tạo ra môi trường thanh tịnh cho chúng ta. Hạt giống bất thiện tạo ra thế giới bất hạnh và khổ đau cho chúng ta; tạo ra môi trường ô nhiễm cho chúng ta.

Đời sống của chư Phật là đời sống của Tịnh độ, vì sao? Vì tâm của các ngài hoàn toàn không còn phiền não, không còn ô nhiễm, nên các ngài có mặt ở đâu thì Tịnh độ có mặt ở đó. Chư Phật thì lúc nào và ở đâu cũng là bậc Chánh giác và Toàn giác, vì sao? Vì đối với các ngài, các vọng tưởng về ngã hoàn toàn chấm dứt, hết thấy vô minh đều đã dứt sạch, nên mọi sự hiểu biết tự minh triệt mà không cần phải dụng công.

Do đó, Tịnh độ của chư Phật lúc nào và ở đâu cũng hoàn toàn thanh tịnh, linh hoạt và sáng trong.

Tôi tin Tịnh độ, vì tôi tin tâm tôi có Phật và có Tịnh độ của các ngài. Khi tâm tôi có Phật và có Tịnh độ của các ngài, thì tha phương Tịnh độ của chư Phật đều có mặt ở trong tâm tôi và Tịnh độ ở trong tâm tôi đều có mặt ở nơi Tịnh độ của các ngài, vì sao? Vì đức Phật Thích Ca dạy: “Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác”. Và “tâm thanh tịnh, thì hết thấy thế giới đều thanh tịnh, tâm ô nhiễm, thì hết thấy thế giới đều nhiễm ô”, vì sao? Vì thế giới từ nơi tâm mà hình thành và đều được tác động bởi tâm vậy.

Những người không tin Tịnh độ, vì những người ấy, không có nhân duyên với Tịnh độ và không có điều kiện để quán chiếu sự an tịnh nơi tự tâm. Tâm tịnh là thế giới tịnh. Tịnh độ không hề xảy ra cho những ai, chỉ biết lăng xăng với những kiến thức nhị nguyên, mà chưa bao giờ biết ngồi yên để nhìn lại hai loại hạt giống nhiễm và tịnh ở nơi tâm mình. Tâm ô nhiễm tạo thành thế giới chúng sanh. Tâm thanh tịnh tạo thành Tịnh độ chư Phật. Khi tâm đã tịnh, thì tịnh còn không đề cập nữa, huống gì là bất tịnh.

Chân lý là vậy, có gì mà tranh cãi!

Ta muốn gì

Người kinh doanh muốn gì giữa cuộc đời này? Có người bảo, họ muốn lợi nhuận. Không phải tất cả đều như thế. Người có trí tuệ trong kinh doanh, họ muốn uy tín hơn lợi nhuận, vì sao? Vì uy tín có khả năng bảo chứng cho lợi nhuận và bảo chứng cho sinh mệnh kinh doanh của họ. Họ muốn cải tiến thành phẩm và phong cách kinh doanh để gọi cảm và thích ứng với khách hàng, hơn là trung thành với khách hàng với những gì họ đã có.

Người làm chính trị muốn gì giữa cuộc đời này? Có người bảo, họ muốn chức tước và quyền lực, họ thường bảo thủ theo những quyền sách. Không phải tất cả đều như thế. Người có trí tuệ trong sự nghiệp chính trị, họ không muốn điều khiển người khác bằng quyền lực và họ không muốn người khác tuân thủ họ theo mệnh lệnh và thi hành mệnh lệnh bằng nghĩa vụ của quyền sách, mà họ muốn dùng đức để nhiếp phục người dân để người dân tự nguyện tuân thủ theo họ bằng tất cả tấm lòng đầy tự trọng, thông minh và sáng tạo.

Người làm tôn giáo muốn gì giữa cuộc đời này? Có người bảo, họ muốn mọi người phải thần phục họ qua quyền năng Thượng đế và vâng lời họ tuyệt đối qua giáo quyền. Không phải tất cả đều như thế. Người có trí tuệ trong sự nghiệp tôn giáo, họ không sử dụng quyền lực siêu nhiên để đối xử với mọi người mà họ đối xử với mọi người bằng chính tâm khoan dung, độ lượng, cảm thông và chia sẻ, họ lại càng không muốn ai vâng lời và trung thành tuyệt đối với họ mà họ muốn mọi người làm và trung thành với tất cả niềm tin tâm linh nơi chính người ấy đã tự nguyện và ước thề.

Sống giữa đời, mọi người ai cũng có những ước muốn, nhưng không có ước muốn nào giống ước muốn nào, vì sao? Vì tâm và tướng không ai giống ai. Biết vậy, nên ta đừng đem tâm và tướng của ta mà áp đặt lên tâm và tướng của người khác.

Nên, Thiền sư Trí Bảo (? - 1190) đời Lý nói: “Trương thức mẫn thiên hạ, tri âm năng kỷ nhân = Biết cùng khắp thiên hạ tri âm có mấy người?”.

Qua câu nói ấy, há không phải Thiền sư muốn nói với ta, tâm và tướng của con người không ai giống ai, nên ta có quyền cảm nhận cuộc sống theo tâm tướng của ta, thì người khác cũng vậy, nên ta đừng đem tâm

tướng của ta mà áp đặt lên tâm tướng của mọi người. Nếu ta đem tâm tướng của ta mà áp đặt lên tâm tướng của mọi người, thì ngay giữa cuộc sống này chẳng có ai là tri âm của ta cả. Muốn có tri âm, thì ta đừng chạy theo tâm tướng. Tâm tướng lắng yên và rỗng lặng, thì muôn vật đều là tri âm của ta và chính ta là tri âm của muôn vật.

Sống trung đạo

Người sống trung đạo là người biết giữ tâm thẳng bằng không thiên lệch theo tham dục, cũng không thiên lệch theo ép xác khổ hạnh. Giữ tâm thẳng bằng là tâm an trú vào trọng điểm của không, nên không bị sắc ái làm cho thiên lệch, không bị thọ ái làm cho thiên lệch, không bị tưởng ái làm cho thiên lệch, không bị hành ái làm cho thiên lệch và không bị thức ái làm cho thiên lệch.

Do tâm không bị các ái này làm cho thiên lệch, nên tâm không bị dao động bởi năm thủ uẩn, mười hai xứ và mười tám giới.

Do tâm bất động bởi các ái, nên tâm ở vào trạng thái thuần tịnh và tự do tỏa chiếu cùng khắp mọi không gian cũng như mọi thời gian.

Người sống trung đạo là người có chánh kiến, nên không có cái thấy thiên lệch đối với thực tại; Người sống trung đạo là người có chánh tư duy, nên không có tư duy thiên lệch đối với thực tại; Người sống trung

đạo là người có chánh ngữ, nên không có lời nói thiên lệch với thực tại; Người sống trung đạo là có chánh nghiệp, nên không có hành động thiên lệch với thực tại; Người sống trung đạo là người có chánh mạng, nên không nuôi dưỡng đời sống thiên lệch với thực tại; Người sống trung đạo là người có đời sống chánh tinh tấn, nên nỗ lực không bị thiên lệch với thực tại; Người sống trung đạo là người có đời sống chánh niệm, nên không bị các niệm làm cho thiên lệch với thực tại; Người sống trung đạo là người có đời sống chánh định, nên không bị các loại thiền định làm cho thiên lệch đối với thực tại.

Thực tại ở đây là Niết bàn, mọi vô minh hoàn toàn đoạn tận và mọi khổ uẩn hoàn toàn chấm dứt.

Một người tu tập, vô minh không đoạn tận, mọi khổ uẩn không chấm dứt, người ấy là người thất bại, vì tâm không an trú ở trung đạo, khiến ba nghiệp của họ bị lệch thánh đạo.

Hãy nhìn

Hãy nhìn muôn vật như chính nó, đừng nhìn nó như chính mình. Vì sao? Vì ta nhìn muôn vật như chính nó, thì ta mới hiểu nó chính là nó. Hiểu nó chính là nó, thì ta mới có tình thương chân thực để dành cho nó và giúp nó một cách thiết thực.

Nếu ta nhìn muôn vật như chính mình, ta sẽ không xâm nhập được điều kiện và hoàn cảnh của muôn vật, nên dù ta cố gắng đến mấy để đến với muôn vật, ta vẫn bị muôn vật từ chối và loại ra khỏi môi trường cũng như tự thân của chính nó.

Nói đúng hơn, ta không nhìn muôn vật đúng như tự thân của chính nó, thì chính ta đã bị nhận thức của ta đánh lừa và chính nhận thức ấy của ta, đẩy ta ra khỏi thăng bằng của sự hiểu biết.

Một câu chuyện

Có một nhà sư Hàn Quốc, đi hành hương Canada, bị đánh cắp một túi xách mất hết cả tiền bạc và giấy tờ tùy thân. Nhà sư buồn chán, ông ngồi trên bãi biển giữa gió rét để cầu cứu Bồ tát Quán Thế Âm, khoảng một giờ sau, có một người nữ Canada đạp chiếc xe đạp, thấy nhà sư ngồi trong giá buốt, dừng xe lại để hỏi, nhà sư nói: Tôi bị mất hết giấy tờ tùy thân và tiền bạc, nên ngồi ở đây để cầu nguyện Bồ tát Quán Thế Âm chứ không có cách nào khác hơn. Người nữ ấy nói: Trời lạnh quá ngài không thể ngồi đây được, nếu ngồi đây chẳng bao lâu là ngài sẽ bị chết cứng. Xin ngài hãy theo tôi về nhà. Nhà sư liền theo cô ta về nhà, cô ấy quạt lửa để cho sư hong, sau đó dọn cơm cho nhà sư ăn, rồi tìm cách giúp đỡ để nhà sư có giấy tùy thân và điều kiện để trở lại Hàn quốc.

Nhà sư ấy đã cảm ơn cô ta và xem cô ta là một hóa thân của Bồ tát Quán Thế Âm. Nhà sư nói trước đó, tôi nghĩ xấu về người Canada, nhưng sau khi gặp cô ấy, tôi tự trách những suy nghĩ sai lầm của mình đối

với người Canada. Người Canada có những người xấu, nhưng cũng có những người rất tốt. Tôi nghĩ: “Chính người Canada làm khổ mình, thì cũng chính người Canada cứu mình”.

Qua câu chuyện ấy, cho ta bài học: “Đừng vội vàng nghĩ mọi người là xấu đối với ta và cũng đừng vội vàng nghĩ mọi người là tốt đối với ta. Mọi người xấu hay tốt đối với ta, đều tùy thuộc vào nhân duyên xấu hay tốt của ta đối với họ mà tương cảm. Đừng sợ người khác xấu, chỉ sợ nhân duyên của mình không tốt”.

Biết nhân duyên của mình xấu mà chỉ sanh tâm lo lắng sợ hãi, đó là cách hành xử của người hạ liệt, nhưng biết nhân duyên của mình xấu, nỗ lực khắc phục và chuyển hóa nhân duyên, đó là cách hành xử của những bậc có trí trong đời.

Cha đẻ

Không có niềm tin, ta không có bất cứ một tôn giáo nào để sống và ta sẽ không có một tương lai nào để hướng đến và hoàn toàn không có khả năng để tự hoàn thiện bản thân trong đời sống hiện tại. Nhưng, nếu ta quá đam mê tôn giáo, ta sẽ không hiểu được những ý nghĩa và giá trị cao quý mà tôn giáo hiến tặng cho ta. Ta chỉ là kẻ nô lệ tôn giáo, kẻ nô lệ niềm tin, chứ không phải là người có khả năng tiêu thụ niềm tin vào chính trong đời sống của mình.

Không có tri thức, con người không có khả năng thai nghén và đẻ ra hệ thống triết học và không có bất cứ nền triết học nào có ý nghĩa và giá trị đối với người không biết tư duy. Nên, tri thức là nền tảng cho mọi tư duy triết học.

Thí nghiệm và kiểm nghiệm trước khi kết luận, đó là tư duy khoa học và khởi đầu của khoa học.

Không có cảm xúc sẽ không có sự cảm nghiệm cuộc sống. Không có cảm nghiệm sẽ không có ngôn ngữ của thi ca. Từ cảm nghiệm cuộc sống mà ngôn ngữ thi ca thoát sinh và bay vút tận trời cao.

Bất tử

Bất tử không phải là không chết, mà chấp nhận chết là một sự thật, nên vượt qua được mọi tâm lý sợ hãi để sống và chết một cách tự do. Chết là thuộc tính của sống. Sống là sự biến đổi liên tục của sinh và diệt. Không có sự hiện hữu nào mà không có sự biến đổi liên tục của sinh và diệt hay sống và chết. Cái sinh của cái này là cái diệt của cái kia và cái diệt của cái này là cái sinh của cái kia. Vì sao? Vì trong cái sinh, có cái diệt, trong cái chết có cái sống. Sinh và diệt, sống và chết luôn luôn tác động lên nhau trong mọi sự hiện hữu. Không có sự hiện hữu nào đơn thuần mà tất cả đều liên hệ đến quy trình nhân duyên để sinh khởi.

Nên, ta đứng từ không gian này để ngắm nhìn thì ta thấy ta đang sống, nhưng ta đứng ở một không gian khác để nhìn thì ta thấy ta đang chết, nhưng ta đứng từ *không-điểm* để nhìn thì ta thấy chẳng có cái gì sống và chẳng có cái gì chết cả.

Sống và chết, sinh và diệt chỉ là những ý niệm, chúng là con đẻ của nhận thức và tư duy. Buông bỏ và

vượt qua mọi nhận thức và tư duy, ta lại có ngay một tâm hồn sáng trong, vô nhiễm, vượt khỏi mọi biên giới của sinh tử hay sống chết. Tâm hồn ấy, ta không biết gọi nó là gì, vì trước khi nhận thức và tư duy sinh khởi, nó không có tên gọi và sau khi nhận thức và tư duy bị hủy diệt, nó cũng không có tên gọi, các nhà Thiền học tạm gọi nó với tên là *Bản lai diện mục* hay *bất tử* vậy.

Lời ca dao mẹ ru

Tuổi trẻ ngày nay, họ lớn lên và sống ở trong một nền văn minh tin học, khiến cái biết và hành xử của họ có tính máy móc, nặng về tin học hơn là khoa học nhân văn. Bà mẹ ở trong xã hội văn minh tin học, phần nhiều không đủ khả năng sinh con theo quy luật tự nhiên mà phần nhiều sinh con phải nhờ khoa học can thiệp. Lại nữa, phần nhiều không biết nuôi con qua sữa mẹ và lời ru. Mẹ không ru con và không nuôi con bằng sữa mẹ. Con không được bú sữa mẹ, không được nghe lời mẹ ru, đó là một trong những nỗi bất hạnh của tuổi trẻ ngày nay. Con không được mẹ nuôi bằng sữa mẹ, không được mẹ dạy bằng lời ru, vậy con lấy gì để sinh tình con với mẹ, để nhớ lấy lời ru của mẹ. Sữa của mẹ là tình của con. Lời ru của mẹ tạo nên tâm hồn của con. Con không bú sữa mẹ, tình của mẹ đã chết trong con. Con không có lời ru của mẹ, hồn của con héo khô tình mẹ!

Tôi nhớ câu ca dao, mẹ tôi ru tôi ngày ấy: “*Ra đi nhìn trước nhìn sau, nhìn nhà mấy cột, nhìn cau mấy*

buồng”. Mỗi khi nghĩ đến lời mẹ ru, tôi hạnh phúc. Tôi hạnh phúc, vì tôi sinh ra được bú sữa mẹ và lớn có lời ru ca dao ngọt ngào của mẹ.

Câu ca dao này đã đi vào trong tôi và đã trở thành xương thịt của tôi không biết lúc nào. Nó đã nuôi tôi lớn lên và trưởng thành rất nhiều trong đời sống xuất gia tu hành.

Ra đi nhìn trước: Nghĩa là khi ra đi, tôi phải nhìn kỹ trước mặt tôi là ai và sau lưng tôi là ai trước khi đi. Trước mặt tôi là những thế hệ đi trước. Sau lưng tôi là những thế hệ tiếp theo. Tôi có khả năng tiếp nối được những gì tốt đẹp từ thế hệ đi trước hay không và có khả năng loại trừ những gì mà thế hệ đi trước đã bị sai lầm, vấp ngã hay không? Nếu không có khả năng “*nhìn trước*” này, tôi sẽ bị tai nạn ngay nơi việc ra đi của tôi.

Ra đi nhìn sau: Nghĩa là khi ra đi dần thân vào một công việc nào đó, ta hãy nhìn sâu vào công việc ấy, có gây cản trở và thiệt hại cho người đi sau ta hay không? Nếu có, ta phải chấm dứt ngay cách đi này. Nếu không, trước sau gì ta cũng bị người sau lên án và xô nhào. Nên, ta *nhìn sau* để bước tới mà không cản trở người sau; ta *nhìn trước* để tiếp nối người trước khiến ta không bị tụt hậu.

Khi ngồi vào bàn ăn, ta hãy nhìn người lớn đã ngồi chưa, nếu người lớn chưa ngồi, thì ta mời người lớn ngồi, trước khi ta ngồi; ta nhìn người sau đang đứng ở đâu, nếu họ chưa có chỗ ngồi, ta sắp xếp cho họ có chỗ ngồi, trước khi ta ngồi. Cái ngồi như vậy là cái ngồi an toàn. Vì sao? Vì trong cái ngồi ấy, ta có chất liệu *nhìn trước*, *nhìn sau* của lời mẹ ru và lời cha dạy.

Tóm lại, làm việc gì, đi đến đâu, ta có cái *nhìn trước*, *nhìn sau*, chính cái nhìn ấy, giúp ta an toàn và thành công trong cuộc sống một cách hợp lý, hợp tình. Nhìn trước để thấy sau, nhìn sau để thấy trước, vì cái sau chưa bao giờ tách rời cái trước, nhìn trước để thấy sau, vì cái trước làm tiền đề cho cái sau sinh ra. Nên, ta ra đi để làm một công việc gì đó mà không *nhìn trước*, *nhìn sau*, nếu có thành công thì chỉ tạm thời mà thất bại là cái tiếp nối theo sau.

Nhìn trước, nhìn sau, một nhà thơ nào đó đã cảm xúc:

“*Tiền bất kiến cổ nhân*

Hậu bất tri lai giả

Niệm thiên địa chi du du

Độc nhiên nhi lệ hạ”.

Nghĩa là:

“Ai người trước đã qua

Ai người sau chưa tới

Nghĩ trời đất không cùng

Một mình tuôn giọt lệ!”.

Nhìn trước, nhìn sau dễ buồn và khóc là điều không nên. Vì buồn và khóc làm cho ta yếu đi không những về mặt lý trí mà còn yếu đuối ngay cả mặt tình cảm. *Nhìn trước* dễ cùng tiếp nối, *nhìn sau* dễ cùng tạo lực bước lên, đó là lời ca dao mẹ tôi ru tôi ngày trước.

Nhìn nhà mấy cột, nhìn cau mấy buồng. Ngôi nhà không có trụ cột, ngôi nhà ấy sẽ không đứng vững chãi, thọ mạng của ngôi nhà không thể tồn tại lâu dài. Nhà không có trụ cột thì không đủ khả năng chống đỡ nắng mưa bão bùng. Cột trụ của ngôi nhà là tiêu biểu cho gia phong trí tuệ. Không có trí tuệ sẽ không có gia phong, không có trí tuệ sẽ không có đạo đức, không có trí tuệ sẽ không có văn hóa, không có trí tuệ sẽ không có tình cảm, không có trí tuệ thì chẳng biết gì lịch sử gia phong đất nước là gì để yêu kính và bảo vệ. Nhà tan, làng nát, nước mất, xã hội vô luân là vì trong cái học, cái hành, cái ứng xử ta thiếu cái *nhìn nhà mấy cột*. Nhìn nhà mấy cột là để thấy ngôi nhà có nhiều thế hệ tiền nhân tạo

nên. Nên, trong ngôi nhà ấy có hồn của nhà và hồn của nước. Ta không thấy hồn của nhà, ta sẽ không thấy hồn của nước. Ta không biết văn hóa và lịch sử ngôi nhà, ta sẽ phá nhà như phá đồng gạch vụn, ta sẽ bán nhà như bán đồ phế thải. Hồn của nhà đã mất, thì hồn của nước cũng chẳng còn, mà hồn của ta cũng trở thành khói sương, cát bụi. Nên, khi ra đi, ta phải *nhìn nhà mấy cột*, để ta không bị lai căn, ta không bị đánh mất đường về, dù đi đâu, sống với ai, ta vẫn có hồn của ta để sống, ta vẫn có hồn của nước để phụng sự và tin vui.

Ra đi nhìn cau mấy buồng. Nhà có vườn cây, có vườn cau là ngôi nhà có tình. Cái tình của con người với sự vật và cái tình của sự vật đối với con người. Vườn cau là vườn tình. Ấy là vườn tình thủy chung. Buồng cau là kết tinh của tình yêu chung thủy. Tình ấy đã được bao nhiêu thế hệ kết nối giữ gìn để tạo nên hồn nhà, hồn làng xóm, hồn nước non.

Nên, tôi nhớ lời mẹ tôi ru tôi ngày ấy: “*Ra đi nhìn trước nhìn sau, nhìn nhà mấy cột, nhìn cau mấy buồng*”. Tôi đã lớn lên trong lời ru ca dao ngày ấy của mẹ. Tôi có hạnh phúc trên con đường đi ra và tôi có hạnh phúc trên con đường trở về, vì trong tôi có mẹ và có lời ca dao của mẹ ru để tiễn tôi đi và gọi tôi về.

Tự tung tự tác

Thầy Thái Tịnh lái xe đưa tôi đi thăm người học trò năm xưa, nay được bổ nhiệm làm trú trì ở một ngôi chùa phía sau Tổ đình Tường Vân Huế. Trên đường về, trời vào tối, ba chú trâu đi nghênh ngang giữa đường, xuýt xe thầy Thái Tịnh tông vào ba chú trâu ấy. Sau khi thoát khỏi tai nạn ấy, tôi hỏi thầy Thái Tịnh, thầy có biết tại sao mấy chú trâu ấy đi nghênh ngang giữa đường như vậy không? Thầy Thái Tịnh chỉ cười mà không nói gì. Tôi nói: “Mấy chú trâu ấy, đã sống theo thói quen và luôn luôn nghĩ rằng, đường này là đường của chú, quả đất này là quả đất của chú, nên chú muốn đi đâu thì đi, muốn phóng uế ở đâu thì chú cứ tự do phóng uế! Và do mấy chú trâu suy nghĩ và hành xử như vậy, nên mấy chú trâu tự gây tai nạn cho chính các chú và cho những gì chung quanh chú”.

Thử hỏi đến khi nào mấy chú trâu ấy, có khả năng suy nghĩ: “Con đường này không phải là của tôi, tôi không phải là con đường này... Con đường này là của

tất cả mọi người và muôn vật; tất cả mọi người và muôn vật đều có thể đi trên con đường này”, để các chú không gây tai nạn cho chính các chú, cho đồng loại của các chú và cho những gì chung quanh các chú!

Hai hòa thượng và chú tiểu

Có một bức tranh vẽ hai vị Hòa thượng đứng hai bên, chú Tiểu đứng giữa. Mọi người xem tranh phần nhiều phản đối, vì sao hai Hòa thượng lại đứng hai bên, chú Tiểu lại đứng giữa, vô lễ vậy? Hòa thượng cười và nói: “Có ai làm Hòa thượng mà trước đó không làm chú Tiểu!. “Chú Tiểu là tiền thân của Hòa thượng vậy”. Ô! Ô! Ô!

Hương vị cuộc sống

Tôi không uống nước trà, nhưng ai cúng trà, tôi cũng nhận một cách trân trọng. Nhận để người cúng vui và có điều kiện là chia sẻ trà đến với những người ghiền trà.

Thỉnh thoảng tôi đến phòng của thầy Thái Tịnh hay phòng của thầy Nhật Chánh để hàn huyên chia sẻ một vài câu chuyện đạo sau những thời kinh sớm. Hai thầy đều pha trà để mời tôi. Tôi không ghiền trà, nhưng vẫn trình trọng đưa hai tay bưng tách trà để uống.

Tôi không uống trà theo cách bình thường mà uống trà để cảm nhận tấm lòng của hai thầy đã pha trà mời tôi và cảm ơn những công phu lao tác giữa con người và muôn vật đang có mặt trong một tách trà. Nhờ vậy, tâm tôi đã chi phối được trà mà trà không chi phối được tâm tôi. Trà đã được tâm tôi nâng lên trở thành một hương vị tinh cảm thanh khiết và lớn rộng của tâm hồn.

Uống trà bằng tất cả tấm lòng, thì trà, người pha trà và người uống trà đều đi vào trong nhau và giúp nhau tạo nên hương vị và thi vị của cuộc sống.

Mời các bạn uống trà đi!

Hạnh cúng dường

Cúng dường là một trong những hạnh tu của người con Phật. Người con Phật thực tập hạnh cúng dường mỗi ngày. Họ thực tập bằng cách nào? Bằng cách luôn luôn nghĩ đến Phật Pháp Tăng. Mỗi ngày họ làm ra được điều gì lợi ích cho họ, cho gia đình họ và cho xã hội, họ đều đem sự lợi ích ấy dâng lên cúng dường Phật Pháp Tăng trước khi thọ dụng. Có những vị thực tập hạnh cúng dường bằng cách mỗi ngày đi chợ, họ trích một phần trăm tiền đi chợ bỏ vào hũ cúng dường với tâm nguyện:

“Đệ tử chúng con quy y Phật, đệ tử chúng con quy y Pháp, đệ tử chúng con quy y Tăng, đệ tử chúng con vì nghĩ đến công ơn của cha mẹ, người thân, thiện hữu tri thức, mọi người và muôn loài mà phát tâm thực tập hạnh cúng dường mỗi ngày đến Phật Pháp Tăng, kính xin Tam Bảo chứng minh cho tâm thành của chúng con”.

Mỗi ngày chúng ta thực tập hạnh cúng dường như vậy và đến cuối tháng, ba tháng, sáu tháng hay một

năm, đến ngày chúng Tăng an cư hay những buổi lễ Phật lớn trong năm, chúng ta đổ hủ tích lũy tài vật cúng dường ấy ra, kiểm tra số tiền tích lũy được, chúng ta có thể mua sắm tịnh vật hay đem tịnh tài cúng dường đến chúng Tăng trong mùa an cư, thì phước đức do thực tập hạnh cúng dường của chúng ta như vậy, đem lại cho đời sống của chúng ta rất lớn. Vì sao nó lớn? Vì hạnh cúng dường ấy được ta nuôi dưỡng mỗi ngày và nó lớn lên mỗi ngày trong tâm và nơi thân của chúng ta.

Chúng ta nên biết rằng, không có cái lớn nào không đi từ cái nhỏ. Không có cái nhỏ sẽ không bao giờ có cái lớn. Mọi cái lớn đều được tích lũy từ những cái nhỏ. Phước đức cũng vậy. Nó phải đi từ nơi những ý niệm cúng dường và nó được nuôi lớn mỗi ngày trong những hành động và cử chỉ cúng dường của chúng ta. Tâm cúng dường chưa đủ để tăng trưởng phước đức mà phải cúng dường cả thân và tâm. Cúng dường cả thân và tâm thanh tịnh, thì phước đức do sự cúng dường này đem lại là không thể nghĩ bàn.

Nghe pháp

Không phải chỉ có hàng cư sĩ thực tập hạnh cúng dường mà hạnh ấy các Tỷ kheo, Tỷ kheo ni cũng thực hành mỗi ngày.

Tỷ kheo, Tỷ kheo ni không phải là Tăng mà là thành viên chính thức của Tăng, nên họ phải nỗ lực học pháp, hiểu pháp, hành pháp, sống với pháp và hoằng pháp để cúng dường Phật Pháp Tăng. Nên hàng cư sĩ thực tập hành cúng dường là để hộ pháp và được nghe pháp từ chúng Tăng, dù chỉ một bài kệ bốn câu. Nếu cúng dường mà không được nghe pháp, thì thiện pháp nơi người cúng dường không được tăng trưởng. Nên cúng dường là phải được nghe pháp từ chúng Tăng, nhờ vậy mà thiện căn tăng trưởng, ác pháp được chuyển hóa, tham tâm ngày mỗi xa lìa.

Chà xát mấy vẫn còn

Ta mỗi ngày tắm một lần, hai lần hay nhiều lần, nhưng mỗi khi tắm đều kỳ cọ với thân thể của mình đều có đất, vì sao? Vì đất là một trong những nguyên tố cơ bản tạo nên thân thể chúng ta. Cho nên, dù ta tắm rửa sạch sẽ cỡ nào, thì thân thể ta vẫn sinh ra đất cho chúng ta.

Thân nhóp, ta lấy nước để tắm, tâm nhóp ta lấy gì để tắm? Ở trong đời có bao nhiêu người tâm sạch? Tâm không sạch, thì làm gì mà có thân sạch? Và có bao nhiêu người ở trong đời biết mình có tâm nhóp?

Người nào biết tâm mình nhóp, người ấy mới có khả năng đi tìm kiếm nước để tắm rửa cho tâm. Nhưng nếu ta đi tìm nước tắm cho tâm ta sạch, nhưng không ngờ càng tắm, tâm ta lại càng nhóp? Vì sao vậy? Than ôi! Vì ta đã sử dụng lộn nước rồi.

Nước rửa sạch tâm là “buông”, ta đã không buông, mà còn ôm thêm nhiều thứ, thử hỏi đến khi nào tâm ta sạch để thân an!

Cầu an à! Buông đi! Nếu không, chà xát mấy vẫn còn!

Bí quyết

Có người học trò đi theo học với vị trộm sư đã mấy năm. Hôm ấy người học trò năn nỉ xin vị trộm sư dạy cho bí quyết ăn trộm. Vị trộm sư bằng lòng trao bí quyết. Hôm ấy, hai thầy trò trộm sư đến một nhà giàu, nhà ấy sau bữa tiệc tất cả ngủ say. Hai thầy trò cạy cửa vào nhà mở tủ mà cả nhà chẳng ai hay biết.

Trộm sư bảo người học trò, mảy bước vào trong tủ đứng để lấy vật dụng quý báu, người học trò vừa bước vào trong tủ đứng, trộm sư khóa cửa tủ và bước ra đứng ngoài cửa la lên là ăn trộm, ăn trộm rồi bỏ chạy. Cả nhà bật đèn lên chạy theo trộm sư, nhưng chạy không kịp và không biết trộm sư chạy theo hướng nào, liền về nhà xem trong nhà thì mọi chuyện y cũ không có chuyện gì bất thường.

Trộm đệ đứng trong tủ, trong lòng vừa giận, vừa thù hận, vừa chửi và nguyên rửa lảm bảm trộm sư, nhưng không ra tiếng. Nhà giàu tắt đèn đi ngủ, một hồi sau, nghe trong tủ đứng tiếng kêu chiu chít của chuột, người chủ nhà sợ áo quần bị chuột cắn, nên dậy mở tủ,

vừa mở tủ, thì trộm đệ tung một cái thật mạnh, cánh cửa tủ đánh mạnh vào người chủ, người chủ nằm la và bất tỉnh, một số người trong nhà lo cho người bị thương nằm bất tỉnh bởi cánh cửa tủ do trộm đệ tung ra đánh vào, một số người theo đuổi bắt tên trộm, chạy một đoạn trộm đệ thấy cái giếng vác cục đá thả xuống giếng kêu một tiếng ầm, mọi người nói tên trộm chạy rút xuống giếng rồi, nên vây quanh giếng và cho người xuống giếng để bắt, tên trộm đệ nhờ vậy thoát khỏi.

Trộm đệ tìm gặp trộm sư trách móc, trộm sư hỏi, trộm đệ, ngươi làm sao thoát khỏi? Trộm đệ tường thuật hết mọi sự kiện đã làm cho trộm sư nghe. Trộm sư cười và nói đó là bí quyết mà ta đã dạy cho ngươi. Bí quyết, chẳng có bí quyết gì cả. Mọi vấn đề xảy ra cho ta cần phải có trực giác. Trực giác là bí quyết, chứ không có bí quyết nào có sẵn để ta trao ngươi cả.

Không nhọc công kiếm tìm bến đỗ

Hạnh phúc và bình yên, ta không thể tìm kiếm ở đâu, ngoại trừ tìm kiếm ở nơi tâm ta. Tâm ta đã từng làm cho ta ngủ không được, vì nó giận người này, trách người kia, vợ trách chồng, chồng trách vợ, cha mẹ trách con cái, con cái trách móc cha mẹ, bạn bè trách móc nhau, người làm công trách móc người làm chủ, người làm chủ trách móc người làm công, đồng nghiệp ganh tỵ nhau, thuộc cấp giận trách lãnh đạo, lãnh đạo chê trách thuộc cấp, mọi áp lực công việc đè nặng lên tâm ta mỗi ngày, khiến tâm ta phản ứng đưa ta ra đấu trường, người kia chết, ta cũng bị thương tích, kẻ kia thua, ta cũng phải nhọc công bình định chiến trường, với những phé phẩm nhiễm độc ngồn ngang... với tâm như vậy, làm sao ta có một giấc ngủ bình yên, ta có một bữa ăn đầy an lạc và làm sao ta có được những bước chân thanh thoi trên mọi nẻo đường.

Tâm đã làm cho ta không yên, thì tâm ta cũng có thể làm cho ta bình yên. Nếu ta biết dừng lại, đừng nghĩ về cái ta và cái của ta quá nhiều. Nếu ta nghĩ về

cái ta và cái của ta quá nhiều, thì ta đi tìm hạnh phúc ở đâu và ở đâu là bến đỗ hạnh phúc cho ta?!

Cái ta và cái của ta đã tạo ra một lỗ hổng vô đáy trong đời sống của ta, nên dù ta có cả thế gian này vẫn không lấp đầy lỗ hổng ấy. Cái ta và cái của ta đã tạo ra thác ghềnh, hầm hố trong đời sống của ta, nên dù ta có nói về hòa bình, có vận động hòa bình, có cầu nguyện cho hòa bình thì cuộc sống phi hòa bình vẫn xảy ra thường xuyên trong đời sống của ta. Cái ta và cái của ta đã tạo ra một lỗ hổng cực lớn trong đời sống của ta, khiến cho ta có xây dựng bao nhiêu thánh đường, đền đài, cung điện, chùa tháp, bệnh viện, trường học, công đường xa hoa tráng lệ, vẫn không lấp đầy lỗ hổng ấy. Mây vẫn bay, chim vẫn hót, từng cánh bướm vẫn đong đưa, đùa giỡn với những nụ hoa giữa vườn hoa muôn màu hồng biếc, lá cây vẫn xanh và vàng, vẫn đong đưa mỗi ngày với gió, dòng sông mỗi ngày vẫn chảy và vẫn mới mỗi ngày, chỉ cái ta và cái của ta đã dày đọa ta mỗi ngày, chứ nào có ai trừng phạt và dày đọa ta đâu nhỉ!

Buông xả mọi ý niệm về cái ta và cái của ta, lỗ hổng thất vọng và khổ đau trong đời sống của ta tự nó lấp đầy, thế gian không còn là thác ghềnh, hầm hố;

không còn là chỗ đọa đày mà là cõi thiên đàng để ta rong chơi, tiếp xúc và hát ca với muôn ngàn sự sống. Ta biết dừng lại và buông bỏ cái suy nghĩ về ta và cái của ta, thì thế gian này là một biển cả yên bình, thuyền ta tha hồ khám phá và rong chơi mà không nhọc công kiếm tìm bến đỗ.

Vĩ đại ư!

Thất bại dành cho những ai sống không có quyết tâm và không có kiên trì; thành công không thuộc về những kẻ lười biếng. Đời sống cao thượng không thuộc về những kẻ đa dục; khổ đau là hoa trái sinh ra từ tâm ý ích kỷ...

Đời sống con người chẳng có gì vĩ đại, nếu trong đời sống ấy, con người chỉ biết tôn thờ vật chất!

Mất và được

Sống giữa cõi đời không có ai được hoàn toàn và cũng không có ai mất hoàn toàn. Trong cái được đã có mầm mống của cái mất và trong cái mất cũng có mầm mống của cái được. Chân lý xưa nay vốn như vậy. Sở dĩ, chúng ta không có hạnh phúc, vì chúng ta không có khả năng chấp nhận cái mất có mặt ở trong cái được và cái được có mặt ở trong cái mất.

Phần nhiều chúng ta chỉ chạy theo cái được và từ chối cái mất, nên chúng ta không có khả năng chế tác hạnh phúc cho chính chúng ta và chúng ta cũng không có khả năng hiến tặng hạnh phúc cho nhiều người. Nên nhớ, sống giữa đời không có ai là người hoàn toàn mất hay hoàn toàn được. Mỗi ngày đi qua đời ta là mỗi ngày ta đều có được và mất. Nếu không có được và mất mỗi ngày, thì làm gì trong đời sống của mỗi chúng ta có mùa xuân, mùa hạ, mùa thu và mùa đông.

Nếu chúng ta là những người có trí ở trong cuộc đời, thì chúng ta nên để cho lòng tham, sự sân hận, sự

trách móc, sự si mê, mù quáng, cố chấp mất đi ngay nơi những hành động của chúng ta, mất đi ngay nơi những suy nghĩ của chúng ta và nếu chúng ta là những người có trí thì hãy để những nguyên nhân sinh khởi khổ đau mất đi, ngay trong mọi hành hoạt của chúng ta, khiến chúng ta đạt được những tâm ý vô tham, đạt được những tâm ý trong sáng không giận dữ, không vì mình quên người.

Những bậc có trí trong đời, sống với tâm ý được và mất như vậy, nên họ lúc nào, ở đâu, sống với ai cũng có an lạc, cũng có mùa xuân cho chính họ và cho người khác. Chúng ta nên nhớ rằng, điểm hẹn cuối cùng của được là mất. Chúng ta hãy thường xuyên quán chiếu điều này, để chúng ta thực sự có tự do trong khi ta được và thực sự có tự do trong lúc ta mất. Nhờ quán chiếu thường xuyên như vậy mà tâm ta có sự tỉnh thức và tự do giữa được và mất, khiến xuân đối với ta không bị giới hạn bởi một mùa mà bốn mùa đều là xuân. Trí hay ngu, phàm hay thánh, mê hay ngộ, Phật hay chúng sanh, nếu có khác nhau, thì khác nhau ở điểm này mà không phải điểm nào khác.

Sống ở trên đời có ai mà không được, có ai mà không mất. Nhưng được ở trong sự tỉnh thức và mất

cũng ở trong sự tỉnh thức là cái được và cái mất của bậc Thánh trí mà những kẻ phàm phu cần phải noi theo để học tập. Được ở trong sự tỉnh thức và mất cũng ở trong sự tỉnh thức, nên cả được và mất đều tạo thành hạnh phúc cho chúng ta.

Kiêu hãnh và thất bại

Ta chỉ kiêu hãnh ở trong bốn bức tường ngôi nhà của ta, hay ta kiêu hãnh với khu vườn của ta, thì sự kiêu hãnh ấy của ta là một sự kiêu hãnh đáng thương. Kiêu hãnh ở trong bốn bức tường là kiêu hãnh sinh ra từ sự cục bộ và ngu dốt. Do ngu dốt mà kiêu hãnh. Do ngu dốt mà cục bộ. Càng kiêu hãnh từ sự ngu dốt lại càng bần tiện. Dem sự bần tiện mà giữ vườn, thì mọi sự hiện hữu ở trong khu vườn ấy đều là phản ảnh đúng cái bần tiện của kẻ giữ vườn cục bộ vậy. Cho nên, kiêu hãnh từ sự ngu dốt là trá hình của mọi sự thất bại. Kiêu hãnh có mặt ở đâu, thì ở đó có sự dừng lại và thoái hóa. Kiêu hãnh là nguyên nhân của mọi sự thoái hóa và thất bại.

Khiêm nhẫn và thành công

Khiêm là khiêm cung, nhẫn là kham nhẫn. Không có sự thành công nào mà không đi từ nơi khiêm cung, không có sự thành công nào mà không đi từ sự kham nhẫn. Không có khiêm cung, không có kham nhẫn chúng ta sẽ không có thành công. Thành công rồi mà chúng ta không có khiêm cung thì thành công đó là trá hình của sự thất bại. Có nhiều người thành công, nhưng không duy trì được sự thành công của mình lâu dài, vì thiếu tính khiêm cung.

Chấp nhận và chuyển hóa

Trong cuộc đời này không có ai hiểu hết được ai. Vì sao? Vì con người là một sự hiện hữu trong dòng sinh diệt tương tác và tương tục giữa nhân duyên và nhân quả của tâm thức nhiều đời. Không hiểu được nhân duyên, nhân quả, chúng ta không bao giờ hiểu được con người. Nhân duyên, nhân quả của con người được tạo nên từ chính tâm thức của chính họ và được xông ướp bởi hoàn cảnh của họ. Do tâm thức sai biệt, khiến tác nghiệp sai biệt và do tác nghiệp sai biệt, nên chúng ta tuy là người, nhưng không có người nào giống người nào. Chúng ta là con người, chúng ta có thể biết nhau, quen nhau, nhưng chúng ta không bao giờ hiểu biết hết nhân duyên, nhân quả, nghiệp báo của nhau và không bao giờ hiểu biết hết những diễn biến trong tâm thức của nhau.

Năm ngón tay ở nơi bàn tay của mỗi chúng ta, không có ngón nào giống ngón nào. Không có ngón nào giống ngón nào hết, đó là sự thật. Chúng ta phải thấy sự thật này để chấp nhận sự khác biệt của nhau và

giúp nhau tạo nên hạnh phúc. Hạnh phúc chỉ thật sự có mặt, khi chúng ta biết chấp nhận nhau và cùng nhau chuyển hóa những yếu tố thấp kém từ nơi nhận thức, từ nơi tâm hồn, để cùng nhau thăng hoa cuộc sống. Biết chấp nhận sự khác biệt của nhau để cùng nhau chung sống, đó là một trong những sự thông minh của con người. Biết chấp nhận cái hay của nhau để học hỏi và chấp nhận cái dở của nhau để giúp nhau chuyển hóa là con người có khả năng bước thêm một bước nữa để tiến bộ và cùng nhau đi tới với một niềm hạnh phúc đích thực của cộng đồng. Biết chấp nhận cái xấu của nhau để giúp nhau chuyển hóa; biết chấp nhận cái tốt của nhau để giúp nhau thăng hoa, đó là một ý thức tiến bộ. Ý thức ấy đẩy chúng ta đi tới với nhau và cùng nhau sống trong hạnh phúc. Thiếu sự hiểu biết này, chúng ta không bao giờ có tiến bộ và chúng ta không bao giờ có sức mạnh của sự sống. Đây là điều mà tất cả chúng ta cần phải thường xuyên quán chiếu, để hạnh phúc chân thật không còn là một sự mơ ước mà là một hiện thực trong đời sống của mỗi chúng ta.

Chấp nhận một sự thật cao quý, thì ai cũng có thể, nhưng chấp nhận một sự thật phũ phàng thì rất ít người có thể. Người có sức sống và có niềm tin, họ có khả năng chấp nhận cả hai sự thật ấy để tái tạo hạnh phúc

cho chính họ. Chúng ta biết chấp nhận sự thật, dù là một sự thật phũ phàng, thì mọi tiến bộ mới có thể bắt đầu sinh ra trong đời sống của mỗi chúng ta và khi ấy, chúng ta mới có khả năng tạo ra cho chính ta cho chính chúng ta và những người ta thương yêu.

Tự tịnh tâm ý

Tự tịnh tâm ý là tháo gỡ phiền não ra khỏi tâm mình. Tâm ta vốn rộng lớn và sáng suốt, nhưng do phiền não bám vào, khiến cho tầm nhìn của ta bị hạn chế; khiến cho cái nghe của ta bị chướng ngại, không xuyên suốt; khiến cho những suy nghĩ của ta chỉ là những tư duy phiền diện, một chiều; khiến cho mọi lời nói của ta thiếu phẩm chất khoan hòa, độ lượng và khiến cho mọi hành xử của ta, chẳng khác nào người bị thương tật một nửa tay chân.

Nên, hạnh phúc không bao giờ có mặt với những người tâm ý đầy phiền não. Biết vậy, nên ta cần phải thực tập “**tự tịnh tâm ý**”, để hạnh phúc thực sự có mặt ngay trong tâm ta và ngay trong đời sống của ta.

Tâm ta không thanh tịnh, ta không có chất liệu hạnh phúc cho đời ta và ta không có chất liệu hạnh phúc để hiến tặng cho những người ta thương yêu.

Vì vậy, ta phải **tự tịnh tâm ý** trước khi nói và làm, để hạnh phúc và sự an lạc luôn luôn cùng ta hiện hữu.

Buông xả tự ngã

Ngã chỉ là những ý niệm mà hoàn toàn không có thật thể. Ngã do vô minh tạo thành, do vọng tưởng khởi động và nuôi lớn những hạt giống phiền não tham, sân, si, kiêu mạn nơi tâm ta.

Nên, sự chấp ngã càng lớn, thì lòng ích kỷ nơi ta càng nhiều; sự chấp ngã càng lớn, thì lòng kiêu mạn nơi tâm ta càng lắm; sự chấp ngã nơi tâm ta càng sâu, thì sự sân hận nơi tâm ta càng bén nhạy và dễ bộc phát; sự chấp ngã nơi tâm ta càng kiên cố, thì chất liệu phân biệt, kỳ thị, tà kiến và mù quáng nơi tâm ta càng mãnh liệt; và càng chấp ngã bao nhiêu, thì đời sống của ta càng mất hết tự do bấy nhiêu. Tính chấp ngã nơi ta đã đẩy ta đi mãi, đi hoài trong biển cả khổ đau của sinh tử không có giới hạn.

Vì vậy, ta phải thực tập buông bỏ mọi ý tưởng về “tự ngã”, thì các loại phiền não tham, sân, si, kiêu mạn, mù quáng, tự nó rơi rụng, để tâm ta sáng lên, tạo thành chất liệu an lạc đích thật cho ta và ta có thể đem chất liệu ấy mà hiến tặng cho mọi người.

Nuôi lớn chất liệu từ bi hỷ xả

Ta chỉ có thể chuyển hóa phiền não, khi tâm ta có Từ Bi và Hỷ Xả. Từ là tình thương không ích kỷ; Từ là tình thương vắng mặt của tham, sân, si, kiêu mạn, mù quáng. Tình thương như vậy, có khả năng ôm ấp phiền não để chuyển hóa, khiến mọi thứ phiền não ấy nhẹ và yếu dần ở trong tâm ta và không còn có khả năng chi phối và điều động tâm thức ta đi về hướng tiêu cực.

Bi là hành động theo phẩm chất của từ hay của thương. Từ bao nhiêu là có bi bấy nhiêu; và bi bao nhiêu là có từ bấy nhiêu. Từ và bi như vậy, tạo nên sự quân bình của tâm, khiến cho tâm an trú vững chãi ở trung đạo, không bị nghiêng về một phía để hành xử của ta không bị thiên lệch không bị dẫn đến gây đổ.

Từ là ôm ấp phiền não nơi tâm ta, khiến cho phiền não không còn có sự tự do hoạt động trên mặt ý thức của ta; và bi là khả năng chuyển hóa phiền não do từ ôm ấp, khiến phiền não tiếp cận dần với ánh sáng của nội tâm hay là năng lượng của tâm tỉnh giác. Chính năng lượng của tâm tỉnh giác này làm thay đổi và

chuyển hóa phiền não nơi tâm.

Ví như gà mẹ xòe đôi cánh ôm ấp quả trứng, và năng lực hay sức ấm từ nơi sự ôm ấp ấy phát sinh, khiến cho bao nhiêu yếu tố trong lòng trứng đều được chuyển hóa thành con gà và đến một lúc gà con tự mổ vỡ vỏ trứng để thoát ra.

Cũng vậy, lòng từ của ta ôm ấp phiền não, và do năng lực hay sức mạnh ôm ấp phiền não của lòng từ ấy, làm cho năng lượng của lòng bi phát sinh hay năng lượng của ý thức tỉnh giác phát khởi nơi tâm ta, khiến cho phiền não tự đốt cháy và đốt cháy cả vô trứng vô minh ở nơi tâm ta. Bây giờ ánh sáng thiền quang nơi tâm ta tự tỏa sáng và soi chiếu khiến ta an lạc.

Hỷ là niềm vui. Niềm vui do từ và bi đem lại, gọi là hỷ. Vui là vì nơi tâm ta, nhân và quả của khổ đau sinh tử không còn. Nhân của sinh tử là vô minh, phiền não và quả của sanh tử là sanh già bệnh chết. Nhân của sinh tử chấm dứt, quả của sinh tử đã được chuyển hóa, từ đó niềm vui sinh khởi. Niềm vui ấy gọi là hỷ. Hỷ sinh khởi từ tâm từ bi, hỷ ấy tạo thành niềm an lạc chân thật cho ta.

Xả là giải thoát hay tự do. Tâm không bị phiền não trói buộc gọi là xả. Nghĩa là sau khi các loại phiền

não nơi tâm bị đứt rã và đốt cháy bởi chất liệu từ và bi, nên tâm hoàn toàn có tự do đối với sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Tâm có chất liệu giải thoát hoàn toàn đối với Khổ đế và Tập đế; bây giờ ta đi trên Thánh đạo mà không mắc kẹt ở nơi Đạo, thường trú ở nơi Niết bàn, nhưng không thấy có Niết bàn ngoài tâm tịch diệt. Nên, sống với tâm xả là sống với tâm rỗng lặng, với tâm tịch diệt hoàn toàn đối với Khổ và Tập. Xả chính là Vô Trú Xứ Niết Bàn.

Nuôi lớn bốn chất liệu Từ, Bi, Hỷ, Xả nơi tâm ta mỗi ngày, là mỗi ngày ta có khả năng chế tác ra niềm an lạc và thế giới Tịnh độ đích thực cho ta.

Gốc của mọi sự yên bình

Tâm là gốc của mọi sự hiện hữu. Tâm yên, thì thân vững, tâm động thì thân loạn. Tâm yên thì nhà yên, tâm động thì nhà loạn. Tâm dân yên thì nước yên, tâm dân loạn thì nước mất, nhà tan. Nên, ta hộ pháp chính là hộ trì tâm ta khiến tâm ta yên vậy. Ta hộ quốc là hộ trì tâm dân, khiến cho muôn lòng của dân được yên vậy. Lòng dân đã yên, ấy là thành công lớn nhất của người lãnh đạo đất nước.

Những gì giá trị

Sự khổ đau của con người lớn lên, chỉ vì con người không nhận ra được lòng tốt của nhau. Khi nào ta nhận ra được lòng tốt của con người và con người biết tôn trọng lòng tốt ấy hơn tôn trọng các báu vật, thì ngay bấy giờ mọi giá trị nhân bản trong đời sống con người được thể hiện một cách tự nhiên.

Đồng hành

Thế giới con người được tạo thành từ những yếu tố phi ta. Không có cái phi ta, con người vĩnh viễn không thể nào có một cái ta và cái của ta để yêu mến. Ta biết yêu mến cái phi ta và chăm sóc cái phi ta là ta đã có một trí tuệ căn bản để thăng hoa đời sống và ta đã có một chất liệu từ bi để đồng hành cũng như hội nhập với cuộc sống.

Điều không thể nói

Cách đây ba năm vào tiết mùa Thu, tôi đang nhập thất nhịn đói, uống nước trong để thanh lọc thân thể.

Bấy giờ thầy Nguyên Pháp và một số Phật tử ở Hà Nội tổ chức Trai đàn Bạt độ Giải oan, Cầu siêu cho các anh hùng, chiến sĩ, liệt sĩ trận vong và nhân dân nạn vong, trong cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc, Việt Nam vừa qua, tại huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế.

Thầy Nguyên Pháp xin thị giả của tôi đưa vào thất gặp tôi để trình việc và thỉnh cầu tôi làm Pháp sư trong đại lễ Trai đàn Bạt độ này.

Tôi từ chối, vì sức khỏe và vì đang nhập thất, nhịn đói. Nhưng thầy Nguyên Pháp rất chí thành và năn nỉ hết lời. Thương thầy Nguyên Pháp, thương tâm nguyện của các Phật tử và việc làm cao đẹp của quý vị, nên tôi tạm nhận lời, nhưng có nói với quý vị, đến ngày ấy, nếu có sức khỏe, thì tôi sẵn sàng giúp đỡ.

Quý vị vui vẻ chào tôi ra về. Gần đến ngày thực

hiện công việc Trai đàn Bạt độ, tôi tự thấy sức khỏe của mình không thể cho phép giúp đỡ công việc trọng đại ấy của quý vị, tôi gọi điện thoại báo cho thầy Nguyên Pháp để từ chối và yêu cầu Thầy Nguyên Pháp thỉnh vị Pháp sư khác.

Tuy nhiên, tôi vẫn đề tâm cầu nguyện cho Pháp sư trọng đại này được viên thành. Và tôi biết Hòa thượng Thanh Đàm làm Sám chủ, nên tôi đã gọi cho Hòa thượng Thanh Đàm, xin gia tâm cầu nguyện để cho người còn kẻ mất có nhân duyên với Đại trai đàn này đều được lợi ích.

Trai đàn tiến hành, đúng đêm lễ Bạt độ cầu siêu, bảy giờ mười giờ đêm, ở trong thất tôi nằm nhắm mắt, bỗng nhiên toàn bộ khung cảnh Đại lễ trai đàn Bạt độ hiện ra trước mắt, rất nhiều đầu lâu, hài cốt ở trên các bàn thờ và nam nữ, trẻ em thật nhiều, mẹ bồng con, cha dắt con, tất cả đều đến đàn tràng và đều đưa đầu đến chạm vào tôi, tôi đưa tay vỗ trên đầu họ, thì họ mới chịu dần ra. Tôi mở mắt ra, chẳng thấy gì, nhưng nhắm mắt lại, cảnh ấy lại hiện ra y nguyên như vậy. Tôi tự nghĩ, do mình quan tâm đến Trai đàn Bạt độ, nên cảnh ấy là cảnh giới của Trai đàn Bạt độ nơi tự tâm hiện ra.

Bảy giờ tôi không nằm ở trên giường, tôi đến trên

võng để nằm, nhắm mắt lại, thì cảnh Trai đàn ấy cũng lại hiện ra y nguyên như vậy. Mỗi lần tôi nhắm mắt là mỗi lần cảnh Trai đàn ấy lại hiện ra đúng như vậy.

Đến gần mười hai giờ khuya, trong giấc ngủ, tôi nghe tiếng tụng kinh và âm điệu tán tụng của chư Tăng ở trong đàn tràng, tôi tỉnh giấc mở mắt ra, nằm yên lắng nghe, thì vẫn nghe tiếng tụng kinh và tán tụng của chư Tăng giữa hư không càng lúc càng rõ ràng và rất hay.

Đến đây, tôi không còn lý giải lễ Trai đàn Bạt độ, do tôi quan tâm khiến cảnh giới Trai đàn Bạt độ ở nơi tự tâm biểu hiện, mà tôi biết có một thế giới siêu hình, khách quan, đang tồn tại khắp mọi không gian trong những nhân duyên nghiệp báo của chúng. Họ rất cần Tuệ giác của Phật chỉ đường cho họ đi; họ cũng rất cần nghe pháp của Phật để nuôi dưỡng sinh mệnh trong điều thiện; họ cũng cần sức gia trì thanh tịnh của chư Tăng chú nguyện; họ cũng cần những người con, người cháu thể hiện hiếu thảo với họ; họ cũng cần những người bạn quan tâm đến họ; họ cũng cần những người đồng lý tưởng nghĩ về họ và tất cả họ đều cần đến tâm Từ bi và trí tuệ của Phật để sống vui đẹp và thăng hoa, để từ nơi thế giới hữu ngã, hữu chấp, họ có thể bước lên những thế giới vô ngã, vô chấp cao đẹp hơn.

Tôi biết vậy, nên khi ấy tôi không tiếp tục ngủ, ngay lúc ấy, tôi đứng dậy đắp y hậu chỉnh tề trang nghiêm, lên bàn Phật để cầu nguyện cho những tâm linh nào có duyên với Trai đàn bạt độ cầu siêu này, tượng thừa uy lực của Tam bảo, gia trì lực của chư Tăng mà đều được tùy duyên siêu độ, sau khi cầu nguyện xong, tôi xuống nghỉ, khung cảnh Trai đàn bạt độ ấy không hiện ra nữa, dù vậy ở trong thất, tôi vẫn dành một tuần lễ để cầu nguyện cho Trai đàn bạt độ ấy, kẻ sống người mất đều được viên thành..

Đây là những điều không thể nói mà chính tôi trải nghiệm, chứ không phải suy luận, lại càng không phải nghe từ người khác kể lại.

Điều không thể nói, vì nó quá mầu nhiệm và tinh tế, nó đòi hỏi tâm chân thật, tâm rộng lớn như tâm bồ đề để ứng xử mà không phải tâm hạn hẹp, tâm suy diễn, tâm đối phó hay luống dối.

Nên, những vị Chứng minh, Chủ sám, Pháp sư, Công văn và Kinh sư, của các Trai đàn Bạt độ cầu siêu cần phải cẩn trọng. Nếu cẩn trọng và chí thành, thì lợi ích cho quý vị, cũng như cho âm dương không thể kể xiết. Nếu không chí thành và cẩn trọng, thì âm dương chẳng lợi ích gì mà tự thân quý vị rước lấy oán thù, tai

họa không những một đời mà vô lượng kiếp, từ những người đang còn sống và những kẻ đã qua đời đang sống ở thế giới hữu thể hay vô thể.

Còn những vị ít học, bất tín, duy lý, trí thức và khoa học nửa vời, thì hãy cẩn trọng nói năng, phê phán, nếu không thì khổ não, ương lự và tai họa cũng sẽ xảy đến với quý vị, gia đình, dòng họ và xã hội quả thực không thể luận bàn.

Ấy là điều không thể nói mà nay tôi lại nói và nói một cách chí thành.

Học cách phê bình

Ca dao Việt Nam nói: “Thương ai thương cả đường đi; ghét ai ghét cả tôn ti họ hàng”.

Đây là sự thương ghét mang tính phiến diện và rất nguy hiểm. Thương ghét như vậy, không đưa tới lợi ích cho mình và lại càng không đưa tới lợi ích cho người. Thương ghét như vậy, rất nguy hiểm, vì nó có thể dẫn đến hại mình, hại người cả đời này và đời sau.

Thói thường, khi chúng ta thấy một thành viên của một gia đình phạm lỗi, chúng ta rất dễ đưa tới kết luận là mọi thành viên ở trong gia đình ấy đều phạm lỗi. Khi chúng ta nghe một gia đình ở trong một làng xóm phạm lỗi, chúng ta rất dễ đưa tới kết luận cả làng xóm ấy đều không dễ thương. Khi chúng ta nghe dân chúng một phường xã đối đãi với nhau không dễ thương, ta vội đi đến phê phán và kết luận cả dân chúng trong phường xã ấy không dễ thương. Khi ta nghe dân chúng trong một huyện đối đãi với nhau không dễ thương ta liền vội phê phán và kết luận dân chúng trong một tỉnh đối đãi với nhau không dễ

thương. Khi ta nghe dân chúng của một tỉnh trong một quốc gia đối xử với nhau không dễ thương, ta vội phê phán và kết luận dân chúng của quốc gia ấy đối xử với nhau không dễ thương. Khi ta nghe dân chúng của một quốc gia trong thế giới loài người không dễ thương, ta liền phê phán và kết luận cả thế giới con người không dễ thương.

Hoặc đối với những tổ chức xã hội, khi ta nghe có một thành viên ở trong tổ chức ấy không dễ thương, ta vội phê phán và kết luận tổ chức xã hội ấy không dễ thương. Hoặc đối với tổ chức Tôn giáo, khi ta nghe một thành viên của tổ chức ấy không dễ thương, ta vội phê phán và kết luận tổ chức Tôn giáo ấy không dễ thương.

Sự phê phán và kết luận như vậy không hiểu hết sự thật của vấn đề, nên gây thiệt hại cho mình, thiệt hại cho người, thiệt hại cho các tổ chức, cho quốc gia, cho tôn giáo và cho cả xã hội con người.

Tránh xa những thiệt hại ấy, ta phải học cách phê bình và kết luận mà Tổ tiên Việt Nam đã đúc kết trải qua bao đời: “Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi”. Hay “không nên vơ đũa cả nắm”.

Sự phê phán và kết luận như Tổ Tiên ta đã từng phê phán và kết luận như vậy, lại rất là chính xác và

thiết thực làm khuôn vàng, thước ngọc cho mọi thời đại để đo lường nhân cách học thuật và trí thức của mọi thời đại.

Chúng ta có mãi trong nhau

(Pháp thoại: Thầy Thích Thái Hòa giảng nhân ngày Hiến chương nhà giáo 20/11/2017)

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa các anh chị em trong Ban huynh trưởng, cùng tất cả đoàn sinh GDPT Phước Duyên quý mến!

Hôm nay là ngày 20/11/2017, Thầy rất vui rất hoan hỷ khi mà các anh chị em huynh trưởng cũng như các em đoàn sinh GDPT chùa Phước Duyên - Huế, nam nữ lớn nhỏ đang nghĩ về ngày 20/11- ngày Hiến chương nhà giáo theo thông lệ của thế tục.

Quý vị sinh hoạt trong thế tục, nhưng không đi theo dòng chảy của đời thường, cho nên đã biến dòng chảy của đời thường trở thành dòng chảy của tâm linh đầy đủ chất liệu của Bi Trí Dũng, nên quý vị đã thể hiện được những gì tốt đẹp nhất trong giờ phút này đây.

Biết ơn là chất liệu làm đẹp cuộc đời, làm nên bản thân, làm sạch tội lỗi, tạo ra chất liệu Hòa Tin Vui trong đời sống của mỗi chúng ta. Biết ơn thì lúc nào và

ở đâu cũng xóa sạch được bao oán đối và nghiệt ngã giữa con người với con người, giữa tình cha con, giữa tình vợ chồng, anh em, bạn bè, đồng nghiệp...

Oán đối trong đời sống của mỗi chúng ta, phát sinh từ nơi kẻ vô ơn, kẻ phản bội mà tổ tiên của chúng ta đã dạy rằng, khi ăn của ai một miếng cơm hay uống của ai một miếng nước, nhận của ai một tặng phẩm lúc mình khốn khó, thì mình phải luôn luôn nhớ ơn đến ngàn đời, vạn kiếp không quên. Nhờ vậy mà mình vượt qua những nghèo khổ oán đối của chính mình. Cho nên, biết ơn thì còn phước đức, mà vô ơn thì phước đức sẽ mất sạch. Vì vậy mà những nhà đạo đức Việt Nam, những nhà văn hóa và tư tưởng Việt Nam, những nhà giáo dục Việt Nam đã tạo ra ngày 20/11 để cho những con người ăn được miếng cơm, uống được miếng nước, mặc được chiếc áo, học được chữ nghĩa, ngồi được trong ngôi nhà ấm áp hay nhìn lên cái ti vi, cái computer, cái điện thoại mà biết ơn tất cả muôn loài, đang có mặt trong sự sống và đang hỗ trợ cho chúng ta, để chúng ta được sống một cách tốt đẹp và cái thông minh nhất vẫn là người nhận ra cái công ơn đó, cái quy ước đó, và biến nó trở thành hiện thực trong đời sống của chúng ta và chính quý vị hôm nay, chính là người thông minh nhất, chứ không phải những nhà tư tưởng,

giáo dục, văn hóa tạo ra cái ngày này mà chính quý vị mới là người thông minh, có khả năng duy trì ngày này từ một quy ước của Hiến chương trở thành hiện thực. Cho nên, Thầy rất vinh dự có được những người học trò nho nhỏ mà thông minh tâm cỡ này thì không còn ai chịu nổi và có lẽ những vị sáng tạo ra ngày này, họ cũng vui vô cùng, vì tư duy của họ đưa ra đã trở thành hiện thực và có ý nghĩa, cho nên các bạn trẻ nhớ lấy.

Mỗi người chúng ta có quyền khoát lên cho đời mình chiếc áo, có thể là chiếc áo màu trắng, chiếc áo màu lam, chiếc áo màu tím, chiếc áo màu đà... và trong Hội nghị Thượng đỉnh vừa rồi, các nguyên thủ quốc gia trên thế giới đã đến Việt Nam, họ đã khoát lên trên mình chiếc áo màu xanh nước biển, điều đó nói lên cái gì? Họ đến đây với chúng ta từ nhiều quốc gia, từ nhiều ngôn ngữ, từ nhiều tâm linh, từ nhiều tâm thức, từ cách điều hành đất nước khác nhau, nhưng khi chúng ta đã đi vào một biển cả lớn với nhau, chúng ta có đồng điệu với nhau và xem nhau như một đại gia đình của nhân loại, chúng ta phải cùng nhau bảo vệ màu xanh của biển cả.

Quý vị hôm nay đã chọn cho mình màu Lam, là chiếc áo của gia đình mình thì mình phải mặc chiếc áo này với đầy đủ cơ bản là ba chất liệu:

Thứ nhất là Em Tượng nhớ Phật:

Bàn tay của các em chấp lên chào nhau phải biểu lộ được, phải thể hiện được đó là bàn tay búp sen tiêu biểu cho trái tim của Phật, chứ không phải mình chấp tay cho xong việc, mình chấp tay thế nào để đôi bàn tay mình trở thành trái tim của Phật, Phật đang có mặt trong trái tim mình, và mình đang có trong trái tim của Phật, phải biểu đạt được như vậy, biến ngày Hiến chương nhà giáo trở thành ra ngày của Phật và ngày của Phật trở thành ra Hiến chương nhà giáo và ngày này là ngày trái tim của Phật có mặt trong mỗi chúng ta. Trái tim của sự biết ơn và hành động đúng những gì trái tim ấy rung cảm.

Thứ hai là Em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em:

Nếu chúng ta mặc chiếc áo Lam mà thiếu chất liệu này thì làm sao chúng ta tạo ra được gia đình áo Lam, để rồi từ một điểm mà phát sinh ra toàn thể, từ một không gian nhỏ trở thành một không gian lớn và giờ đây Gia đình Phật tử đã có mặt trên khắp cả năm châu bốn bể. Cho nên cái rộng lớn của năm châu bốn bể, nó đi từ một điểm, đó là em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em. Xã hội bây giờ đổ vỡ về ngoại giao, về chính trị

là do đổ vỡ về gốc rễ từ gia đình, đổ vỡ tình cảm thân hữu và đổ vỡ tình người. Đổ vỡ chính trị, đổ vỡ sự an ninh,... tất cả đều đi từ nơi cái đổ vỡ của tình cảm gia đình và từ nơi đổ vỡ tình người. Khi tình cảm gia đình đổ vỡ, người chồng không có đường về thì đi đâu? Người vợ không có đường về thì đi đâu? Gia đình đổ vỡ thì con cái đi đâu? Đi bụi đời. Con trai gia đình đổ vỡ không có đường về thì đi đâu? La cà các quán nhậu, với các thói hư tật xấu và sẽ bị cuốn hút vào những cám dỗ đen tối của những kẻ gian manh trong xã hội. Cho nên, cái rộng lớn phải được hội tụ, phải được quy tụ đi về ở nơi một điểm để tạo ra thế giới bình an, đó là “em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em”.

Khi có ngôi nhà bình yên thì đi đâu chúng ta cũng mong trở về. Khi đi đâu ta cũng mong trở về vì ở đó, ta còn có gốc rễ và là chỗ an toàn. Khi giông bão nổi lên trong đời sống của chúng ta, thì gia đình đó là cứ điểm để ta trở về.

Thứ ba là Em thương người và vật:

Không phải mình chỉ biết thương cha mẹ, anh em mình, và vợ vét tài sản của xã hội đem về cho nhà mình. Người Phật tử, khi mặc chiếc áo Lam thì chiếc áo đó phải được dệt bằng chất liệu Em thương người và vật, để biết rằng, cái gì của mình thì mình dùng, cái gì không phải của

mình thì để lại, không lạm dụng của công mà làm cái riêng của mình. Xã hội tan hoang chỉ vì có lắm người lạm dụng cái công làm cái riêng, để rồi thân bại danh liệt, nhà tù mở ra nhan nhản, chỉ vì họ thiếu chất liệu Em thương người và vật. Nếu chúng ta mặc cho mình chiếc áo giáp EM TƯỜNG NHỚ PHẬT, EM KÍNH MẾN CHA MẸ VÀ THUẬN THẢO VỚI ANH CHỊ EM, EM THƯƠNG NGƯỜI VÀ VẬT và đem chiếc áo giáp đó mà đi vào cuộc sống, thì ở đâu chúng ta vẫn là hoa, chúng ta vẫn là hương, chúng ta vẫn là những con người cao quý, quý tộc ngay trong bản chất, chứ không phải thương hiệu đánh bóng bởi tiền bạc, bởi đám cuồng si, lợi dụng hình tượng để lăng xê nhau. Chúng ta là những đóa hoa thực sự, chúng ta cất lên những tiếng hát hồn nhiên chân thật để xóa đi tất cả những buồn phiền ở trong cuộc đời này. Xin quý vị hãy cất lên bài hát chúng ta là chim, chúng ta là gió. Bài hát ấy rất hay. Tất cả những bài hát ấy đều là hay, vì chúng ta có ba chất liệu trên, nếu trong đời sống con người chúng ta không có ba chất liệu ấy chúng ta sẽ không phải là con người!

Xin cảm ơn quý vị đã biến ngày Hiến chương nhà giáo trở thành thực tế để tình cảm thầy trò của chúng ta có mãi trong nhau.

Đệ tử: Nguyên Dung – Tâm Ý kính phiên tả.

**Tác bạch cúng dường an cư
tại chùa Phước Duyên, TP. Huế**

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư tôn đức, hôm nay ngày 17 tháng 04 năm Mậu Tuất, Gia đình Phật tử chúng con Nhuận Pháp Minh, Nhuận Phật Minh, Nhuận Pháp Nguyên, Nhuận Kỳ Duyên, cùng toàn thể Phật tử hiện diện tại đạo tràng, có duyên sự xin thành kính dâng lễ dâng lời tác bạch.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô Lịch Đại Chư Vị Tổ Sư Bồ Tát

Kính bạch Sư Ông Viện Chủ,

Kính bạch Sư Phụ Trụ trì,

Kính bạch Quý Thầy tại trụ xứ Chùa Phước Duyên

Hôm nay, buổi quá đường đầu tiên trong mùa an cư kiết hạ Phật lịch 2562 tại Chùa Phước Duyên, Tp. Huế chúng con cùng nhau vân tập tại đạo tràng thành

kính tác lễ cúng đường, đánh lễ đại Tăng kết duyên lành cùng Phật pháp, cùng nhau dâng tất cả tấm lòng chí thành chí kính kính tạ hồng ân Tam bảo, kính tạ muôn duyên lành mang đến sự thành tựu pháp lạc nhiệm mầu nơi cuộc đời mỗi chúng con, khi được nương tựa Tam bảo trong kiếp sống nhân sinh hữu hạn này.

Kính bạch Chư tôn đức,

Chúng con thâm nghĩ, hàng Phật tử chúng con đến với Phật pháp từ những nhân duyên khác nhau, và từ những nhân duyên khác nhau đó mà sự gắn bó, hộ trì Phật pháp nơi mỗi người cũng khác. Nhưng, ai đã từng gắn bó với Đồng thể Tam Bảo nói chung và Trú trì Tam bảo Tăng già lam Phước Duyên nói riêng, thì luôn được lưu xuất pháp lành Từ Bi - Trí Tuệ - Dũng Lực.

Chính lòng từ bi mà chúng con được giáo dưỡng từ Sư Ông, Sư Phụ và Quý Thầy, mỗi vị thương chúng con một cách, Sư Ông nơi phương trượng thương chúng con bằng nụ cười từ hòa, tùy hỷ mọi việc chúng con làm, chúng con đã học hạnh từ Sư Ông Viện Chủ “Vô ngôn nhi hành”, bằng cái chổi tinh thức, quét sạch rác rưởi và bụi nhơ để giữ gìn sự thanh tịnh của Tăng Già lam mỗi ngày, cho hàng Phật tử Cư sĩ của chúng con nương tựa tu học. Sư Phụ thương chúng con bằng sự

thân hành chữa lành bao tâm bệnh vốn là nghiệp quả của chúng sanh còn trôi lăn trong cảnh trần uế trước, Quý Thầy thương chúng con bằng chính sự chăm sóc từng việc nhỏ cho mỗi lần chúng con về tu tập. Ngọn đèn trí tuệ được thấp sáng, trao truyền cho chúng con bằng chính bài pháp từ bi vô ngôn của Sư Ông, bằng chính pháp âm diễn giảng Phật pháp thậm thâm của Sư Phụ, và bằng chính những việc làm của Chư Tăng trong từng việc nhỏ của trú xứ như quét sân, dọn hồ, làm bếp,... tất cả đang nuôi lớn tâm nguyện của chúng con. Chính đức Dũng được lưu xuất nơi đây mà biết bao nhiêu chướng duyên được hóa giải, pháp vô úy tròn đầy, GDPTVN truyền thống trước bao chướng nạn bủa trùm, nhưng từng ngày vượt qua là nhờ được đón nhận hơi ấm tình thương, ngọn đèn trí tuệ, đức dũng vô úy lưu xuất từ nơi Tổ Đình, Sư Ông, Sư Phụ, Chư Tăng. Và những đức lành đó, được xuất sanh từ chánh pháp Phật đà, từ bản nguyện độ sanh, tâm hạnh Bồ tát với Giới - Định - Tuệ của Chư tôn đức lan tỏa, nhiếp hóa chúng con từ thân giáo - khẩu giáo - ý giáo của quý Ngài.

Kính bạch Chư tôn đức,

Bằng chất liệu Từ bi, đức Thế Tôn đã thúc giục các Tỷ Khuru Tăng có đủ giới đức và tuệ học, vì hạnh

phúc an lạc của mọi người và mọi loài chúng sinh mà hãy lên đường đi khắp mọi nẻo đường để tuyên dương Chánh pháp, không đi hai người một đường.

Bằng chất liệu Trí tuệ, đức Thế Tôn đã dạy các Tỷ Khuru Tăng, ví như tảng đá có nhiều người mài dao, dao họ sắc, nhưng đá bị mòn. Nên các Tỷ khuru Tăng, mỗi năm ba tháng mùa mưa hãy dừng chân lại tại một trú xứ Tăng Già lam, gác lại mọi duyên sự hoằng pháp, tránh mọi sự dầm dấp côn trùng, để an cư chuyên sâu vào Giới Định Tuệ, phục hồi lại mọi năng lực tu tập đã bị hao mất từ nơi sứ mệnh hoằng pháp, làm chỗ nương tựa tu học cho hàng tín đồ và làm mảnh ruộng phước cho hàng Phật tử cư sĩ chúng con gieo trồng phước đức. Và từ sự cúng dường lên chúng Tăng an cư là phận sự của hàng Cư sĩ tín kính Tam bảo của chúng con.

Nên, hôm nay quý trước trai đường trong giờ phút này, chúng con lại nhớ đến câu nói gần gũi, dung dị đầy hoan hỷ khi Sư Phụ từng dạy chúng con: “Thầy nhập thất, Thầy an cư là lúc Thầy sặc pin, nạp năng lượng”. Câu nói này của Sư Phụ, đã cho chúng con một niềm hạnh phúc tràn ngập cõi lòng, xin cho chúng con tự nhận, chúng con là những cái bóng đèn, và là những cái bóng đèn hạnh phúc, khi được thắp sáng từ nguồn

pin, nguồn năng lượng của Giới - Định - Tuệ, Bi - Trí - Dũng mà Chư tôn đức đã thay nhọc Tam bảo truyền thấp sáng cho chúng con. Chúng con hạnh phúc hơn biết bao nhiêu chúng sanh bóng đèn khác, vẫn còn ở đâu đó mà chưa tiếp nhận được nguồn pin, nguồn năng lượng vi diệu. Và chúng con cũng phát sinh hổ thẹn, vì có khi tiếp nhận nguồn năng lượng rồi mà vẫn còn giải đãi chưa bật sáng bóng đèn của mình bằng đời sống tu tập, thực hành pháp, và chưa mang năng lượng ánh sáng hướng mọi người tìm đến tiếp nhận nguồn năng lượng nhiệm mầu.

Những tâm niệm chúng con vừa tỏ bày chưa thể nói lên hết được bản hoài của Chư tôn đức, và vẫn còn những khập khiễng, vụng về, nhưng qua đây để chúng con được cất lên thanh âm về ân sâu Tam bảo, kết nối huynh đệ cùng nhau thực hành thông điệp nhớ ơn và đền ơn, hầu mong không cô phụ những nhân duyên lành mà chúng con thọ nhận từ Tam bảo. Với tất cả tâm nguyện đó, chúng con xin Chư tôn đức chứng minh, hứa khả cho chúng con được thân cận hộ trì, cúng dường Chư tôn đức trong ba tháng an cư kiết hạ, ngõ hầu phần nào đáp tạ ân sâu, thực hành theo lời Phật dạy đối với các cận sự nam, cận sự nữ trong giáo đoàn của đức Thế tôn.

Giờ đây, buổi ngộ trai đầu tiên của mùa an cư đã đến, chúng con xin dâng trai lễ cúng dường với tất cả lòng chí kính vô biên. Ngưỡng cầu trên Chư tôn đức xót thương, khai mở phước điền, chứng minh công đức.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam Mô A Di Đà Phật

Kính bạch Chư tôn đức,

Bằng đại bi tâm đối với chúng sanh, mà quý Ngài đã hứa khả nạp thọ trai lễ cúng dường, tác thành công đức cho pháp hội hôm nay, chúng con xin hồi hướng tất cả công đức về khắp pháp giới chúng sanh nguyện cầu âm siêu dương thái. Chúng con nguyện lãnh thọ giáo giới của Chư tôn đức qua lời đạo từ, và nguyện xin vâng làm để xứng đáng là người Phật tử. Chúng con kính nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ Chư tôn đức thân tâm an lạc, Phật sự viên thành, bản hoài viên mãn. Chúng con thành tâm hướng về Tam bảo, lịch đại Tổ sư, hiện tiền Chư tôn đức chí thành đánh lễ cúng dường tam bái.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Lời huấn từ

**Huấn Từ Của Hòa Thượng Thích Thái Hòa
Cho Tăng Ni Sinh, Trong Buổi Học Cuối Của Môn
Học “Lịch Sử Tư Tưởng Triết Học Phật Giáo” Tại
Học Viện Phật Giáo Việt Nam – Hà Nội**

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Cùng toàn thể Tăng Ni Sinh Học Viện Phật giáo
Việt Nam tại Thủ đô Hà Nội hiện tiền quý mến!

Hôm nay là ngày 13 tháng 11 năm Đinh Dậu
nhằm ngày 30-12-2017.

*(Là buổi cuối cùng của môn Lịch Sử Tư Tưởng
Triết Học Phật Giáo, và cũng là buổi học cuối cùng
của các môn Phật học, kết thúc 4 năm Học Viện).* Toàn
thể Tăng Ni sinh khóa học đã được tham dự rất nhiều
buổi học từ chư tôn đức giảng sư, các vị giảng viên
trong suốt bốn năm học. Bốn năm học đó, chỉ là sự tiếp
nối của những năm Trung cấp hay cao đẳng trước đó
và nó sẽ mở ra cho quý vị, những năm học tiếp theo

của hậu đại học bao gồm chương trình thạc sĩ và tiến sĩ... Nhưng, nếu trong bốn năm học này, mà những Tăng Ni sinh nào, học thiếu tinh cần, thì quý vị khó tiến xa hơn trên sự nghiệp tri thức và lại càng khó tiến xa hơn trên sự nghiệp trí tuệ.

Đó là sự rủi ro rất lớn trong sự nghiệp học hành của người đi học cả trong Đạo lẫn ngoài Đời. Và thật may mắn thay, hạnh phúc thay, cho những Tăng Ni sinh nào, đã tinh cần trong sự nghiệp học tập của mình, từ khi mình còn là chú tiểu ở với Thầy, sớm hôm đèn sách, kinh kệ, hầu Thầy, luyện tâm, rèn trí. Và rồi, bước tới cửa Phật học, Trung Cấp, cao đẳng và tiếp tục lên Học Viện...

Trong những năm ấy, Quý vị, đã có cơ hội tiếp xúc nhiều nguồn tư tưởng, nhiều nguồn giáo lý từ cơ bản đến thâm sâu, do chư Tôn đức trao truyền. Chắc chắn rằng, trong sự trao truyền của chư Tôn đức, đã làm cho sự hiểu biết của quý vị trở nên phong phú đa dạng, từ nhiều góc nhìn và nhiều pháp môn tu tập của các Ngài.

Vì vậy, các Tăng Ni Sinh trong khóa học này rất may mắn, rất hạnh phúc. Đó là điều may mắn nhất, quý vị có được trong cuộc đời làm Tăng Ni sinh học Phật.

Chúng ta đến đây không phải chỉ học kiến thức Phật học mà chúng ta còn học sự thực nghiệm của Phật học. Sự thực nghiệm đó có giá trị hay không, ở chính nơi tự thân của mỗi Tăng Ni sinh thực tập và tự biết lấy. Nếu, trong sự thực tập đó mà chưa nhiếp phục được tham, chưa nhiếp phục được sân, chưa nhiếp phục được si, chưa nhiếp phục được kiêu mạn, chưa nhiếp phục được tâm phóng túng của mình, thì rõ ràng việc học Phật chưa có kết quả, chưa tốt nghiệp dù trong tay của quý vị đang cầm mảnh bằng.

Tôi nhắc nhở quý vị cái tốt nghiệp cao nhất của một vị Tăng ni sinh xuất gia tu học, cái Bằng cuối cùng chúng ta đạt được, chính là khi chúng ta kết thúc cuộc đời của chúng ta bằng sự an nhiên thị tịch. Ta phải tuyên bố cho thế giới trời người, cho những đồ chúng của chúng ta biết rằng, ba ngày nữa ta sẽ viên tịch, bảy ngày nữa ta sẽ viên tịch, ba tháng nữa ta sẽ viên tịch. Tuyên bố như thế và đúng như thế. Đó là chúng ta tốt nghiệp Bằng (*Xuất sắc*) của người tu.

Còn, chúng ta cứ tốt nghiệp mảnh Bằng (*giấy*), thì Bằng nào đi nữa mà chúng ta vẫn cứ mờ mịt trên con đường sinh tử của chúng ta, chúng ta có giàu kiến thức cỡ nào, nói thành thạo bao nhiêu ngôn ngữ đến

đâu, mà khi tử thần tới, chúng ta vẫn mờ mịt không biết đường đi, không biết nẻo về thì đó là sự thất bại của người xuất gia, (*dù chúng ta đang*) ở cương vị nào, học vị nào...

Vì vậy, Phật giáo, giáo dục lý thuyết phải đi đôi với thực hành, lý tưởng phải trở thành thực tế, trong đời sống của mỗi chúng ta. Nếu, chúng ta biến lý thuyết trở thành thực tế, lý tưởng trở thành hành động, Giới- Định- Tuệ của chúng ta không chỉ còn nằm im trên trang sách, mà chính trong toàn bộ bước chân đi của chúng ta, trong toàn bộ cử chỉ hành động của chúng ta đối với thầy ta, đối với anh em chúng ta, đối với đạo pháp của chúng ta, đối với hàng cư sĩ Phật tử của chúng ta.

Đối với mọi người và muôn loài thì chính chất liệu Giới - Định - Tuệ đó nuôi dưỡng chúng ta, trong đời sống giải thoát giác ngộ. Chúng ta làm đúng hoài bão mà đức Thế Tôn ra đời giáo hóa chúng ta. Thầy Tổ chúng ta đã tiếp nối ngọn đèn trí tuệ ấy, mà trao truyền cho chúng ta ngày hôm nay. Vì vậy, môn Lịch Sử Tư Tưởng Triết Học Phật Giáo đến với quý vị cũng chỉ là đóm lửa nhỏ trong kho tàng Phật giáo vĩ đại, mà Tôi chỉ đóng góp vào trong môi trường giáo dục này một

mảy may như một hạt muối thả vào giữa biển cả mênh mông.

Cho nên, hôm nay, đứng trước toàn thể Tăng Ni của Học Viện, tôi xin cảm ơn Quý vị! Nhờ sự chăm chỉ của Quý vị đã động viên Tôi phấn chấn và dạy dỗ không biết mỏi mệt. Nhưng, cũng nhờ cái nghịch ngợm của Quý vị, cái giải đãi của Quý vị, mà Tôi cũng tìm ra được cái vọng tâm trong Tôi để nhắc nhở mình.

Và, Tôi cảm ơn Quý vị! Dù là người chăm chỉ hay là người nghịch ngợm, vì trong cái thuận ấy, trong cái nghịch ấy đều giúp cho Tôi thiền quán sâu sắc những giá trị thanh tịnh, bất tịnh ngay trong môi trường giáo dục này.

Tôi thấy rõ Diệt đế có mặt ngay nơi Khổ đế, Đạo đế có mặt ngay nơi Tập đế để giúp Tập đế hóa giải xan tham, sân hận, si mê; Diệt đế có mặt nơi Khổ đế để Diệt đế mở ra cánh cửa tự do, giải thoát khỏi sinh tử khổ đau của chúng sinh.

Vì vậy, quý vị học, không đơn thuần chỉ học cho mình, nếu chỉ học cho mình thì chỉ tạo thêm sự chấp ngã, mà trên thế gian này không có cái gì đáng ghét hơn là cái Ngã của chúng ta. Học càng vinh ngã thì chúng ta càng tồi tàn trong sự nghiệp học tập.

Cho nên, chúng ta học để khai thông trí tuệ, để mở đường chúng ta thoát ly sinh tử, để mở đường chúng ta thấy rõ chúng sinh hơn và giúp chúng sinh thoát ly sinh tử. Cái học như thế, Quý vị sẽ đem lại vinh quang cho chính bản thân quý vị. Quý vị sẽ đem lại vinh quang cho chính dòng dõi huyết thống của Quý vị. Quý vị sẽ đem lại vinh quang cho Thầy tổ của Quý vị trong dòng dõi tâm linh.

Quý vị học như vậy, sẽ là nguồn suối vô tận đem lại sự an ổn cho thế giới muôn loài. Cho nên, Tôi mong rằng, quý vị phải học, học cho chính mình, học cho mọi người, học cho tất cả chúng sinh, học để xứng đáng là mặc chiếc áo này với nếp sống của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni...

Và trước khi dứt lời, Tôi mong rằng, tất cả chúng ta đã có duyên với nhau không phải một ngày, hai ngày, không phải bốn năm, mà trong bốn năm ấy nói lên bốn trăm năm về trước; bốn trăm năm về trước nói lên bốn ngàn năm về trước; bốn ngàn năm về trước nói lên bốn triệu năm về trước... Cho nên, chúng ta không phải chỉ gặp nhau mới đây, nếu chỉ gặp nhau mới đây thì chúng ta sẽ không có giờ phút này. Nếu, chỉ gặp nhau mới đây, thì giờ đường ai nấy đi, chẳng có chút

giá trị gì, dù chúng ta có nói bao nhiêu lời hoa mỹ, chúc tụng nhau những lời tốt đẹp đến đâu đi chăng nữa thì cũng chỉ là vô ích.

Nhưng, Thầy trò chúng ta không phải vừa gặp nhau mới đây, mới bốn năm hay bốn trăm năm mà chúng ta đã gặp nhau trong tâm bồ đề, trong dòng sữa chính pháp, trong dòng máu chính pháp của ba đời mười chư Phật, chư vị Bồ tát, chư Hiền Thánh Tăng.

Hôm nay, Tôi là Thầy của Quý vị, Tôi đứng trên bục giảng, nhưng chắc chắn bốn mươi năm sau Tôi không còn hình hài này, Tôi sẽ tái sinh trở lại và Tôi sẽ đi nhìn từng khuôn mặt này, Tôi xác nhận họ là Thầy của Tôi và Quý vị sẽ đứng trên bục giảng và Tôi sẽ là người ngồi dưới bục giảng làm học trò của Quý vị một cách ngoan hiền, dễ thương, chứ không phải là những đứa học trò vô ơn, vô nghĩa, trước khen sau chê.

Cho nên Quý vị hãy nhớ lấy Bồ đề tâm của chúng ta. Hễ, Bồ đề tâm còn, chúng ta còn tất cả, Bồ đề tâm mất, chúng ta mất tất cả.

Nhân ở nơi đây, Tôi cũng cảm ơn chư Tôn đức Hội đồng điều hành Học viện, biết ơn sâu sắc Hòa thượng Viện Trưởng Thích Thanh Đạt, Thượng tọa Thanh Quyết... các Tăng Ni, Phật tử đã đóng góp, tạo

nên Học Viện như ngày hôm nay chúng ta đang đứng. Và đóng góp quan trọng hơn hết xin quý vị hãy đứng cùng chúng tôi tưởng niệm tri ân chư Tôn đức tiền nhiệm đã sáng lập và xây dựng học viện. Và chúng ta cũng phải cảm ơn sâu sắc tới hồn thiêng sông núi nước Nam của chúng ta, chúng ta đến đây đã phá rừng, phá núi, tạo ra sự ồn ào động đến sự yên tĩnh của các vị chư Thiên Sơn Thần, Thụ thần, Địa thần ở đây.

Trong đời sống sinh hoạt, có khi chúng ta thanh tịnh, có khi chúng ta bất tịnh, chúng ta sống ở trong Giới đức, Định đức, Tĩnh đức thì sự thanh tịnh đó chư thiên, Thiên thần, Long thần, Địa thần, Sơn thần ủng hộ chúng ta... Nhưng, có khi chúng ta đến đây làm những việc bất hảo khiến cho họ cũng giận hờn với chúng ta. Cho nên, kết thúc bốn năm học có điều gì cao quý, tốt đẹp chúng ta dâng lên cúng dàng Tam Bảo, Thầy Tổ, các bậc ân đức. Còn những gì chúng ta đã làm lẫn với nhau, tất cả những nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng, chúng ta đã tạo cho nhau trong suốt bốn năm qua, thì chúng ta xin sám hối trước Tam Bảo, trước các vị Thầy của chúng ta, trước các vị tiền bối hữu công, trước hồn thiêng sông núi, trước các vị thần trấn giữ Tăng Già Lam này, để cho mỗi chúng ta đều được Thanh tịnh, thanh thoi. Sau này, chúng ta

trở về trụ xứ của mình làm rạng rỡ Phật pháp từ nền tảng của việc học tập ngày hôm nay.

Chúc toàn thể Tăng Ni sinh học viện tu tập thành công!

Ni Sinh - Thích Minh Trí kính ghi

A di Đà Phật!

Bạch Hòa thượng! Hôm nay chúng con vừa đi dự lễ tốt nghiệp ở Học Viện về ạ! Cảm trên tay mảnh bằng, nhìn lại ngôi trường và mọi thứ xung quanh con thấy nhớ những buổi đến lớp xưa, con thấy nhớ những tháng ngày yên bình chỉ lo ăn với học. Nhận bằng xong mà con thấy trong lòng băng khuâng, nhìn lại các bạn bè và các thầy cô, quý giảng sư mà con lại càng thấy nhớ bóng dáng Hòa Thượng, dường như Hòa Thượng vẫn đứng trên bục kia và giảng bài cho chúng con. Rồi c lại mở những đoạn ghi âm từ khi còn đang học ra nghe lại ạ.

Bạch Hòa thượng! Trong buổi kết thúc môn, cũng là kết thúc khóa học, Hòa thượng đã dặn dò chúng con những lời tâm huyết, đây là đoạn ghi âm mỗi khi con buồn con hay mở ra nghe nhất ạ bởi vì mỗi khi nghe

lại, con như lại được trở về với buổi học hôm đó, khích lệ con cố gắng hơn, mạnh mẽ hơn.

Vì vậy, con đã nghe ghi âm và đánh máy lại lời dạy của Hòa thượng, xin Hòa thượng hoan hỷ cho con được gửi tới Hòa thượng và xin Ngài có thể đăng lên trang chùa Phước Duyên được không ạ! Để cho các Bạn ở Học viện và mọi người được đọc. Đọc để nhớ lại thuở học sinh của mình và rồi tự nhắc nhở bản thân qua lời dạy của Hòa hượng!

Bạch Hòa thượng hoan hỷ cho con! Con có thêm 1 số từ con đã để in nghiêng và trong ngoặc đơn a. Nếu thấy không hợp lý xin Hòa thượng bỏ đi và con xin thỉnh Hòa thượng đọc lại, làm cho nó chính chu hơn để chúng con được hiểu hết tâm ý của Hòa thượng qua bài viết ạ!

Con, Thích Minh Trí

Mùa Xuân trong mỗi chúng ta

Xuân của đất trời

Xuân của đất trời thì ở đâu cũng hồn nhiên và xinh đẹp. Nó xinh đẹp ngay nơi bản chất hồn nhiên của chính nó. Nó xinh đẹp, vì nó biết ẩn mình trong nắng quái của mùa hạ, trong dịu hiền của mùa thu và ẩn sâu trong lòng băng giá của mùa đông, để nuôi dưỡng sự tồn sinh và đợi đúng thời, thì xuân tự biểu hiện để hiến tặng cho đời muôn ngàn hương sắc xinh tươi hồng tía, muôn ngàn chồi lộc sức sống mầm non.

Xuân của đất trời không nói, nhưng muôn ngàn hoa lá nói thay cho đất trời trong từng sát-na âm dương vận hành sinh diệt. Nếu xuân sinh mà không diệt, ấy là xuân vô cảm tự biến mình thành chất chai lì như vách đá. Nhưng vách đá, chưa từng là vách đá và không bao giờ chỉ là vách đá, vì vách đá còn biết mọc rêu và có thể trở thành bức tranh xuân, tinh kết đôi vàng nhạt nguyệt, tạo thành những âm hưởng rung động, tuyệt tác vô ngôn cho đời.

Nếu xuân diệt mà không sinh, ấy là xuân trong tư duy triết học phiến diện, trong những cảm xúc của những kẻ hưởng thụ hốt hoảng, ngông cuồng mà không phải là xuân đúng như thực tại của chính nó. Xuân đúng như thực tại chính nó là nó sinh mà không phải thường còn, nó diệt mà không hề biến mất. Nó hiện hữu, nhưng chưa bao giờ nó hiện hữu một mình. Nó hiện hữu với chính nó, cùng với hạ, thu và đông. Nó sinh, nhưng chưa bao giờ là sinh một mình và nó diệt, chính nó cũng chưa bao giờ diệt một mình. Sinh và diệt, biểu hiện và ẩn tàng hay đến và đi của xuân, chỉ là hai mặt của một thực tại sống động trong dòng chảy tương tác vô cùng của trời đất muôn thuở.

“Đủ duyên xuân biểu hiện

Duyên hết xuân ẩn tàng

Trời đất tình một lối

Ô hay, nhật nguyệt vàng!”.

Xuân của chúng ta

Con người của chúng ta sinh ra từ nơi hỗn nhiên của đất trời và từ nơi biến động của những vọng tưởng tâm thức, nên mùa xuân của con người được tạo thành từ nơi những quy ước của nhận thức, khiến chất liệu hỗn

nhiên của đất trời nơi con người của chúng ta, trở thành những cảm xúc vui buồn giữa đất trời biến thiên vô tận.

Trong sự biến thiên vô tận ấy, con người tùy theo nghiệp chủng, mà có tương cảm với địa dư, phong thủy, thời tiết, tín ngưỡng, tôn giáo, tư duy văn hóa vùng miền và từng khúc quanh sự cố của đời người khác nhau, nên đã tạo thành cho chính mình, cho vùng miền của mình và cho quê hương của mình một mùa xuân với nhiều cảm xúc mang đầy kịch tính, qua từng không gian, qua từng thời kỳ và qua từng lứa tuổi.

Như Nhạc sĩ Duy Khánh đã từng hát: *“Xuân này con không về”*. Con đi đâu mà không về nhỉ, *“để mẹ chờ, em trông, khi nhìn thấy mai đào nở đầy bên nương, khi thấy những cánh én bay đầy trước ngõ!”*.

Con đi đâu mà xuân này, mẹ ơi con vắng nhà?! Người con trai thời chinh chiến phải cầm súng ra chiến trường trấn giữ non sông, bảo toàn giang sơn gấm vóc, nên mùa xuân chỉ với lương khô, đổi diện với sương mù ngấn cách muôn lối, chẳng thấy mẹ già, chẳng thấy người yêu, chẳng thấy bánh chưng, bánh tét, mứt gừng, chẳng nghe tiếng pháo giao thừa rộn rã nơi nơi... nên mùa xuân đã trở thành *“mùa xuân của mẹ”* và ước mơ *“chỉ bên mẹ là mùa xuân thôi”*.

Mùa xuân anh đi đâu, ở núi cao hay biển đảo, lướt sóng vượt trùng dương hay cỡi mây ngàn rong chơi phương ngoại, khi nghe hương mai bay ra từ núi, khi thấy hoa anh đào óng ánh giữa sắc mây, khi thấy tóc mình trắng và xanh trong vàng nhạt nguyệt, bất chợt hồn xuân nhưng nhớ trở về, gửi tình ca theo gió ngàn bay về đồng quê hay phố thị: “*Em ở nơi nào, có còn mùa xuân không em?!*”; hay “*Mùa xuân quên mặc áo mới..., bàn tay nâng niu hoa cúc, bàn tay hiu hắt giọt lệ đây...*”. Hay mùa xuân là mùa của những người thêu áo cưới, như một Thi sĩ nào đó đã nói: “*Suốt mùa xuân, nàng ngồi thêu áo cưới, đẹp duyên người, mình vẫn phận rong rêu*”.

Có bao nhiêu vùng miền, có bấy nhiêu cảm xúc; có bao nhiêu giọng nói, có bấy nhiêu cách biểu cảm; có bao nhiêu thăng trầm, có bấy nhiêu nỗi buồn vui; có bao nhiêu lần đoàn tụ, thì cũng có bấy nhiêu lần tiễn biệt, chia tay; có bao nhiêu điều kiện và hoàn cảnh để tiếp cận cuộc sống là có bấy nhiêu cảm xúc đối với xuân và hương sắc của xuân có vô vàn kịch tính đối với thế giới con người chúng ta!

Ngày xuân ta đi chùa

Thi sĩ Huyền Không đã nói: “*Mái chùa che chở*

hồn dân tộc, nếp sống muôn đời của Tổ tông”.

Ngôi chùa đã nằm trong lòng quê hương Việt Nam, khi vui thì cùng vui với dân tộc Việt, khi buồn thì cũng cùng buồn với dân tộc Việt, nên người dân Việt đã thường nói với nhau: “*Đất Vua, chùa Làng, phong cảnh Bụt*”. Hay “*chùa tan, làng nát là nước mất*”.

Đất chùa ngày xưa do vua chọn nơi sơn thủy hữu tình và Sắc ban, cho dân Làng để xây dựng chùa chiền, tạo thành phong cảnh hiền hòa trang nghiêm của Phật, làm nơi duy trì tín ngưỡng tâm linh, khiến âm siêu dương thái, trăm họ yên bình, di dưỡng đời sống tinh thần cho trăm họ, giáo dục đức tin nhân quả, tội phước cho con em nhận biết, để cho con em trăm họ đều biết “*hiếu kính cha mẹ, thuận thảo với anh chị em, thương người và vật*”, nhằm thiết lập một nền tảng đạo đức mang đầy nhân tính, phát huy nhân văn, tạo nên nền văn hóa ứng xử tốt đẹp giữa con người với con người, trong một nguyên tắc tình cảm trật tự của huyết thống; với tình làng, nghĩa xóm; với ý nghĩa “*bà con xa, láng giềng gần*” trong quan hệ xã hội; tạo thành những nét đẹp ứng xử giữa người sống với người chết trong quan hệ âm dương. “*Sống chết tuy khác nhau, nhưng âm dương nhất lý*”. Và quan trọng hơn hết là biết yêu

chuộng thiên nhiên, như yêu chuộng chính bản thân mình; yêu chuộng thiên nhiên như yêu chuộng gia đình mình; yêu chuộng thiên nhiên như yêu chuộng xóm làng hay quê hương của chính mình, vì thiên nhiên là mùa xuân muôn thuở của chính mình; vì thiên nhiên là mùa xuân muôn thuở của muôn loài chúng sinh. Không có thiên nhiên, con người và muôn vật không có điều kiện để sinh ra và lớn lên, lấy gì có lộc của xuân để ta hái; lấy gì có tình của xuân để ta yêu và lấy gì để có danh thơm của xuân để ta ngày đêm mơ ước, bắt đuổi, nguyện cầu!

Ngày xuân ta đi chùa hái lộc; ngày xuân ta đi chùa lễ Phật cầu an đầu năm, hay ngày xuân ta đi chùa “*nặng xuân ta gởi đầu, nặng xuân ta khẩn cầu, cầu mong ngày xuân chớ có đi mau!*”; ngày xuân ta đi chùa: “*Câu thẻ vàng đá trên môi, xin được khắc vào xuân trọn đời*”; hay ngày xuân ta đi chùa: “*lời tình đông đưa theo gió, mình thương nhau mấy tuổi xuân rồi*”.

Ở trong đời, mọi người tiếp xúc với xuân và thưởng thức xuân chẳng có ai giống ai, thì người đi chùa hái lộc, cầu an, cầu danh, cầu may, cầu duyên cũng chẳng có ai giống ai giữa cuộc đời này.

Nhưng cách đi chùa hái lộc đầu năm có hiệu quả

nhất là “*hái lộc phước đức, gieo nhân trí tuệ*”. Nghĩa là đến chùa ngồi xuống với tư thế yên lặng, thành kính trang nghiêm, rồi dỡ một trang kinh Phật để tụng, khắc nhớ lời hay ý đẹp của kinh vào lòng, để nguyện bỏ ác làm lành, giữ tâm ý thanh tịnh, sống chân thật với mọi người, biết thương người cứu vật, ấy là người biết đi chùa và biết hái lộc đầu năm một cách thông minh, có ý nghĩa và có giá trị nhất định, tạo thành bình an muôn thuở cho chính mình, duyên lành cho cuộc sống, kết thành mùa xuân muôn thuở cho gia đình và an bình cho xã hội.

Khi đã có phước đức, có trí tuệ, lộc ta không cầu mà tự đến, duyên ta không ước mà tự thành, danh ta không mơ mà trở thành hiện thực, rủi ta không cần xua đuổi mà tự đi, duyên may ta không gọi mời mà tự cảm, sao xấu thành tốt, hạn xấu tự giải. Điều ấy, chẳng có gì khó hiểu, chẳng có gì huyền thoại, nó hiện thực như mây tan trăng chiếu, như nước trong trăng hiện ấy mà!

Ấy là ngày xuân ta đi chùa *hái lộc phước đức, gieo nhân trí tuệ* đầu năm ngay trên mảnh đất quê hương tâm linh của mỗi chúng ta.

Xuân Mậu Tuất – 2018

Thích Thái Hòa

Các phân khoa Phật giáo

Tôi viết bài này, xin chia sẻ đến những ai muốn quan tâm đến lãnh vực giáo dục trong Phật giáo, nhưng chưa có điều kiện để nghiên cứu. Trong Phật giáo có năm phân khoa như sau:

1/ Phật giáo Đại chúng

Thời Phật, xã hội Ấn Độ phân chia thành bốn giai cấp, gồm:

- Bà-la-môn (Brāhmaṇa): Giai cấp Tăng lữ, giai cấp học giả của xã hội Ấn Độ bấy giờ. Họ tự nhận sinh ra từ miệng Phạm-thiên. Giai cấp này làm mai mối giữa thần linh với con người. Họ có sáu quyền hạn: Tự ý làm đền thờ trời; làm thầy tế để tế trời; tự ý đọc Phệ đà (veda); dạy người khác đọc Phệ đà (veda); tự bố thí và tự nhận sự bố thí.

- Sát-đế-lợi (Kṣatriya): Giai cấp nắm giữ quyền lực chính trị và quân sự của xã hội Ấn Độ bấy giờ. Họ tự nhận sinh ra từ vai của Phạm-thiên. Và có bốn quyền hạn: Tự ý làm đền thờ trời, nhưng không được làm thầy

tế để tế trời; tiếp nhận Phệ-đa (veda) từ giai cấp Bà-la-môn, nhưng không được truyền trao; có quyền bố thí, nhưng không được nhận sự bố thí từ người khác; bảo hộ nhân dân.

- Phệ-xá (Vaiśya): Giai cấp nắm giữ doanh nghiệp, kinh tế của xã hội. Họ tự nhận sinh ra từ rốn của Phạm-thiên và có ba quyền hạn: Có quyền tự làm đền thờ trời, nhưng không được phép làm thầy tế để tế trời; có quyền đọc Phệ-đa, nhưng không có quyền dạy Phệ-đa cho người khác; có quyền bố thí, nhưng không có quyền được nhận sự bố thí từ người khác.

- Thủ-đa-la (Sūdra): Giai cấp lao động, giai cấp công nhân. Họ tự nhận sinh ra từ chân Phạm-thiên. Giai cấp này có một quyền hạn là lao động, cung cấp những nhu yếu cho ba chủng tính trên.

Sự phân định bốn giai cấp của Bà-la-môn trong xã hội Ấn Độ thời Phật như vậy rất có bài bản và rất rạch ròi, nhưng đức Phật đã phủ nhận những gì mà Bà-la-môn giáo chủ trương về bốn giai cấp ấy.

Khổ đau do bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết không dành cho một giai cấp nào trong xã hội mà dành cho tất cả chúng sinh, thì sự mong cầu giải thoát khỏi khổ đau từ bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết cũng không dành cho

một thành phần nào của xã hội mà của tất cả mọi người.

Nên, thời đức Phật hoằng pháp lợi sinh, mọi thành phần của xã hội Ấn Độ bấy giờ đều có thể quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và trong tứ chúng đệ tử của Thế Tôn lúc bấy giờ có mặt đầy đủ cả bốn chủng tính hay bốn giai cấp ấy.

Vì vậy, Phật giáo là của đại chúng mà không phải là của một thành phần nào.

Nên, có thể trẻ em không hiểu gì về đạo Phật, trẻ em không hiểu gì giáo lý, không hiểu gì tổ chức Phật giáo, nhưng vẫn có cảm tình với đạo Phật, với chùa chiền, với chư Tăng, cho nên theo ông bà nội ngoại, theo cha mẹ đến chùa, theo anh chị, theo bạn bè đến chùa, họ đến chùa là để ăn theo người lớn, chứ chưa hiểu gì về đạo, nhưng đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những người lớn tuổi, đầu đã bạc, mặt đã nhăn, nhưng cũng chưa biết gì đạo Phật, cũng không hiểu Phật giáo là gì, nhưng đi theo bạn bè đến chùa và chỉ dành một chút cảm tình với đạo Phật, thì đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những người giàu có tiền bạc không biết để đâu, sau khi chết, nên đem tiền bạc đến cúng cho chùa, như là

gửi vào ngân hàng phước đức, mong kiếm được chút phước đức cho tương lai, đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những hạng người trí thức, học hành thành đạt ở ngoài xã hội, nhưng chẳng biết gì đến đạo Phật, họ dành một chút cảm tình với đạo Phật, nên khi đến chùa, viếng cảnh, xem cá lội trong hồ Tâm hay nhìn cảnh kiến trúc hài hòa của ngôi chùa, từ đó sinh tâm cảm tình với đạo Phật, đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những thành phần chuyên tạo tội ác, sa vào lưới bẫy của luật pháp xã hội, họ sợ hãi vào chùa trốn tránh thì nhà Chùa vẫn dang tay che chở, cho họ cơm ăn, cho manh chiếu ngủ, rồi an ủi vỗ về khuyên lơn để sau đó hướng dẫn dạy dỗ họ, làm đúng đạo lý, sống đúng pháp luật.

Có những người cha chết, mẹ chết, chồng chết, vợ chết, con chết, họ tìm đến chùa xin được che chở và giúp đỡ, đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những người đến chùa xin xem quẻ, coi bói toán, cúng sao, cúng hạn, cúng quan sát... để được yên tâm, đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những người rất thành đạt về mặt thế gian, nhưng chưa biết gì về mặt đạo lý; hoặc có chức quyền,

nhưng không thỏa mãn được những nguyện lớn, họ tìm đến đạo Phật, đạo Phật vẫn tiếp nhận họ...

Phật giáo của đại chúng thì đủ mọi thành phần của xã hội, thành phần nào cũng cần đến đạo Phật và chỉ có Phật giáo đại chúng mới dung chứa hết mọi thành phần tín ngưỡng và tâm linh của xã hội.

Vì sao đạo Phật làm được điều này. Vì đức Phật là của tất cả chúng sinh, nên đạo Phật là đạo của chúng sinh và chúng sinh cần đạo Phật giúp họ thoát khổ ngay trong những điều kiện của họ đang có thể.

Chùa là nơi sinh hoạt của đạo Phật, nên chùa phải có khả năng đáp ứng mọi nhu cầu tín ngưỡng và tâm linh của hết thảy chúng sinh. Sở dĩ nhà chùa làm được điều đó, vì nhà chùa lấy chúng sinh làm gốc, lấy chúng sinh làm đối tượng thuần hóa và nâng chúng sinh từ vị trí phàm phu lên vị trí cao quý.

Những người xuất gia ở trong chùa hay những Phật tử sống chết với chùa là những vị đã phát bỏ đề tâm, nghĩa là phát khởi tâm nguyện rộng lớn, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh, nhờ tâm lượng rộng lớn như vậy mà Phật giáo dung chứa được hết thảy mọi thành phần xã hội, đa sắc, đa màu, đa dạng, đa căn cơ, đa trình độ, đa nỗi buồn, đa khổ đau, đa văn hóa như thế.

Phật giáo đại chúng là “vàng thau lẫn lộn”, “thánh phàm đồng cư”. Không có đất, vàng sẽ không có điều kiện để sinh ra. Không có chúng sinh đau khổ, Phật sẽ không có điều kiện để xuất gia và thành đạo. Không có dân, vua không có điều kiện để làm vua và ngồi trên thiên hạ.

Vậy, các Tăng Ni Phật Tử các cấp cần phải quán chiếu điều này một cách sâu sắc. Nếu không nhận ra và không hiểu được điều này thì càng ngày chúng ta sẽ càng mất quần chúng. Nếu chúng ta chỉ có hạt tốt mà không có đất gieo, thì hạt ấy cũng trở thành vô dụng.

Không có Phật giáo đại chúng thì sẽ không bao giờ có Phật giáo. Đây là điều hiểu biết căn bản, nếu là đệ tử Phật có tu học thì không ai là không hiểu, nhưng nếu không hiểu điều này thì rõ ràng không phải là đệ tử của Phật.

2/ Phật giáo học thuật

Học thuật Phật giáo không dừng lại ở mặt thuần hóa đạo đức cho đời sống thể tục, mà còn tiến xa hơn về mặt thuần hóa đạo đức tâm linh, hướng dẫn đời sống thể tục, nhắm tới đời sống giải thoát và giác ngộ cho con người tự thân, gia đình và xã hội, đời này và đời sau.

Nền học thuật Phật giáo phân định ra năm phân khoa thấp cao xuyên suốt khác nhau, gồm:

2/1- Nhân Thiên thừa Phật giáo

Nhân Thiên thừa là giáo lý Phật giáo trình bày về nhân duyên, nhân quả thuộc về thế giới của cõi Người và cõi Trời. Nội dung của hệ giáo lý này là trình bày giáo pháp Tam quy – Ngũ giới và Thập thiện Nghiệp đạo.

Nghĩa là thế giới của cõi Người, cõi Trời muốn hoàn hảo phước báo của mình để có thể tiến xa hơn vào phước báo của các bậc Thánh trí thì trước hết là phải thọ trì pháp Tam quy và Ngũ giới, và thực hành pháp Tam quy – Ngũ giới trong đời sống một cách miên mật.

Phước báo làm người mà không bị mất hướng đi, không sống mù quáng, luôn sống trong tỉnh giác, thông triệt ba cõi là do thực hành pháp quy y Phật mà sinh ra. Vì sao? Vì Phật là Toàn giác. Quy y Phật là nương tựa vào tính toàn giác của Phật, để phát huy tính bản giác nơi tự thân đến chỗ toàn giác.

Phước báo làm người mà không bị mất tự do, không bị ràng buộc ở trong sinh tử là do thực hành quy y Pháp mà sinh ra. Vì sao? Vì pháp là những phương pháp đức Phật dạy để trị liệu khổ đau và chuyển hóa vô

minh, tháo gỡ mọi sự trói buộc từ nghiệp lực, trả lại sự trong sáng và bất sinh diệt của tự tâm, nên đời sống giải thoát là do thực hành pháp của Phật dạy mà sinh ra.

Phước báo làm người mà sống ở trong sự an lạc và thanh cao là do thực hành quy y Tăng mà sinh ra. Vì sao? Vì bản thể của Tăng là hòa hợp và thanh tịnh, nên quy y Tăng là nương tựa vào bản thể ấy, để nhận diện tự tính thanh tịnh nơi tự tâm và phát huy tính ấy đến chỗ cùng tốt, sự lý viên dung vô ngại.

Phước báo làm người mà sống lâu là từ nơi giữ giới không sát sinh mà sinh ra. Phước báo làm người mà giàu có là từ nơi sự giữ giới không trộm cắp mà sinh ra. Phước báo làm người mà xinh đẹp là từ nơi giữ giới không tà hạnh mà sinh ra. Phước báo làm người mà có uy đức, danh dự là từ nơi giữ giới không nói dối mà sinh ra. Phước báo làm người mà thông minh, trí tuệ là từ nơi giữ giới không uống rượu mà sinh ra.

Những phước báo ấy là phước báo hoàn hảo ở trong thế giới con người. Và từ phước báo ấy, con người nỗ lực tu tập để tiến lên thành tựu phước báo của chư Thiên. Nên, Tam quy – Ngũ giới là tạo thành phước báo căn bản của cõi người và Thập thiện Nghiệp đạo là phước báo căn bản của chư Thiên.

Ngoài thực hành Thập thiện Nghiệp đạo, chư Thiên cõi trời Sắc giới còn thực hành Tứ thiên đề nhiếp phục ý tham, ý sân và ý si, nhằm thành tựu các thiện căn vô tham, vô sân, vô si, ấy là nguồn gốc của mọi điều thiện.

Chư thiên cõi trời Vô sắc giới, không những thuần thực pháp Tứ Thiên mà còn thực hành Tứ không định, để thấy rõ nền tảng của mọi sự hiện hữu là Không, gọi là Không vô biên xứ; nền tảng của mọi sự hiện hữu là Thức, gọi là Thức vô biên xứ; nền tảng của mọi sự hiện hữu là không sở hữu, gọi là Vô sở hữu xứ và nền tảng của mọi sự hiện hữu là Tướng và phi tướng, gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ.

Tuy phước báo Nhân và Thiên là như vậy, nhưng vẫn còn nằm trong sinh tử luân hồi, vì do không thấy rõ Tứ thánh đế để tu tập, nhằm đạt tới tuệ giác “tri khổ, đoạn tập, chứng diệt và tu đạo”, như các bậc Thánh trí.

Vì vậy, phước báo của cõi người, cõi trời phải được tu tập để nâng lên thành phước báo của các bậc Thánh trí Thanh văn, gọi là Thanh văn thừa.

2/2 Thanh văn thừa

Thanh văn thừa là hệ giáo lý đặt nặng về sự giáo

dục do quan hệ thầy trò đem lại. Thầy dạy trò con đường giải thoát, giác ngộ và học trò tiếp nối sự nghiệp giải thoát, giác ngộ từ Thầy, thế hệ này trao truyền đến thế hệ khác không bị đứt mất.

Tứ thánh đế là hệ giáo lý chủ não của Thanh văn thừa, thầy dạy cho học trò, khiến học trò nhãn sinh, trí sinh, minh sinh và giác sinh. Nhãn sinh, nghĩa là từ nơi sự học hỏi và thực tập Tứ thánh đế, khiến cách nhìn thấy sự thật về khổ, tập, diệt, đạo của người học trò được sinh ra. Trí sinh, nghĩa là trí tuệ do học hỏi và thực hành sự thật về khổ, tập, diệt, đạo mà sinh ra. Minh sinh, nghĩa là sự hiểu biết đúng sự thật do học hỏi và thực hành về khổ, tập, diệt, đạo mà sinh ra. Giác sinh, nghĩa là sự giác ngộ về sự thật từng phần và toàn phần đối với Thánh đạo, do học hỏi và thực hành về khổ, tập, diệt, đạo mà sinh ra.

Nhờ vậy, các Thánh giả Thanh văn thành tựu các Thánh quả giải thoát từ Tu-đà-hoàn đến A-la-hán, chấm dứt mọi khổ uẩn bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết do các loại ái nghiệp đem lại, họ sống tự tại giữa sinh tử. Sống chết đối với họ đều có chủ quyền và tự do.

2/3 Duyên giác thừa

Duyên giác là hệ giáo lý chú trọng về sự tự giác,

tự ngộ. Những bậc Thánh giả Duyên giác ra đời không gặp Phật, tự mình ý thức về khổ và tự mình tu tập giác ngộ sự thật về khổ qua Mười hai chi duyên khởi.

Nhận rõ, lão tử là do duyên từ nơi sinh mà biểu hiện; sinh là do duyên từ nơi hữu mà biểu hiện; hữu là do duyên từ nơi thủ mà biểu hiện; thủ là do duyên từ nơi ái mà biểu hiện; ái là do duyên từ nơi thọ mà biểu hiện; thọ là do duyên từ nơi xúc mà biểu hiện; xúc là do duyên từ nơi lục nhập mà biểu hiện; lục nhập là do duyên từ nơi danh sắc mà biểu hiện; danh sắc là do duyên từ nơi thức mà biểu hiện; thức là do duyên từ nơi hành mà biểu hiện; hành là do duyên từ nơi vô minh mà biểu hiện. Vô minh là do không thấy rõ Tứ thánh đế, nên liên hệ với tác nghiệp, tạo thành khổ uẩn ở trong sinh tử.

Thánh giả Duyên giác do tự thân giác ngộ hai mặt lưu chuyển và hoàn diệt của Mười hai chi duyên khởi, nên chấm dứt sinh tử và tự chứng nhập Niết bàn, không thiết lập quan hệ đệ tử.

Duyên giác khác với hàng Thánh giả Thanh văn là vô sư tự ngộ, còn hàng Thánh giả Thanh văn do có bậc thầy khai ngộ mới ngộ.

Hệ giáo lý Duyên giác thừa chú trọng đến phần tự

giác, tự ngộ.

2/4 Bồ tát thừa

Bồ tát thừa là hệ giáo lý bao gồm cả Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa và Duyên giác thừa, nhưng lại phát triển ý thức tự giác, tự ngộ lên một tầm cao và rộng, ấy là ngoài tự giác còn phải nỗ lực giác tha, ngoài tự ngộ phải phát khởi tâm Bồ đề để độ tha và làm cho chúng sinh cũng được giác ngộ với sự thực hành mười ba-la-mật hay sáu ba-la-mật.

Mười Ba-la-mật hay Sáu Ba-la-mật đều lấy Bồ đề tâm làm chủ yếu.

Mười ba-la-mật gồm:

- Bồ thí Ba-la-mật: Bồ thí mang tính chất vô ngã và không kẹt mắc ở nơi vật thí, người thí và đối tượng nhận thí.

- Trì giới Ba-la-mật: Trì giới thích ứng với tự tính thanh tịnh.

- Nhẫn nhục Ba-la-mật: Nhẫn nhục thích ứng với tự tính vô sân, nên không thấy có người nhẫn, không thấy có pháp để nhẫn và không thấy có ai làm bức hại để nhẫn.

- Tinh tấn Ba-la-mật: Nỗ lực đoạn trừ hết thảy điều ác, thành tựu hết thảy điều thiện, nhưng luôn luôn thấy tự tâm thanh tịnh là đệ nhất nghĩa thiện.

- Thiền định Ba-la-mật: Tâm thường trú ở nơi vô ngã và vô pháp.

- Tuệ Ba-la-mật: Tuệ thấy rõ chân như của vạn hữu là vô ngã và vô pháp.

- Phương tiện Ba-la-mật: Từ tình thương vô ngã, khéo sử dụng mọi phương tiện để khai thị chân như diệu nghĩa cho hết thảy mọi căn cơ ngộ nhập.

- Nguyện Ba-la-mật: Phát khởi và nuôi dưỡng tâm nguyện Bồ đề ngay ở nơi các hành hoạt từ thực tiễn đến tinh tế.

- Lực Ba-la-mật: Có năng lực nuôi dưỡng thiện pháp giảm trừ ác pháp, để đạt đến chân như, thâm nhập Phật tính.

- Trí Ba-la-mật: Trí tuệ có năng lực thấu triệt mọi tướng, thể, tính, lực, nhân, duyên, quả, báo, gốc rễ, ngọn ngành của hết thảy pháp.

Mười Ba-la-mật được đề cập ở kinh Đại-bát Niết-bàn, có phần khác với mười Ba-la-mật ở trong kinh Bản sinh của kinh tạng Pāli.

Mười Ba-la-mật được đề cập ở trong kinh tạng Pāli gồm: Thí, giới, bát-nhã, tấn, nhẫn, ly thế, chân thực, quyết ý, từ bi, xả.

Theo văn hệ Bát-nhã, Lục Ba-la-mật gồm:

- Bồ thí Ba-la-mật: Thực hành bố thí một cách triệt để và hoàn hảo.

- Trì giới Ba-la-mật: Trì giới một cách hoàn hảo và triệt để từ tâm nguyện đến thân hành.

- Nhẫn nhục Ba-la-mật: Nhẫn nhục đạt đến sự hoàn hảo tuyệt đối, không còn ý niệm nhân, ngã khởi lên trong khi tiếp xúc và thực hành tâm từ bi với mọi đối tượng.

- Tinh tấn Ba-la-mật: Thực hành tinh tấn, khiến các hạnh Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định và trí tuệ đến chỗ toàn hảo, tuyệt đối.

- Thiền định Ba-la-mật: Thực hành thiền định, tâm thường ở vào trạng thái tĩnh giác và tịch lặng hoàn toàn.

- Trí tuệ Ba-la-mật: Tâm ở vào trạng thái sáng suốt hoàn toàn, soi chiếu và quán triệt tính chân thật của vạn hữu.

Kinh Giải Thâm Mật cho rằng: Từ sáu Ba-la-mật

mà khai triển thêm bốn Ba-la-mật như Phương tiện Ba-la-mật là để hỗ trợ cho sự thực hành đối với Thí, giới và nhẫn ba-la-mật; Nguyện ba-la-mật là hỗ trợ cho Tinh tấn ba-la-mật; Lực ba-la-mật là hỗ trợ cho Thiền định ba-la-mật và Trí ba-la-mật là hỗ trợ Bát-nhã hay Tuệ ba-la-mật.

Cũng chính kinh này, phối hợp Lục ba-la-mật với Giới-định-tuệ như sau: Bồ thí, trì giới và nhẫn nhục thuộc về Tăng thượng giới học; Thiền định thuộc về Tăng thượng tâm học; Bát-nhã hay tuệ thuộc về Tăng thượng tuệ học và tinh tấn bao gồm cả ba học Giới-định-tuệ.

2/5 Phậi thừa

Phậi thừa là điểm quy hướng của các thừa gồm: Nhân thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa. Nên, Phậi thừa còn gọi là Nhất thừa.

Vì do tám ý nghĩa mà nói là Nhất thừa:

- Do pháp đồng: Nghĩa là các hàng Thanh văn cùng tồn tại trong một pháp giới tính hay cùng trong một thể tính chân như và tất cả cùng một điểm đến, nên gọi là Nhất thừa.

- Do vô ngã đồng: Nghĩa là các Thanh văn thừa

hay Đại thừa đều đồng một thể tính vô ngã. Trong tự thể tồn tại của vô ngã ấy không có sự phân biệt nhân cách giữa Thanh văn thừa và Bồ tát thừa, nên gọi Nhất thừa.

- Do giải thoát đồng: Nghĩa là các hàng Thanh văn thừa và Bồ tát thừa đều cùng có một mục đích là tu tập thoát ly sinh tử và giải trừ các chương ngại Niết bàn do các loại phiền não đem lại, nên gọi là Nhất thừa.

- Do Phật tự ý: Nghĩa là do ý hướng đồng nhất của chư Phật về sự giáo hóa chúng sinh, cuối cùng sự giáo hóa của các Ngài là đều đưa chúng sinh đến chỗ thành Phật, nên gọi là Nhất thừa.

- Do nói hàng Thanh văn thành Phật: Nghĩa là theo kinh Pháp Hoa, hết thảy Thanh văn đều được chư Phật giáo hóa và điểm cuối cùng là đưa họ đến chỗ thọ ký thành Phật, nên gọi là Nhất thừa.

- Do biến hóa: Nghĩa là Phật hóa thân thành Thanh văn, để giáo hóa hàng Thanh văn thành Phật, đó là phương tiện thiện xảo của chư Phật, nên gọi là nhất thừa.

- Do cứu cánh: Nghĩa là mục đích cuối cùng sự giáo hóa hết thảy chúng sinh của chư Phật là tìm đủ mọi cách để giúp chúng sinh thành Phật, chứ không có mục đích nào khác, nên gọi là Nhất thừa.

Nhất thừa là cảnh giới chứng ngộ của chư Phật và đó là hạnh tối hậu của Bồ tát thừa hướng tới. (Tham khảo: Trang Nghiêm Kinh, Tr 615, Đại Chính 31; Nhiếp Luận Thích, tr 377, Đại Chính 31).

Và Nhất thừa là giáo nghĩa nói về Phật tính nơi hết thảy chúng sinh, ấy là Như lai tạng tính là tính bản nhiên, tính toàn giác nơi hết thảy chúng sinh.

Sở dĩ, đức Phật dạy giáo nghĩa này là để giúp chúng sinh phá trừ tâm thấp kém; phá trừ tâm khinh mạn đối với người kém hơn mình; loại trừ tâm chấp trước vọng tưởng; trừ diệt tâm phỉ báng pháp chân thật; loại trừ tâm chấp ngã và chấp trước của hàng Thanh văn, Ngoại đạo và Bồ tát, khiến tất cả đều khởi tâm tinh cần, tâm cung kính, trí bát nhã, tâm biểu hiện công đức của chân trí và tâm đại bi, đưa tất cả họ nhập vào biển cả giác ngộ của chư Phật.

Đại biểu cho giáo nghĩa Nhất thừa được diễn tả Phật tính thường trú ở trong các kinh điển Đại thừa mà cụ thể là Kinh Thắng Man, Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Bồ tát giới Phạm Võng, Bồ tát giới Anh lạc...

Ấy là Phật giáo học thuật đi từ thấp lên cao, từ cạn tới sâu, từ hẹp tới rộng.

3/ Phật giáo tổ chức

Từ Phật giáo đại chúng, Phật giáo học thuật tiến lên một bước nữa là Phật giáo tổ chức. Phật giáo tổ chức là Phật giáo được thiết lập trên nền tảng của Luật tạng.

Nói đến tổ chức là nói đến luật. Không có tổ chức nào mà không có luật của nó. Luật là quy định trách nhiệm và bổn phận cần thiết mà một thành viên trong tổ chức phải tuân thủ.

Tổ chức Phật giáo bao gồm cả hàng xuất gia và tại gia. Hàng xuất gia gồm có Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na, Tỷ khưu và Tỷ khưu ni, Bồ tát tăng. Trong các giới xuất gia này mỗi giới đều có giới luật riêng để hành trì. Hàng tại gia, gồm có Ưu bà tắc, Ưu bà di và Bồ tát giới tại gia.

Giới luật Phật giáo quy định khá rõ ràng và minh bạch, thế nào là giữ gìn giới luật và thế nào là vi phạm giới luật và những phương pháp xử trị những thành viên vi phạm giới luật tùy theo mức độ phạm tội qua các chủng loại danh, chủng, tính, tướng và qua các loại khai, già, trì, phạm.

Luật học Phật giáo gồm có: Tứ Phần Luật, Ngũ Phần Luật, Ma Ha Tăng Kỳ Luật, Thập Tụng Luật,

Thiện Kiến Luật, Giải Thoát Giới Kinh, Tỳ Ni Mẩu,... Phạm Võng Kinh, Bồ Tát Anh Lạc Nghiệp Kinh, Ưu Bà Tắc Giới Kinh,... Tất cả những giới luật này hiện có ở trong Đại Chính 22, 23, 24.

Cho nên, Phật giáo là một tổ chức mang tính khoa học sớm nhất của xã hội con người. Tổ chức Phật giáo quy định đầy đủ các điều khoản cần phải thi hành cho cả hai giới xuất gia và tại gia, cho cả hai giới tính nam và nữ, từ đời sống tại gia đến đời sống xuất thế, từ đời sống phạm tục đến đời sống của một bậc Thánh giải thoát.

Nên, về mặt tổ chức chưa có một Tôn giáo nào, một tổ chức xã hội nào vượt qua tổ chức luật học của Phật giáo từ mặt phạm tục đến mặt xuất thế.

4/Phật giáo thực nghiệm

Đức Phật đã từng dạy ở trong kinh A-hàm: “Những gì Như lai nói là Như lai đã làm và những gì Như lai đã làm thì Như lai mới nói”.

Nên, toàn bộ giáo pháp do đức Phật dạy đều là giáo pháp do Ngài đã thực nghiệm và có kết quả nhất định, trước khi công bố cho đại chúng, bao gồm cả thế giới trời, người.

Trong kinh A-hàm đức Phật dạy: “Giáo pháp của

Ngài dạy là đến để mà thấy, thiết thực ngay trong đời sống, dập tắt phiền não, đoạn tận khổ đau, được bậc trí giả nội chứng...”.

Phật giáo thực nghiệm là Phật giáo công bố kết quả đã thực nghiệm thành công, qua các trải nghiệm từ thân thể, cảm thọ, tâm hành, nội pháp và ngoại pháp, chứ không phải công bố lý thuyết.

Đức Phật dạy, pháp do Ngài giảng dạy: “buổi sáng thực hành, buổi chiều có kết quả, đêm nay thực hành, sáng mai có kết quả, hay phút trước thực hành là vài phút sau có kết quả...”.

Tác dụng giáo pháp Phật dạy là đoạn tận khổ đau. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo ở trong Đạo đế của Tứ Thánh Đế đều là những pháp hành để đoạn tận khổ đau. Đạo đế là con đường đoạn tận Tập đế, chấm dứt Khổ đế và hiện chứng Diệt đế hay Niết bàn.

Vì vậy, Phật giáo thực nghiệm là rất quan trọng, thiếu thực nghiệm là chưa phải hay không phải Phật giáo.

5/Phật giáo chứng ngộ

Nhờ có thực nghiệm mà dẫn tới chứng nghiệm. Thực nghiệm phần nào thì chứng nghiệm phần ấy.

Trong năm giới, có người thọ trì toàn phần, có

người thọ trì đa phần, có người thọ trì bán phần, có người thọ trì thiếu phần, có người thọ trì nhất phần. Ai thọ trì ngang đầu thì kết quả của các thiện nghiệp đạo sẽ xảy ra cho họ ngang đó và họ thành tựu phước báo đúng với mức độ mà họ đã hành trì.

Đối với hàng Thánh giả Thanh văn, sự chứng ngộ cao nhất của họ là A-la-hán quả, chấm dứt sinh tử ở trong ba cõi và thấp nhất là Thánh quả Thất lai, nghĩa là họ còn phải trở lại cõi Dục giới tối thiểu là bảy lần để tiếp tục tu tập, đoạn trừ các lậu hoặc phiền não, trước khi chấm dứt sinh tử hoàn toàn.

Đối với hàng Duyên giác là do giác ngộ sự và lý của mười hai chi phần duyên khởi, khiến các phiền não ái, thủ, hữu, vô minh và hành đoạn tận, tự mình giác ngộ, chấm dứt sinh tử khổ đau.

Sự chứng ngộ của hàng Bồ tát có nhiều cấp bậc sâu cạn, cao thấp khác nhau, tùy theo sự phân định và giải thích của các kinh điển thuộc văn hệ Đại thừa.

Có bốn mươi hai địa vị tu chứng hay năm mươi hai địa vị tu chứng hoặc năm mươi sáu địa vị tu chứng, kể từ khi phát khởi tâm Bồ đề tu tập Bồ tát đạo.

Nhưng, sự chứng ngộ cao nhất của Bồ tát là tự

nhận biết tự thân có Phật tính hay Như lai tạng tính và thường an trú ở nơi tự tính thanh tịnh ấy để đạt đến sự toàn giác, chánh biến giác và thường sống ở nơi tự tính chánh biến giác ấy mà giáo hóa hết thảy chúng sinh.

Tuy giáo hóa hết thảy chúng sinh mà không hề xa rời tự tính giác ngộ. Tuy ở trong cõi phiền não của chúng sinh để giáo hóa muôn loài, mà không bị các loại phiền não khởi sinh làm chướng ngại tự tính thanh tịnh.

Như vậy, sự chứng ngộ cao nhất trong Phật giáo là Phật. Phật thường trú Niết bàn mà không rời bản nguyện độ sinh. Tuy hóa độ hết thảy chúng sinh mà đương xứ thanh tịnh. Ấy là sự chứng ngộ và giác ngộ của Phật.

Do đó, những nhà làm giáo dục ở trong Phật giáo không thể không biết và không nghiên cứu các phân khoa Phật giáo này một cách tường tận để hoạch định đường hướng giáo dục Phật giáo cho Tăng Ni và Phật tử có tính xuyên suốt giáo pháp của Phật và ứng dụng giáo pháp ấy của Ngài vào mọi thời đại.

Thích Thái Hòa

Vì tính: Minh Tâm

Chính tả: Từ Nguyên, Tâm Dung

Bìa: Bảo An

Công ấn: Nhuận Pháp Nguyên